

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4278** /BTC-ĐTNN

Hà Nội, ngày **04** tháng 4 năm 2025

V/v đề nghị thẩm định hồ sơ xây dựng
Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm
tài chính quốc tế tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 26/3/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 75/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trong đó đã bổ sung Nghị quyết về Trung tâm tài chính tại Việt Nam theo quy trình, thủ tục rút gọn. Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó bao gồm: (i) dự thảo Tờ trình Chính phủ; (ii) dự thảo Nghị quyết; (iii) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hiện hành; (iv) Báo cáo giải trình ý kiến của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan.

Để kịp trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025), Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (xin gửi kèm theo).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ ./

Nơi nhận:

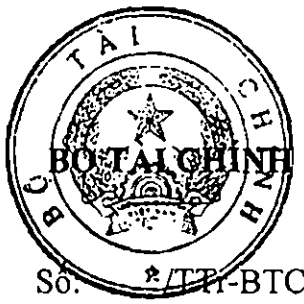
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, ĐTNN_{MT}

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội
về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo số 47-TB/TW ngày 15 tháng 11 năm 2024 Kết luận của Bộ Chính trị về việc xây dựng Trung tâm tài chính tại Việt Nam, Nghị quyết số 75/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và các ý kiến góp ý, thẩm định, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính (TTTC) quốc tế tại Việt Nam và trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 (Mục V.5) được Đại hội XIII của Đảng thông qua đã giao nhiệm vụ: “*Thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế*”; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 (Mục IV.3) xác định nhiệm vụ: “*ngiên cứu và thiết lập cơ chế đặc thù thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế*”. Nghị quyết số 31-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ, giải pháp (Mục III.1 và III.6): “*có cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh*” và “*ban hành chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; cho thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ trong lĩnh vực tài chính và chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Trung tâm Tài chính quốc tế*”; đồng thời, Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị (Mục III.2) cũng đặt ra nhiệm vụ: “*Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế*”.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị (Mục III.3) đặt ra nhiệm vụ: “*Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp*

vùng”; trước đó, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị (điểm 2.1 Mục II.2) đã xác định mục tiêu: *“xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính...”*.

- Thông báo số 47-TB/TW ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam đã giao Ban cán sự Đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật (trước mắt là Nghị quyết của Quốc hội) về Trung tâm tài chính quy định các nội dung mang tính chất nguyên tắc, khung chính sách và giao Chính phủ quy định văn bản phù hợp hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể phát sinh.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (điểm 3.1 Điều 3) nêu: *“có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp”* và *“đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”*.

- Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo số 47-TB/TW; trong đó có nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về TTTC: *“Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính”*.

- Điểm b, e khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”, “các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội”*.

1.2. Cơ sở thực tiễn

a) Bối cảnh thể giới và khu vực

- Trung tâm tài chính là một *“hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính tập trung tại một khu vực nhất định”*, là nơi tập trung nhiều định chế tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty dịch vụ tài chính và các sàn giao dịch chứng khoán, tiền tệ, hàng hóa. Xây dựng TTTC là việc hình thành một khu vực có chính sách và khung pháp lý riêng, vượt trội, đặc thù, khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để cung cấp các sản phẩm/dịch vụ tài chính, phi tài chính có liên quan kết nối với các Trung tâm tài chính quốc tế.

- Thế giới hiện có 121 TTTC, cơ bản được chia thành 3 nhóm chính (theo mức độ từ thấp đến cao): TTTC quốc gia, TTTC khu vực, TTTC quốc tế¹. Việc đánh giá mức độ phát triển và cạnh tranh của các TTTC trên thế giới được căn cứ trên bộ chỉ số TTTC toàn cầu (GFCI)², gồm 5 trụ cột chính³: (i) môi trường kinh doanh⁴; (ii) hệ sinh thái tài chính⁵; (iii) cơ sở hạ tầng⁶; (iv) nguồn nhân lực⁷; và (v) thương hiệu, danh tiếng của Thành phố nơi đặt TTTC⁸. Chính sách và khung pháp lý cho TTTC thường tập trung để thúc đẩy, phát triển 5 trụ cột này.

- Kinh tế thế giới đang có dịch chuyển về khu vực Châu Á. Nhu cầu về một TTTC mới, khác biệt với những TTTC hiện có với các dịch vụ tài chính mới, tiếp cận các thị trường mới, xu thế phát triển mới... để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn, cung cấp dịch vụ tài chính mới, tiếp cận các thị trường mới, xu thế phát triển mới... đang cấp thiết. Trong đó, khả năng hình thành TTTC mới ở Châu Á - Thái Bình Dương, nơi được đánh giá là trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay đang ngày càng bộc lộ rõ nét.

b) Bối cảnh trong nước

- Việt Nam đang là điểm sáng về phát triển và tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút đầu tư, đang dần hội tụ các yếu tố cần thiết để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành Trung tâm tài chính, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới.

- Việt Nam nằm trong số những thị trường dẫn đầu về tỷ lệ áp dụng các công nghệ tài chính tương lai, có thể tạo được lợi thế cạnh tranh, hình thành các sản phẩm “đặc thù” cho TTTC ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên sẵn có để phát triển TTTC khu vực và quốc tế như nằm ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á⁹; có múi giờ khác biệt với 21 TTTC lớn nhất toàn cầu (đây là lợi thế “riêng có và đặc biệt” trong việc thu hút dòng vốn nhân rồi trong thời

¹ Ngoài ra còn có các TTTC hải ngoại (như British Virgin Islands, Cayman, Bahamas) là TTTC chuyên cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới cho các chủ thể hoạt động tại các quốc gia khác.

² Do Viện Nghiên cứu Z/Yen (1994) thuộc TTTC London xây dựng lần đầu vào năm 2007. Bộ chỉ số được rà soát theo định kỳ hai lần/năm nhằm đánh giá và theo dõi tình hình phát triển của các TTTC trên thế giới. Chi tiết tại <https://www.longfinance.net/programmes/financial-centre-futures/global-financial-centres-index/about/> và <https://www.longfinance.net/programmes/financial-centre-futures/global-financial-centres-index/gfci-methodology/>

³ Cả 05 trụ cột này được đánh giá thông qua bộ chỉ tiêu gồm 147 tiêu chí và thông qua 2 nhóm phân tích chính: (i) các chỉ số đánh giá của các tổ chức uy tín (World Bank, OECD, Liên hợp Quốc...) và (ii) khảo sát ý kiến của các chuyên gia, nhà đầu tư và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

⁴ Bao gồm các yếu tố: (i) mức độ thuận lợi hóa đầu tư kinh doanh, (ii) tính linh hoạt của thị trường lao động, (iii) chất lượng cơ sở hạ tầng kinh doanh và (iv) mức độ tham nhũng.

⁵ Bao gồm các yếu tố: (i) quy mô và tính thanh khoản của thị trường, (ii) phạm vi các sản phẩm và dịch vụ tài chính sẵn có và (iii) chất lượng của các tổ chức tài chính nội tại.

⁶ Bao gồm các yếu tố: (i) cơ sở hạ tầng sẵn có; (ii) hệ thống công nghệ thông tin; (iii) cơ sở hạ tầng giao thông; và (iv) định hướng phát triển bền vững.

⁷ Bao gồm các yếu tố: (i) nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn có; (ii) tính linh hoạt của thị trường lao động; (iii) sự phát triển của ngành giáo dục đào tạo; và (iv) chất lượng cuộc sống.

⁸ Bao gồm các yếu tố: (i) thương hiệu và sức hấp dẫn của thành phố; (ii) mức độ đổi mới sáng tạo; (iii) đa dạng văn hóa; (iv) vị trí cạnh tranh so với các TTTC khác

⁹ Thành phố Hồ Chí Minh chỉ cách khoảng 3 giờ bay với các nền kinh tế năng động của Châu Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

gian nghỉ giao dịch từ các trung tâm này). Việt Nam có Thành phố Hồ Chí Minh được đưa vào xếp hạng trong danh sách chính thức các TTTC toàn cầu¹⁰.

- Tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết của Quốc hội bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; củng cố, chuẩn bị tốt các yếu tố nền tảng nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, góp phần tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030.

- Việc xây dựng, củng cố và phát huy các lợi thế cạnh tranh để hình thành TTTC khu vực, hướng đến TTTC quốc tế đặt ra nhiều thách thức với Việt Nam. Tuy nhiên nếu thành công, sẽ giúp Việt Nam: (i) kết nối thị trường tài chính toàn cầu; (ii) thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra nguồn lực đầu tư mới, thúc đẩy nguồn lực đầu tư hiện hữu; (iii) tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế; (iv) thúc đẩy phát triển thị trường tài chính Việt Nam hiệu quả, bắt kịp chuẩn mực quốc tế; (v) góp phần phát triển bền vững kinh tế đất nước, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; từ đó bảo đảm quốc phòng an ninh, nhất là trong lĩnh vực tài chính từ sớm, từ xa. Việc xây dựng, vận hành và phát triển TTTC khu vực và quốc tế có tính cạnh tranh tại Việt Nam sẽ góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn trong nước và quốc tế thì việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam là hết sức cần thiết.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết:

Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm mục tiêu:

a) Xây dựng và phát triển TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng trở thành các TTTC quốc tế hàng đầu, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong mạng lưới tài chính toàn cầu, gắn với động lực tăng trưởng kinh tế.

b) Thúc đẩy tài chính bền vững, khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh và huy động nguồn lực cho các dự án chuyển đổi năng lượng, đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

c) TTTC quốc tế vận hành theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và TTTC lớn trên thế giới, tạo điều kiện liên kết các sản phẩm giao dịch trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn và công nghệ tài chính vào Việt Nam.

¹⁰ tại Báo cáo GFCI 31 (năm 2022), Thành phố Hồ Chí Minh có thứ hạng là 102/120; tại Báo cáo GFCI 35 (tháng 3/2024), xếp thứ hạng 108/121; tại Báo cáo GFCI 36 (tháng 9/2024), xếp thứ hạng 105/121.

d) Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tài chính trong nước và nước ngoài; tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho chuyên gia, doanh nhân quốc tế tại TTTCQT.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Việc xây dựng Nghị quyết cần bám sát, thể chế hóa chủ trương, quan điểm và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển TTTC tại Việt Nam;

b) Bảo đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt và liên tục của Nhà nước; phù hợp với Thông báo số 47-TB/TW ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về kết luận của Bộ Chính trị về việc xây dựng TTTC tại Việt Nam.

c) Việc thành lập, hoạt động của TTTC tuân thủ nguyên tắc bền vững, hiệu quả, tin cậy, minh bạch, công bằng với các mục tiêu nâng cao vị thế trở thành TTTC quốc tế, phát triển và đa dạng hóa nền kinh tế, tăng tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ tài chính và các hoạt động liên quan.

d) Việc xây dựng Nghị quyết cần tham khảo thông lệ, kinh nghiệm quốc tế về các nội dung, vấn đề mới đề xuất quy định các chính sách đặc thù, vượt trội đối với TTTC, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Nghị quyết quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, là khung chính sách phát triển TTTC; các nội dung chi tiết, vấn đề cụ thể giao Chính phủ quy định.

đ) Bảo đảm cân đối lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân trên tinh thần hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro; cần dự báo và có thể phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định và đi kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp để tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn; qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh “phi truyền thống”; ổn định và phát triển toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ ngành liên quan và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng thành lập Ban soạn thảo, Tổ Biên tập¹¹ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC quốc tế tại Việt Nam.

2. Bộ Tài chính và Ban soạn thảo đã tổ chức tham vấn các chuyên gia, tổ chức quốc tế có kinh nghiệm về TTTC¹²; tổ chức các Hội thảo lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập, các định chế tài chính, các công ty luật, công ty tư vấn, kiểm toán, các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế về dự thảo Nghị quyết¹³; làm việc, trao đổi trực tiếp với các Bộ ngành và cơ quan liên quan để làm

¹¹ Quyết định số 248/QĐ-BKHĐT ngày 04/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

¹² Hội đồng phát triển dịch vụ tài chính Hong Kong (FSDC), TheCityUK, Deloitte, BCG, Viện Tony Blair,...

¹³ 02 Hội thảo: Hội thảo Ban Soạn thảo Nghị quyết ngày 18/2/2025, Hội nghị phát triển TTTC tại TP. Hồ Chí Minh ngày 28/3/2025

rõ các chính sách tại dự thảo Nghị quyết¹⁴; đồng thời tổ chức Đoàn công tác khảo sát và học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển TTTC¹⁵.

2.3. Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung và chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025¹⁶. Trên cơ sở đó, ngày 26/3/2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 75/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trong đó đã bổ sung Nghị quyết về Trung tâm tài chính tại Việt Nam thực hiện theo quy trình thủ tục rút gọn.

2.4. Trên cơ sở ý kiến các Bộ ngành và các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC quốc tế tại Việt Nam và gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP ngày /2025 theo quy định của pháp luật.

2.5. Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính có báo cáo số /BC-BTC ngày /2025 giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC quốc tế tại Việt Nam trình Chính phủ xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam gồm 06 Chương và 38 Điều với các nội dung chính như sau:

1. Chương I quy định những vấn đề chung, gồm: (i) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ; (ii) Mục tiêu phát triển TTTC quốc tế; (iii) Nguyên tắc thành lập, hoạt động của TTTC quốc tế; (iv) Áp dụng pháp luật tại TTTC quốc tế; (v) Ngôn ngữ áp dụng tại TTTC quốc tế. Theo đó:

- TTTC quốc tế được xác định rõ về lãnh thổ, lĩnh vực và phạm vi áp dụng. Về lãnh thổ, TTTC quốc tế sẽ được thực hiện tại TP Hồ Chí Minh với quy mô toàn diện và TTTC khu vực tại TP Đà Nẵng.

- Hai địa phương này được lựa chọn dựa trên lợi thế sẵn có về kinh tế, cơ sở hạ tầng và kết nối quốc tế, nhằm tạo các cực tăng trưởng mới. Phạm vi hoạt động của các TTTC quốc tế bao gồm toàn bộ các dịch vụ tài chính (ngân hàng, thị trường vốn, bảo hiểm, quản lý tài sản, fintech...) và các dịch vụ hỗ trợ liên quan trong ranh giới địa lý xác định của TTTC quốc tế. Các doanh nghiệp tài chính đáp ứng điều kiện sẽ được đăng ký Thành viên TTTC và hưởng các cơ chế, chính sách đặc thù trong phạm vi trung tâm.

- TTTC quốc tế sẽ hoạt động như “một đặc khu tài chính” trong lòng đô thị, có ranh giới và đối tượng áp dụng rõ ràng, tương đối tách biệt với thị trường nội địa về mặt cơ chế. Những lĩnh vực tài chính triển khai tại TTTC sẽ tuân thủ khung

¹⁴ Làm việc và trao đổi trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao

¹⁵ Đoàn công tác do Phó thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đi 3 nước đi Anh, Luxembourg và Đức; tổ chức học tập kinh nghiệm tại một số quốc gia (UAE, Trung Quốc)

¹⁶ Tờ trình số 136/TTr-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội

pháp lý đặc thù do Quốc hội và Chính phủ quy định riêng cho trung tâm, hướng đến đạt các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất.

- Hoạt động quản lý Nhà nước trong TTTC quốc tế phải đảm bảo sự độc lập của TTTC quốc tế và các Thành viên TTTC quốc tế.

- Các cơ quan quản lý TTTC quốc tế được tổ chức tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân theo quy định và phù hợp thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

- Làm rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật trong TTTC quốc tế theo hướng: Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại TTTC quốc tế được thực hiện theo quy định: (i) Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn; (ii) Văn bản do Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính¹⁷ được ban hành theo thẩm quyền; (iii) Pháp luật hiện hành của Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định nêu trên không quy định.

Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia giao dịch là Thành viên TTTC quốc tế, các bên trong giao dịch *được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nước ngoài* đối với giao dịch đó, trừ trường hợp giao dịch liên quan đến bất động sản tại Việt Nam.

- Đồng thời, để đảm bảo tính minh bạch, ổn định, bền vững của chính sách áp dụng trong TTTC quốc tế, dự thảo Nghị quyết đã làm rõ mối quan hệ giữa Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn với quy định của pháp luật hiện hành. Cho phép Cơ quan quản lý, điều hành và Cơ quan giám sát TTTC quốc tế được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đặc biệt, để có thể xử lý linh hoạt các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị quyết quy định cho phép Chính phủ ban hành Nghị định để thí điểm trong thời gian tối đa 02 năm để xử lý các vấn đề phát sinh khác với Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của UBTVQH sau khi báo cáo UBTVQH và báo cáo Quốc hội tại phiên họp gần nhất.

2. Chương II quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập TTTC quốc tế; Cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTC quốc tế. Theo đó, Chính phủ sẽ ban hành Nghị định về thành lập TTTC quốc tế, trong đó quy định một số nội dung chính như mục tiêu, định hướng phát triển TTTC quốc tế; lộ trình và kế hoạch phát triển; ranh giới TTTC quốc tế; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức TTTCQT; cơ chế, chính sách đặc thù đối với TTTC quốc tế thuộc thẩm quyền của Chính phủ; thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTC quốc tế.

Theo đó, Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTC quốc tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập nhằm chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về TTTC quốc tế; thúc đẩy việc phát triển TTTC quốc tế.

¹⁷ (i) Cơ quan quản lý, điều hành; (ii) Cơ quan giám sát;

Cơ quan, tổ chức thuộc TTTC quốc tế gồm: (i) Cơ quan quản lý, điều hành; (ii) Cơ quan giám sát; (iii) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC. Theo thẩm quyền, chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng sẽ quyết định thành lập Cơ quan quản lý và Cơ quan giám sát. Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ ban hành quyết định thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC. Các nội dung cụ thể sẽ do Chính phủ quy định.

3. Chương III quy định về thành viên TTTC quốc tế. Theo đó, quy định đối với Thành viên TTTC quốc tế được thiết kế theo hướng thông thoáng, thuận lợi nhằm tạo điều kiện cho việc gia nhập thị trường; đi kèm theo cơ chế kiểm tra, giám sát, cụ thể như sau:

- Quy định 02 cơ chế: **(i)** đăng ký làm Thành viên TTTC quốc tế nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm; **(ii)** công nhận là Thành viên TTTC quốc tế nếu là các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này; các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam, thuộc nhóm 10 doanh nghiệp hàng đầu về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng.

- Làm rõ mối quan hệ của Thành viên TTTC quốc tế khi hoạt động tại TTTC quốc tế và khi đầu tư, kinh doanh ra ngoài phạm vi TTTC quốc tế. Cụ thể:

+ Đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh trong phạm vi TTTC quốc tế: **(i)** nhà đầu tư nước ngoài không bị giới hạn về tỷ lệ sở hữu của Thành viên TTTC quốc tế; **(ii)** được phép thành lập tổ chức kinh tế mà không cần phải có dự án đầu tư; **(iii)** không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; riêng hoạt động liên quan đến tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm được thực hiện theo thông lệ quốc tế; **(iv)** được quyền tự do tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh với các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên TTTC quốc tế khác; **(v)** không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần, hoặc mua phần vốn góp của Thành viên TTTC quốc tế, thay vào đó chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Đối với các hoạt động tài chính trong phạm vi TTTC quốc tế: **(i)** thành viên TTTC quốc tế được phép thành lập công ty quản lý vốn để huy động vốn từ nước ngoài; **(ii)** được phép huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không cần thực hiện các thủ tục cấp phép nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin; **(iii)** nợ của Thành viên TTTCQT với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không được tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước

ngoài. Tổ chức trong nước có quyền vay vốn Thành viên TTTC quốc tế mà không bị giới hạn; (iv) Không phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ TTTC quốc tế ra nước ngoài, nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin; (v) được quyền sử dụng miễn phí, ưu đãi các dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm xanh, bảo hiểm áp dụng công nghệ; (vi) được chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào TTTC quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ TTTC quốc tế ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện bằng ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng trong TTTC quốc tế.

+ Khi thực hiện đầu tư từ TTTC quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam, Thành viên TTTC quốc tế thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Chính phủ quy định chi tiết điều kiện; hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, chấm dứt và hoạt động của Thành viên TTTC quốc tế.

4. Chương IV quy định về các sản giao dịch và nền tảng giao dịch tại TTTC quốc tế. Theo đó, chương này quy định về nguyên tắc cho phép Thành viên TTTC quốc tế được thành lập các sản giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động trong TTTC quốc tế, như: Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa; Giao dịch tín chỉ carbon; Các nền tảng giao dịch tài sản số; Các sản giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật; Giao dịch kim loại quý hiếm; Giao dịch chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Giao dịch sản phẩm tài chính xanh; Sản giao dịch chuyên biệt; Các loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị quyết đã quy định một số nội dung mang tính nguyên tắc tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý, giám sát, chính sách ưu đãi đối với các sản giao dịch, nền tảng giao dịch.

5. Chương V quy định các chính sách đặc thù áp dụng trong TTTCQT gồm 16 nhóm chính sách về:

(1) Chính sách ngoại hối

- Thành viên TTTCQT tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính trong các giao dịch ngoại hối

- Việc thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các quan hệ giao dịch khác được phép giữa các chủ thể là thành viên TTTCQT được sử dụng bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ.

Việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch, giữa chủ thể là thành viên TTTCQT với chủ thể không phải là thành viên TTTCQT, giữa các chủ thể trong TTTCQT với các chủ thể tại nước ngoài và phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các thành viên TTTCQT do nhà đầu tư nước ngoài thành lập được phép tự do chuyển đổi ngoại hối theo quy định của Chính phủ.

(2) Chính sách về hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng

- Các lĩnh vực ưu tiên trong TTTCQT về một số sản phẩm truyền thống trong hoạt động ngân hàng thương mại được đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện và hoạt động.

- Tổ chức tín dụng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III khi thành lập công ty con tại TTTCQT để cung cấp dịch vụ ngoại hối cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người không cư trú hoặc các thành viên trong TTTCQT được miễn áp dụng điều kiện cấp phép thành lập tổ chức tín dụng và miễn tuân thủ quy định về an toàn vốn.

- Các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại TTTCQT không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong TTTCQT hoặc dịch vụ xuyên biên giới

(3) Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn

- *Quy định với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:* Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động vốn bằng cơ chế gọi vốn cộng đồng hoặc cơ chế chào bán riêng lẻ thông qua nền tảng huy động vốn của tổ chức được Ủy ban quản lý, điều hành cấp phép. Tổ chức trong nước và nước ngoài được tham gia vào hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được giao dịch tại TTTCQT.

- *Phát triển thị trường tài chính xanh:* Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh, các quỹ đầu tư và nhà đầu tư vào sản phẩm tài chính xanh được áp dụng các cơ chế hỗ trợ, trong đó có ưu đãi về thuế. Các sản phẩm tài chính xanh được giao dịch tại TTTCQT.

- Các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyển trụ sở, văn phòng đại diện đến TTTCQT được áp dụng ưu đãi như đối với lĩnh vực thuộc Danh mục ưu đãi đầu tư.

- Thành viên TTTCQT được áp dụng quy trình, thủ tục và triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy trình, thủ tục đơn giản.

(4) Chính sách thuế: quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Nghị quyết.

(5) Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú đối với chuyên gia và nhà đầu tư

a) Thị thực và tạm trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư:

- Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, đầu tư, lao động, kinh doanh tại TTTCQT và thân nhân được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thị thực, thẻ tạm trú so với quy định chung.

- Người nước ngoài đầu tư vốn lớn hoặc có đóng góp quan trọng tại TTTCQT hoặc chuyên gia, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại TTTCQT được xét cấp thẻ thường trú để cư trú lâu dài tại Việt Nam; được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thẻ thường trú so với quy định chung.

b) Xuất nhập cảnh thuận lợi: thiết lập cơ chế “*một cửa*” hỗ trợ nhanh chóng thủ tục xuất nhập cảnh cho nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng quốc tế đến làm việc, giao dịch tại TTTCQT.

c) Giấy phép lao động: Người nước ngoài làm việc tại TTTCQT được miễn giấy phép lao động hoặc được cấp theo thủ tục đơn giản nếu đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định.

(6) *Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội*: quy định về tuyển dụng lao động; tiền lương, đãi ngộ; phát triển nhân lực, an sinh xã hội cho người lao động.

(7) *Chính sách đất đai*

- Dự án đầu tư trong TTTCQT thuộc ngành, lĩnh vực ưu tiên hoặc có quy mô lớn được giao đất, cho thuê đất với thời hạn tối đa 70 năm. Đối với dự án thuộc lĩnh vực khác, thời hạn sử dụng đất tối đa là 50 năm.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư.

- Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài: Người nước ngoài làm việc, đầu tư tại TTTCQT được phép mua, nhận chuyển nhượng, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại trong dự án đầu tư xây dựng bất động sản thuộc phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật nhà ở.

(8) *Chính sách thử nghiệm có kiểm soát cho Fintech và đổi mới sáng tạo*

- Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT quy định về chính sách thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định.

- Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

- Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cũng như cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát, được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự đối với Nhà nước nếu gây thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan dù đã tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm.

(9) *Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược*: Nhà đầu tư chiến lược tại TTTCQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị quyết.

(10) *Chính sách ưu đãi theo lĩnh vực*: Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính sẽ ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm như: Tài chính xanh; Tài sản số và dịch vụ tài chính ứng dụng công

nghe (FinTech); Thị trường hàng hóa và hàng hoá phái sinh; Lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(11) Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ: Hàng hóa xuất nhập khẩu ra, vào TTTCQT được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.

(12) Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

- Tranh chấp giữa các Thành viên TTTCQT hoặc tranh chấp giữa Thành viên TTTCQT với nhà nhà đầu tư ngoài TTTCQT về hoạt động đầu tư kinh doanh trong TTTCQT được giải quyết theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

- Các tranh chấp được giải quyết tại Tòa án Việt Nam trong các trường hợp sau đây: (i) Các bên không có thỏa thuận lựa chọn cơ quan, tổ chức để giải quyết tranh chấp; (ii) Thỏa thuận lựa chọn cơ quan, tổ chức giải quyết tranh chấp bị vô hiệu hoặc không thực hiện được; (iii) Tranh chấp liên quan đến bất động sản tại Việt Nam.

(13) Về chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, dự thảo Nghị quyết thiết kế theo hướng quy định cơ chế, chính sách vượt trội so với quy định hiện hành nhằm đa dạng hoá nguồn lực đầu tư, tập trung thu hút các nguồn lực tư nhân. Theo đó, bên cạnh việc đơn giản hoá tối đa trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, đất đai, phòng cháy chữa cháy; áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội, dự thảo Nghị quyết đề xuất dự án đầu tư theo hình thức PPP tại TTTCQT: *(i)* áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia đến mức 70% tổng mức đầu tư của dự án; *(ii)* cơ chế chia sẻ doanh thu giữa Nhà nước và nhà đầu tư được thiết kế linh hoạt hơn quy định chung; *(iii)* được chỉ định nhà đầu tư thực hiện Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M); Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT); bảo đảm cân đối ngoại tệ cao hơn quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công – tư.

Đối với vốn đầu tư từ nguồn NSNN, dự thảo Nghị quyết đề xuất: (i) Cho phép để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn TTTCQT trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi TTTCQT được thành lập để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT; (ii) Cho phép 02 TP tăng thêm bội chi so với mức bội chi NSDP hàng năm đã được Quốc hội quyết định nhưng không vượt quá tổng mức dư nợ vay theo phân cấp của từng địa phương để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT; (iii) Nhà đầu tư được phép ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan thuộc phạm vi ranh giới của TTTCQT; (iv) đơn giản hoá thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng thuộc TTTCQT, như: không phải quyết định chủ trương đầu tư, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công; cho áp dụng trình tự thiết kế 01 bước theo quy định của Luật Xây dựng.

(14) *Các chính sách khác gồm:* Chính sách về phí, lệ phí; Chính sách về đấu thầu; Chính sách về xây dựng, môi trường và phòng cháy chữa cháy.

Đây là các nhóm chính sách cần thiết, đảm bảo yếu tố cạnh tranh, vượt trội để xây dựng và vận hành TTTC. Các nội dung chính sách đã được các Bộ ngành góp ý kiến trực tiếp, đánh giá tác động cũng như được các chuyên gia quốc tế góp ý.

6. Chương VI về tổ chức thực hiện. Theo đó, về tổ chức, giám sát tại TTTC được thực hiện theo thông lệ quốc tế và dựa trên rủi ro. Đây là một trong những vấn đề quan trọng quyết định sự thành công của TTTCQT. Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Định vị chiến lược TTTCQT của Việt Nam

Việt Nam chủ trương phát triển TTTCQT với bản sắc riêng, không rập khuôn mô hình sẵn có. Chiến lược định vị đặt TTTCQT Việt Nam trong mạng lưới liên kết với các TTTCQT, thay vì cạnh tranh trực tiếp. Cụ thể, TTTC tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng sẽ được định hướng phát triển hài hòa, có sự phân công chức năng rõ nét để tương hỗ lẫn nhau và kết nối chặt chẽ với các trung tâm tài chính lớn trong khu vực như Singapore, Hong Kong... nhằm tận dụng lợi thế múi giờ, vị trí địa lý và đón xu hướng dịch chuyển dòng vốn.

Việt Nam có những lợi thế riêng để thu hút nhà đầu tư: (i) Nền kinh tế đang tăng trưởng nhanh, ổn định, thị trường mới nổi năng động; (ii) Vị trí địa chiến lược tại ngã tư giao thương Đông - Tây, Bắc - Nam, ngay trung tâm ASEAN; (iii) Múi giờ của Việt Nam chênh lệch với các TTTC lớn (London, New York, Tokyo...) – tạo cơ hội thu hút giao dịch vào những giờ các TTTCQT nghỉ (tận dụng “khoảng trống múi giờ”); (iv) Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu về ứng dụng các công nghệ tài chính tương lai (fintech, blockchain) – có tiềm năng phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính số độc đáo; và (v) môi trường chính trị - xã hội ổn định, an ninh an toàn.

Với những lợi thế đó, TTTC tại Việt Nam sẽ tập trung vào các lĩnh vực ngành chiến lược phù hợp thay vì trùng lặp với Singapore hay Hong Kong. Ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh có thể tập trung phát triển thị trường vốn và ngân hàng quốc tế, fintech, tài chính xanh, các dịch vụ hỗ trợ chuỗi cung ứng khu vực; trong khi TP. Đà Nẵng có thể định hướng vào các dịch vụ tài chính xanh, tài chính offshore, công nghệ tài chính, kiều hối và quản lý quỹ khu vực, gắn với Khu Thương mại Tự do Đà Nẵng. Cách định vị này bảo đảm hai trung tâm phát triển hài hòa, đúng lợi thế từng nơi, đồng thời phù hợp định hướng “kết nối, không cạnh tranh trực tiếp”, giúp TTTCQT Việt Nam vừa tận dụng được mạng lưới toàn cầu, vừa tránh đối đầu với các trung tâm mạnh hơn. Việt Nam cũng sẽ tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi và trao đổi kinh nghiệm vận hành TTTC, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho trung tâm của mình.

2. Tự do hóa tài khoản vốn và ngoại hối

Một TTTCQT đòi hỏi dòng vốn luân chuyển tự do. Đối với Việt Nam, đây là vấn đề nhạy cảm do quan ngại ảnh hưởng đến an ninh tiền tệ và ổn định vĩ mô.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, dự thảo Nghị quyết đang thiết kế theo hướng: (i) các quan hệ giao dịch được phép giữa các chủ thể là thành viên TTTC được sử dụng bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ; (ii) việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch giữa chủ thể là thành viên TTTC với chủ thể không phải là thành viên TTTC, giữa các chủ thể trong TTTC với các chủ thể tại nước ngoài và phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành; (iii) các thành viên TTTC do nhà đầu tư nước ngoài thành lập được phép tự do chuyển đổi ngoại hối theo quy định của Chính phủ.

3. Về cơ cấu quản lý TTTCQT

a) Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo mô hình quản lý nhà nước, TTTCQT được quản lý trong khuôn khổ bộ máy hành chính nhà nước nhưng được trao cơ chế **“một cửa, tại chỗ”** với tính linh hoạt cao. Cụ thể, sẽ thành lập Cơ quan quản lý TTTC trực thuộc UBND thành phố (TP. Hồ Chí Minh hoặc Đà Nẵng) để điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại TTTC; và một Trung tâm Trọng tài quốc tế để giải quyết các tranh chấp thương mại, tài chính phát sinh. Các cơ quan này do UBND thành phố tổ chức, chịu sự hướng dẫn chuyên môn từ các bộ, ngành Trung ương. Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTCQT do Thủ tướng Chính phủ thành lập chịu trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về Trung tâm tài chính quốc tế; thúc đẩy việc phát triển TTTCQT.

Cơ quan giám sát TTTC liên ngành (gồm đại diện Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Xây dựng và Môi trường, Bộ Tư pháp...) để giám sát các định chế tài chính trong TTTC.

Mô hình này có ưu điểm là phù hợp với thực tiễn quản lý của Việt Nam, có thể triển khai nhanh vì dựa trên khuôn khổ pháp lý sẵn có (UBND thành phố có thể thành lập các ban quản lý chuyên trách theo ủy quyền của Chính phủ). Mô hình này cũng bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước đối với TTTCQT, tránh rủi ro thất thoát hoặc lạm dụng cơ chế. Tuy nhiên, nhược điểm là mức độ hấp dẫn và cạnh tranh quốc tế chưa cao (cơ cấu nhà nước có thể kém linh hoạt hơn mô hình độc lập; thủ tục hành chính và tâm lý e ngại cơ quan công quyền có thể làm giảm sức hút đối với nhà đầu tư nước ngoài; khả năng thu hút nhân tài quản lý quốc tế vào làm việc trong bộ máy hành chính địa phương cũng cần giải quyết các nút thắt về chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc).

b) Trong quá trình nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, một số TTTCQT trên thế giới áp dụng *mô hình quản trị bởi một tổ chức công-tư hỗn hợp*, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp/quỹ phát triển, đại diện cho cộng đồng các ngân hàng và định chế tài chính tham gia TTTC. Ưu điểm nổi bật của mô hình này là tính

chuyên nghiệp, linh hoạt và bám sát nhu cầu thị trường; hoạt động độc lập, có quyền tự chủ cao; tạo niềm tin cho nhà đầu tư quốc tế.

Tuy nhiên, nhược điểm chính là chưa phù hợp với khung pháp luật hiện hành của Việt Nam hiện hành. Việc trao một phần thẩm quyền quản lý nhà nước cho một thực thể công-tư hỗn hợp đòi hỏi cơ sở pháp lý rất mới, trong khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định hiện tại chưa cho phép mô hình quản trị đặc thù như vậy. Ngoài ra, mô hình này có thể gây phức tạp trong quan hệ trách nhiệm giữa cơ quan nhà nước và tổ chức vận hành TTTCQT, dễ tạo vướng mắc nếu không xác định rõ ranh giới thẩm quyền.

4. Về việc áp dụng pháp luật

Cơ chế, chính sách áp dụng tại TTTCQT cần minh bạch, ổn định, cạnh tranh và theo thông lệ quốc tế nhưng phải linh hoạt và thích ứng nhanh với biến động của thị trường tài chính. Qua nghiên cứu kinh nghiệm phát triển TTTCQT trên thế giới cho thấy các cơ quan quản lý của TTTCQT hiện đại hiện nay đều có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong TTTCQT nhằm linh hoạt và phản ứng kịp thời với sự thay đổi của thị trường tài chính thế giới.

Do vậy, dự thảo Nghị định thiết kế theo hướng: hoạt động đầu tư, kinh doanh tại TTTCQT được thực hiện theo quy định tại: (i) Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn; và (ii) văn bản do Cơ quan quản lý TTTCQT (cơ quan quản lý điều hành và cơ quan giám sát) được ban hành. Chính phủ quy định phạm vi các nội dung mà Cơ quan quản lý TTTCQT phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, do các cơ chế chính sách áp dụng tại TTTCQT là các nội dung mới, mang tính vượt trội nên để đảm bảo xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị quyết cũng quy định: Chính phủ ban hành Nghị định để thí điểm trong thời gian tối đa 02 năm để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại phiên họp gần nhất.

5. Áp dụng các điều kiện, tiêu chuẩn quốc tế tại TTTCQT

TTTCQT là khu vực tập trung các định chế tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty dịch vụ tài chính và các sàn giao dịch chứng khoán, tiền tệ, hàng hóa. Các quy trình, thủ tục, điều kiện áp dụng trong TTTCQT phải đảm bảo thông thoáng, minh bạch, thuận lợi và theo thông lệ quốc tế.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết xây dựng các chính sách theo hướng khi các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, doanh nghiệp lớn, có uy tín (thuộc danh sách Fortune Global 500, thuộc nhóm 10 doanh nghiệp hàng đầu về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm) hoặc đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế thì sẽ được công nhận là thành viên TTTCQT hoặc không phải thực hiện các thủ tục cấp phép áp dụng theo thông thường (ví dụ: đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III được miễn áp dụng điều kiện cấp phép áp dụng cho việc thành lập tổ chức

tín dụng và miễn tuân thủ các quy định về an toàn vốn áp dụng cho các tổ chức tín dụng v.v...).

VI. KIẾN NGHỊ

Căn cứ nội dung phân tích nêu trên, Bộ Tài chính xin kiến nghị Chính phủ:

1. Cho ý kiến chỉ đạo về các nội dung tại mục V nêu trên.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hiện hành; (5) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: CT, KH&CN, NV, KH&CN, TP, CA, QP, NN&MT, NHNNVN;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, ĐTNN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2025/QH15

DỰ THẢO 19

NGHỊ QUYẾT

về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc thành lập, hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là *Trung tâm tài chính quốc tế*) và các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập theo Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trung tâm tài chính quốc tế* là khu vực địa lý có ranh giới xác định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, tập trung hệ sinh thái đa

dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, bao gồm Trung tâm tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm tài chính Thành phố Đà Nẵng.

2. *Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế* là pháp nhân được đăng ký thành lập theo các quy định hoặc được công nhận cho phép hoạt động trong phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế.

3. *Dịch vụ tài chính* là các hoạt động và dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc huy động, phân bổ và quản lý nguồn lực tài chính, do các tổ chức tài chính hoặc chủ thể khác cung cấp theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn, thuộc phạm vi quản lý và giám sát của Cơ quan Giám sát Tài chính Trung tâm tài chính quốc tế. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi các dịch vụ tài chính tại khoản này.

4. *Dịch vụ hỗ trợ* là các dịch vụ phi tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hoặc nâng cao hiệu quả cho các hoạt động tài chính và hoạt động liên quan khác tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn liên quan. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi dịch vụ hỗ trợ tại khoản này.

5. *Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế* là cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế, chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với Trung tâm tài chính quốc tế, ban hành quy định nội bộ trong thẩm quyền được giao, tổ chức thực thi các chính sách, giám sát hoạt động của Thành viên trung tâm tài chính quốc tế theo Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ.

6. *Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế* là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ giám sát rủi ro, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

7. *Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế* là tổ chức trọng tài độc lập thuộc Trung tâm tài chính quốc tế cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải thương mại cho các bên liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy tắc và quy định do Trung tâm trọng tài ban hành.

8. *Nhà đầu tư chiến lược* là Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế đáp ứng tiêu chí về ngành nghề kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín, có cam kết đầu tư lâu dài tại Trung tâm tài chính quốc tế. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn

theo quy định của Chính phủ hoặc Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế và hướng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này.

10. *Khung thử nghiệm pháp lý* (Sandbox) là cơ chế cho phép thử nghiệm các mô hình kinh doanh, công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế trong phạm vi và thời gian xác định, với sự giám sát đặc biệt từ Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế. Các chủ thể tham gia sandbox được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo các điều kiện kiểm soát rủi ro do Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế đặt ra.

Điều 4. Mục tiêu phát triển Trung tâm tài chính quốc tế

1. Xây dựng và phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng trở thành các trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong mạng lưới tài chính toàn cầu, gắn với động lực tăng trưởng kinh tế.

2. Thúc đẩy tài chính bền vững, khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh và huy động nguồn lực cho các dự án chuyển đổi năng lượng, đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

3. Trung tâm tài chính quốc tế vận hành theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện liên kết các sản phẩm dịch vụ trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn và công nghệ tài chính vào Việt Nam.

4. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tài chính trong nước và nước ngoài; tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho chuyên gia, doanh nhân quốc tế tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 5. Nguyên tắc thành lập, hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù theo các điều kiện quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết này áp dụng trong phạm vi địa giới hành chính của Trung tâm tài chính quốc tế được xác định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế:

a) Hiệu quả trong hoạt động của các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Minh bạch trong hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế và các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Liêm chính của các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính của các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

đ) Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn tốt nhất trong hoạt động của các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

4. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.

5. Hoạt động quản lý Nhà nước trong Trung tâm tài chính quốc tế phải đảm bảo sự độc lập của Trung tâm tài chính quốc tế và các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.

6. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng vào Trung tâm tài chính quốc tế nhằm:

a) Tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế và tự do di chuyển nguồn vốn;

b) Phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, công nghệ tài chính, tài sản mã hoá, hàng hóa, thương mại điện tử tại Việt Nam và hội nhập với thị trường quốc tế;

c) Thu hút, phát triển đổi mới sáng tạo, dịch vụ tài chính hỗ trợ các dự án xanh, bền vững tại Việt Nam; phát triển dịch vụ tài chính và dịch vụ phi tài chính theo thực tiễn quốc tế tốt nhất;

d) Thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính và dịch vụ chuyên môn liên quan theo tiêu chuẩn quốc tế.

7. Các cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế được tổ chức tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân theo quy định và phù hợp thông lệ quốc tế, điều kiện Việt Nam.

Điều 6. Nghĩa vụ tuân thủ

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ:

- a) Quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- c) Các chuẩn mực quốc tế về tài chính, bao gồm các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và gian lận tài chính;
- d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế; lập, nộp và công khai báo cáo tài chính; kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các chuẩn mực quốc tế về quản trị tài chính.

2. Mọi vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, bao gồm việc đình chỉ ưu đãi, thu hồi giấy phép, áp dụng chế tài hành chính, hình sự.

Điều 7. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện theo quy định sau:

- a) Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn;
- b) Văn bản do Cơ quan quản lý thuộc Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này được ban hành theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của Chính phủ;
- c) Pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản này không quy định;
- d) Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia giao dịch là Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nước ngoài đối với giao dịch đó, trừ trường hợp giao dịch liên quan đến bất động sản tại Việt Nam. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với giao dịch đó được áp dụng.

2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật:

- a) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn với các Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn;
- b) Trường hợp Nghị quyết này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Trường hợp Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận

lợi hơn đối với Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế so với quy định tại Nghị quyết này thì Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn đó;

d) Trong quá trình tổ chức, thành lập, vận hành Trung tâm tài chính quốc tế, thành lập, tổ chức và hoạt động của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, Chính phủ ban hành Nghị định đề thi điểm trong thời gian tối đa 02 năm để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại phiên họp gần nhất;

đ) Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành;

e) Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó;

g) Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

h) Chính phủ quy định phạm vi các nội dung mà Cơ quan Trung tâm tài chính phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Ngôn ngữ áp dụng tại trung Trung tâm tài chính quốc tế

1. Ngôn ngữ chính thức trong Trung tâm tài chính quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật trong Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

3. Tài liệu thống kê, tài chính, kỹ thuật và các tài liệu khác được lưu trữ tại Trung tâm tài chính quốc tế bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

4. Thủ tục hành chính, giao dịch giữa các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, giao dịch giữa các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế với các tổ chức, cá nhân nước ngoài và giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh dịch sang tiếng Việt.

Chương II

THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm tài chính quốc tế

1. Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng.

2. Nội dung thành lập Trung tâm tài chính quốc tế gồm:

- a) Tên, mục tiêu và định hướng phát triển Trung tâm tài chính quốc tế; lộ trình và kế hoạch phát triển;
- b) Vị trí, địa giới hành chính, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế;
- c) Cơ cấu tổ chức Trung tâm tài chính quốc tế;
- d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;
- đ) Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế;
- e) Cơ chế, chính sách đặc thù đối với Trung tâm tài chính quốc tế thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ;
- g) Các quy định khác (nếu có).

Điều 10. Trình tự và thủ tục thành lập Trung tâm tài chính quốc tế

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định thành lập Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm luật, đảm bảo tổng thể, đồng bộ và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng Thành phố và vùng.

Điều 11. Cơ quan quản lý, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1. Các cơ quan quản lý, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm:

- a) Cơ quan quản lý;
- b) Cơ quan giám sát;
- c) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính.

2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động độc lập trong việc thực hiện quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

3. Chính phủ quy định chi tiết cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Ban Chỉ đạo quốc gia về Trung tâm tài chính quốc tế

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về Trung tâm tài chính quốc tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập chịu trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về Trung tâm tài chính quốc tế; thúc đẩy việc phát triển Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; quyết định thành phần và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về Trung tâm tài chính quốc tế.

Chương III

THÀNH VIÊN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 13. Đăng ký thành viên Trung tâm tài chính quốc tế

1. Đăng ký thành viên

a) Các tổ chức, doanh nghiệp được đăng ký làm Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế nếu đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm.

Trường hợp xác định đáp ứng điều kiện, tổ chức, doanh nghiệp được cấp mã số định danh và ghi nhận vào Sổ đăng ký Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế. Mã số định danh có giá trị tương đương với mã số doanh nghiệp theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp;

b) Các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này; các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam, thuộc nhóm mười doanh nghiệp hàng đầu về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng chỉ cần thực hiện thủ tục thông báo đăng ký để được công nhận là Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Hệ thống đăng ký Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế xây dựng, quản lý và vận hành, bao gồm Cổng

thông tin đăng ký thành viên và Cơ sở dữ liệu về thành viên, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan có liên quan để đơn giản hoá thủ tục hành chính trong Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế quy định chi tiết các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, bảo đảm minh bạch, thuận tiện và phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quy định đối với Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế

a) Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hoặc phần vốn góp của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế mà không cần phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật về đầu tư; riêng hoạt động liên quan đến tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm được thực hiện theo thông lệ quốc tế. Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn;

d) Nhà đầu tư nước ngoài không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần, hoặc mua phần vốn góp của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế; chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính thì Giấy phép thành lập đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên Trung tâm tài chính;

e) Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế phải tuân thủ các quy định về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác khi thực hiện hoạt động đầu tư ngoài Trung tâm tài chính quốc tế, trừ trường hợp pháp luật pháp luật quy định khác;

g) Quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại và chuyển nhượng chứng khoán trong Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo quy định của Cơ quan giám sát tài chính Trung tâm tài chính quốc tế;

h) Quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại và chuyển nhượng các công cụ tài chính khác, cũng như việc niêm yết và giao dịch các công cụ này trên Sở Giao dịch Hàng hóa thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Hàng hóa;

i) Các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được lựa chọn áp dụng chuẩn mực quốc tế để lập và trình bày báo cáo tài chính. Trường hợp đã thực hiện theo chuẩn mực quốc tế thì không phải lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện; hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, chấm dứt Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế; hoạt động của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được thành lập công ty quản lý vốn (công ty holding) để huy động vốn từ nước ngoài và quản lý đầu tư;

b) Được phép huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không cần thực hiện các thủ tục cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ;

c) Nợ của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không được tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài. Tổ chức trong nước có quyền vay vốn Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế mà không bị giới hạn;

d) Không phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, trừ việc phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ.

đ) Được quyền sử dụng miễn phí, ưu đãi các dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm xanh, bảo hiểm áp dụng công nghệ;

e) Được chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện bằng ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng trong Trung tâm tài chính quốc tế;

g) Khi thực hiện đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam, Thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối áp dụng đối với đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

2. Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với nội dung quy định tại Điều này.

Chương IV

CÁC SÀN GIAO DỊCH VÀ NỀN TẢNG GIAO DỊCH TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 15. Thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được phép thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế trong các lĩnh vực sau:

- a) Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa;
- b) Giao dịch tín chỉ các-bon;
- c) Các nền tảng giao dịch tài sản số;
- d) Các sàn giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật;
- đ) Giao dịch kim loại quý hiếm;
- e) Giao dịch chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- g) Giao dịch sản phẩm tài chính xanh;
- h) Sàn giao dịch chuyên biệt;
- h) Các loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển.

2. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế chấp thuận thành lập và hướng dẫn hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 16. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động theo nguyên tắc thị trường; khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.

2. Áp dụng các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro, tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và gian lận tài chính.

3. Được phép ban hành quy chế nội bộ về niềm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý tài sản và thành viên phù hợp với tính chất mỗi loại hình sau khi được Cơ quan quản lý phê duyệt.

Điều 17. Cơ chế quản lý, giám sát, chính sách ưu đãi đối với các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên những nền tảng này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định khung quản lý, giám sát, thí điểm triển khai, chính sách khuyến khích phát triển sàn giao dịch, nền tảng giao dịch quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này¹.

Chương V

CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ÁP DỤNG TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH

Điều 18. Chính sách ngoại hối

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính trong các giao dịch ngoại hối.

2. Việc thanh toán, niềm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các quan hệ giao dịch khác được phép giữa các chủ thể là thành viên Trung tâm tài chính được sử dụng bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ.

Việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch giữa chủ thể là thành viên Trung tâm tài chính với chủ thể không phải là thành viên Trung tâm tài chính, giữa các chủ thể trong Trung tâm tài chính với các chủ thể tại nước ngoài và phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các thành viên Trung tâm tài chính do nhà đầu tư nước ngoài thành lập được phép tự do chuyển đổi ngoại hối theo quy định của Chính phủ.

¹ ví dụ: giao dịch tín chỉ các-bon không chịu thuế giá trị gia tăng và thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.

Điều 19. Chính sách về hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng

1. Các lĩnh vực ưu tiên trong Trung tâm tài chính về một số sản phẩm truyền thống trong hoạt động ngân hàng thương mại được đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện và hoạt động.

2. Các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III khi thành lập công ty con tại Trung tâm tài chính để cung cấp dịch vụ ngoại hối cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người không cư trú hoặc các thành viên trong Trung tâm tài chính được miễn áp dụng điều kiện cấp phép áp dụng cho việc thành lập tổ chức tín dụng và miễn tuân thủ các quy định về an toàn vốn áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với công ty con đó; được sử dụng hệ thống máy tính ở nước ngoài cho hoạt động kinh doanh của mình. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng, tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín thực hiện theo quy định của Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại Trung tâm tài chính không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

4. Lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về ngân hàng (Basel III) bắt đầu triển khai tại Trung tâm tài chính, lộ trình hình thành mô hình ngân hàng số từ các ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.

Điều 20. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn

1. Quy định đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định trên cơ sở hướng dẫn của Chính phủ.

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động vốn bằng cơ chế gọi vốn cộng đồng hoặc cơ chế chào bán riêng lẻ thông qua nền tảng huy động vốn của tổ chức được cơ quan quản lý cấp phép theo hướng dẫn của Chính phủ. Tổ chức trong nước và nước ngoài được tham gia vào hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế.

d) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được áp dụng các cơ chế hỗ trợ, trong đó có ưu đãi về thuế. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được áp dụng các quy định ưu đãi về thuế.

đ) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định trên cơ sở hướng dẫn của Chính phủ.

2. Phát triển thị trường tài chính xanh:

a) Các sản phẩm tài chính được cấp chứng nhận tài chính xanh khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định trên cơ sở hướng dẫn của Chính phủ.

b) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh, nhà đầu tư sản phẩm tài chính xanh được áp dụng các cơ chế hỗ trợ, trong đó có ưu đãi về thuế.

c) Sản phẩm tài chính xanh được cấp phép tại điểm a khoản 2 Điều này được giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế.

d) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định trên cơ sở hướng dẫn của Chính phủ.

3. Các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyên trụ sở, văn phòng đại diện đến Trung tâm tài chính Việt Nam được áp dụng ưu đãi như đối với lĩnh vực thuộc Danh mục ưu đãi đầu tư.

4. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Thành viên Trung tâm tài chính được tự do lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (còn gọi là Chuẩn mực kế toán hoặc Chuẩn mực báo cáo tài chính) của các quốc gia: Úc, Brazil, Canada, các quốc gia thành viên liên minh châu Âu (EU), các quốc gia thành viên của khu vực kinh tế châu Âu, Hong Kong (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Trung Quốc, Ấn độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trường hợp các chủ thể đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán khác với Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì không phải lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5. Thành viên Trung tâm tài chính được áp dụng quy trình, thủ tục và triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy trình, thủ tục đơn giản.

6. Chính phủ xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Chính sách thuế tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Dự án đầu tư mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo;

b) Đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời gian 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo;

c) Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng nhiều điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất. Trường hợp Thành viên Trung tâm tài chính thực hiện dự án đầu tư mở rộng thì áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Việc xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thuế thu nhập cá nhân

a) Cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm người Việt Nam và người nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại Trung tâm tài chính đến hết năm 2035;

b) Cá nhân có khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2035;

c) Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao. Sau năm 2035, Chính phủ sẽ trình cấp có thẩm quyền xem xét kéo dài hoặc ban hành chính sách ưu đãi mới phù hợp tình hình thực tế.

3. Thuế giá trị gia tăng

a) Các dịch vụ tài chính thực hiện trong Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật;

b) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất và thủ tục thuế xuất nhập khẩu ưu đãi nhất theo các cam kết hội nhập của Việt Nam.

4. Doanh nghiệp, cá nhân tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện đăng ký, kê khai, quyết toán các loại thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định thời điểm bắt đầu ưu đãi, thời gian miễn giảm thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

5. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục, điều kiện hưởng chính sách thuế quy định tại Điều này.

Điều 22. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia và nhà đầu tư

1. Thị thực và cư trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư

a) Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, đầu tư, lao động, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế và thân nhân (vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thị thực, thẻ tạm trú so với quy định chung; được rút ngắn thời gian giải quyết trong cấp thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú; được cấp thị thực nhiều lần với thời hạn đến 5 năm hoặc thẻ tạm trú với thời hạn đến 10 năm trong trường hợp là nhà đầu tư, chuyên gia quan trọng;

b) Người nước ngoài đầu tư với số vốn lớn hoặc có đóng góp quan trọng tại Trung tâm tài chính quốc tế và chuyên gia, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại Trung tâm tài chính quốc tế được xét cấp thẻ thường trú theo đề nghị của Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế để cư trú lâu dài tại Việt Nam; được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thẻ thường trú so với quy định chung. Tiêu chí cụ thể về mức vốn đầu tư, lĩnh vực đầu tư ưu tiên, thời gian cam kết hoạt động; tiêu chí xác định chuyên gia, nhà quản lý cấp cao do Chính phủ quy định.

2. Xuất nhập cảnh

a) Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế phối hợp với Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thiết lập cơ chế “một cửa” hỗ trợ nhanh chóng thủ tục xuất nhập cảnh cho nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng quốc tế đến làm việc, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế.

b) Thiết lập khu vực làm thủ tục xuất nhập cảnh ưu tiên tại các sân bay quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cho đối tượng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, cấp thẻ nhận diện chuyên gia Trung tâm tài chính quốc tế để sử dụng lối đi riêng, rút ngắn thời gian làm thủ tục.

3. Giấy phép lao động

Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được miễn giấy phép lao động nếu đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội

1. Tuyển dụng lao động

a) Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được quyền chủ động tuyển dụng lao động, bao gồm cả lao động nước ngoài, theo nhu cầu công việc mà không bị khống chế tỷ lệ lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài thực hiện theo quy trình rút gọn.

2. Tiền lương và đãi ngộ

a) Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được quyết định chế độ tiền lương, thưởng và đãi ngộ cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động;

b) Các cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao;

c) Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện không quá 03 (ba) lần so với mức lương cơ sở theo quy định tại thời điểm ban hành;

d) Cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được bố trí nhà ở công vụ hoặc hỗ trợ chi phí thuê nhà ở trong thời gian công tác;

đ) Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế quyết định sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động;

e) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng được sử dụng nguồn thu để lại, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện quy định tại các điểm c, d, đ khoản này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Phát triển kỹ năng và nhân lực

a) Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Doanh nghiệp trong Trung tâm tài chính quốc tế được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động Việt Nam làm việc cho dự án đầu tư mới và mở rộng tại Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí đào tạo nhân lực trình độ đại học trở lên phục vụ nhu cầu Trung tâm tài chính quốc tế trong thời gian 04 năm tính từ năm 2026;

d) Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; và quyết định tiêu chí cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nhận hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nguồn nhân lực quy định tại các điểm b, c khoản này theo từng giai đoạn;

đ) Ngân sách hỗ trợ quy định tại khoản này do Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bố trí trong ngân sách địa phương.

4. An sinh xã hội cho người lao động

a) Cá nhân người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và không phải nộp phí công đoàn tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài;

b) Người lao động Việt Nam và nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính được tham gia các chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định chung. Đối với lao động nước ngoài đã tham gia chương trình an sinh tương tự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ nước ngoài được miễn một phần việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam để tránh đóng trùng;

c) Chính quyền địa phương dành quỹ đất và ngân sách để đầu tư phát triển khu nhà ở cho người lao động (phân khu nhà ở cho chuyên gia, cho công nhân viên) gần khu vực Trung tâm tài chính, bảo đảm điều kiện sống thuận lợi để người lao động yên tâm làm việc lâu dài.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Chính sách đất đai tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Dự án đầu tư trong phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế thuộc ngành, lĩnh vực ưu tiên hoặc có quy mô lớn được giao đất, cho thuê đất với thời hạn tối đa 70 năm. Đối với dự án thuộc lĩnh vực khác, thời hạn sử dụng đất tối đa là 50

năm. Khi hết thời hạn, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng và chấp hành quy định của pháp luật đất đai, Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất theo quy định.

2. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê thực hiện dự án. Trường hợp dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng tại Trung tâm tài chính quốc tế theo phương thức PPP, Nhà nước giao mặt bằng sạch để thực hiện dự án và đầu tư các công trình hạ tầng kết nối tới dự án.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

a) Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thế chấp này thực hiện theo pháp luật Việt Nam;

b) Khi xử lý tài sản thế chấp, bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài

a) Người nước ngoài làm việc, đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế được phép mua, nhận chuyển nhượng, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại trong dự án đầu tư xây dựng bất động sản thuộc phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật nhà ở;

b) Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài gắn liền với quyền sử dụng đất của dự án nhà ở đó được xác định tương ứng với hình thức giao đất, cho thuê đất của dự án đầu tư xây dựng bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 25. Chính sách về xây dựng, môi trường và phòng cháy chữa cháy

1. Dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

2. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

4. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 26. Chính sách thử nghiệm có kiểm soát cho Fintech và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quy định về chính sách thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cũng như cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát, được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự đối với Nhà nước nếu gây thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan dù đã tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm. Trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, bên thử nghiệm phải bồi thường theo pháp luật; được xem xét hỗ trợ một phần chi phí bồi thường từ ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng tùy mức độ thiệt hại và khả năng ngân sách.

4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực Fintech hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế được hưởng các cơ chế ưu đãi như tại Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia hoặc ưu đãi cao hơn theo quy định của Chính phủ.

5. Doanh nghiệp Fintech có thể được hỗ trợ kinh phí không hoàn lại từ ngân sách địa phương để phát triển dự án, bao gồm chi phí tổ chức cuộc thi ý tưởng, tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia cố vấn; chi trả tiền lương cho nhân sự trực tiếp; chi phí sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật; chi phí nghiên cứu và phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm đổi mới sáng tạo.

Điều 27. Chính sách ưu đãi theo lĩnh vực

Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính sẽ ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm sau đây:

1. Tài chính xanh.
2. Tài sản số và dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ (FinTech).
3. Thị trường hàng hóa và hàng hoá phái sinh.
4. Lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 28. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược

1. Nhà đầu tư chiến lược là Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế đáp ứng các tiêu chí về ngành nghề đầu tư kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín và có cam kết đầu tư lâu dài tại Trung tâm tài chính quốc tế. Chính phủ/Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 ban hành quy định về tiêu chí và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

2. Nhà đầu tư chiến lược có các quyền sau:

a) Được ưu tiên lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư quan trọng để phát triển hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm tài chính. Trong trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng một dự án, nhà đầu tư chiến lược sẽ được ưu tiên đàm phán trước;

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9, được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục đầu tư được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư. Việc xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

c) Được tham gia đầu tư, phát triển kinh doanh, quản lý vận hành, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Được phép cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư, dịch vụ giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư khác trong Trung tâm tài chính quốc tế và thu phí dịch vụ theo quy định;

d) Được phép đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô lớn (như khu phức hợp, khu đô thị tài chính) nhằm hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính, bao gồm việc phát triển các khu phức hợp và hệ sinh thái để thu hút tổ chức tài chính, tập đoàn đa quốc gia, chuyên gia, doanh nhân quốc tế đến sinh sống làm việc tại Trung tâm tài chính;

đ) Được tham gia cùng cơ quan quản lý trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển Trung tâm tài chính;

e) Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo Nghị quyết này.

2. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo năng lực tài chính và kinh nghiệm để thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư được giao; cam kết đầu tư lâu dài và hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính;

b) Hoàn thành các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm trong thời hạn không quá 5 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư. Không được chuyển nhượng dự án phát triển hạ tầng cốt lõi trong vòng 10 năm kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp đặc biệt được Chính phủ cho phép;

c) Hỗ trợ quảng bá Trung tâm tài chính quốc tế tại các diễn đàn quốc tế; phối hợp với cơ quan quản lý để thu hút thêm các nhà đầu tư, định chế tài chính đa quốc gia đến với Trung tâm tài chính;

d) Thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ cần thiết cho các nhà đầu tư thứ cấp theo cam kết.

3. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế ký thỏa thuận với từng nhà đầu tư chiến lược để ghi nhận cam kết và các ưu đãi, trách nhiệm tương ứng.

4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này và bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

1. Đa dạng nguồn lực đầu tư hạ tầng

a) Trung tâm tài chính quốc tế được ưu tiên vốn đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

b) Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Đối với vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Cho phép để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng tăng thêm bội chi so với mức bội chi ngân sách địa phương hàng năm đã được Quốc hội quyết định nhưng không vượt quá tổng mức dư nợ vay theo phân cấp của từng địa phương để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Nhà đầu tư được phép ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan thuộc phạm vi ranh giới của Trung tâm tài chính quốc tế.

4. Số vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này được hoàn trả theo các phương thức như sau:

a) Được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp;

b) Được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định.

5. Miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của Trung tâm tài chính quốc tế theo Danh mục do Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế cấp; hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính.

6. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế được phép xúc tiến, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư có năng lực về phương thức thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội Trung tâm tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thành phố

Đà Nẵng xem xét, quyết định cho phép thực hiện hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong một số trường hợp, được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

7. Thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế sử dụng trực tiếp nguồn ngân sách nhà nước

a) Các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Cho phép các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế hạ tầng phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này áp dụng trình tự thiết kế 01 bước theo quy định của Luật Xây dựng;

c) Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

8. Ưu đãi dự án PPP

a) Dự án đầu tư theo hình thức PPP tại Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia đến mức 70% tổng mức đầu tư của dự án và cơ chế chia sẻ doanh thu giữa Nhà nước và nhà đầu tư được thiết kế linh hoạt hơn quy định chung.

b) Được chỉ định nhà đầu tư thực hiện Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý;

c) Được thực hiện Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) theo hình thức chỉ định nhà đầu tư; bảo đảm cân đối ngoại tệ cao hơn quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công – tư;

d) Nhà đầu tư PPP được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật hiện hành.

9. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.

Điều 30. Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.

2. Các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan đối với tất cả các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Chính phủ quy định chính sách ưu đãi đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa, dịch vụ trong Trung tâm tài chính quốc tế và giao dịch phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch phái sinh hàng hóa tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 31. Chính sách về phí, lệ phí

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

2. Sau khi khấu trừ chi phí hoạt động của các Cơ quan quản lý trong Trung tâm tài chính quốc tế, tất cả các khoản thu thuế phát sinh từ việc vận hành và hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được để lại ngân sách thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 32. Chính sách về đấu thầu

Không áp dụng quy định của pháp luật về đấu thầu, quản lý tài chính công đối với các cơ quan quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết này.

Điều 33. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

1. Nhà đầu tư, thành viên Trung tâm tài chính và các bên liên quan được sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

2. Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các nhà đầu tư, các thành viên Trung tâm tài chính với nhau hoặc với bên thứ ba, trừ tranh chấp liên quan đến bất động sản tại Việt Nam, được giải quyết thông qua việc áp dụng pháp luật và tại toà án hoặc trọng tài do các bên thoả thuận lựa chọn, bao gồm:

a) Pháp luật nước ngoài và toà án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế;

b) Pháp luật quốc tế và toà án quốc tế hoặc trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế;

c) Pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính.

3. Quyết định, bản án của toà án nước ngoài, toà án quốc tế giải quyết các tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Phán quyết của Trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của Công ước Liên hiệp quốc về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam.

5. Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành; quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính về việc giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này là chung thẩm, có hiệu lực thi hành như bản án có hiệu lực của Toà án Việt Nam.

Thoả thuận của các bên trước hoặc sau khi có quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính về việc loại trừ quyền yêu cầu của Toà án huỷ quyết định công nhận kết quả hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật; trong trường hợp này các bên tranh chấp mất quyền yêu cầu Toà án huỷ quyết định công nhận kết quả hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Quản lý, giám sát đối với Trung tâm tài chính

1. Việc quản lý, giám sát tại Trung tâm tài chính thực hiện theo thông lệ quốc tế, dựa trên rủi ro.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 35. Trách nhiệm của Chính phủ và các bộ, ngành

Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thi hành Nghị quyết này; chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành hoặc trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết.

Điều 36. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng trong phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm thực hiện các

nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật liên quan.

Điều 37. Giám sát thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các thành phố có Trung tâm tài chính quốc tế, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực thi Nghị quyết, góp ý xây dựng để hoàn thiện cơ chế chính sách cho Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ... tháng ... năm 2025. Đây là giai đoạn thí điểm để phát triển Trung tâm tài chính với cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đánh giá, hoàn thiện khung pháp lý cho mô hình trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

2. Trước khi hết hiệu lực 06 tháng, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính (nếu thấy cần thiết tiếp tục duy trì cơ chế Trung tâm tài chính lâu dài). Quốc hội sẽ xem xét quyết định việc kéo dài, sửa đổi, bổ sung hoặc kết thúc hiệu lực của Nghị quyết này trên cơ sở báo cáo của Chính phủ.

3. Các dự án, hoạt động đã được chấp thuận và hưởng ưu đãi theo Nghị quyết này trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực, nếu chưa kết thúc vào thời điểm Nghị quyết hết hiệu lực, thì được tiếp tục hưởng các ưu đãi theo Nghị quyết này cho đến khi dự án kết thúc. Quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tránh tình trạng ưu đãi bị dừng đột ngột do Nghị quyết hết hiệu lực.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp ..., thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.





BÁO CÁO KIỂM TRA SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH TẠI VIỆT NAM

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG			
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về việc thành lập và hoạt động của TTTCQT tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là TTTCQT) và các chính sách đặc thù áp dụng đối với TTTCQT.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	(1) Quy định thống nhất về TTTC ở cấp Nghị quyết của Quốc hội để có các cơ chế, chính sách đặc thù và vượt trội. Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành” (điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025). (2) Tại Thông báo số 47-TB/TW ¹ , Bộ Chính trị đã chỉ đạo xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC.

¹ Ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về kết luận của Bộ Chính trị về việc xây dựng TTTC tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của TTTCQT được thành lập theo Nghị quyết này.	Không có quy định cụ thể tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. <i>TTTCQT</i> là khu vực địa lý có ranh giới xác định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, bao gồm Trung tâm tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm tài chính Thành phố Đà Nẵng. 2. <i>Thành viên TTTCQT</i> là pháp nhân được đăng ký thành lập theo các quy định hoặc được công nhận cho phép hoạt động trong phạm vi TTTCQT. 3. <i>Dịch vụ tài chính</i> là các hoạt động và dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc huy động, phân bổ và quản lý nguồn lực tài chính, do các tổ chức tài chính hoặc chủ thể khác cung cấp theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn, thuộc phạm vi quản lý và giám sát của Cơ quan Giám sát Tài chính TTTCQT. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi các dịch vụ tài chính tại khoản này.	Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành</i>”	Do Nghị quyết quy định các chính sách mới, đặc thù nên cần giải thích một số định nghĩa mới để việc triển khai chính sách rõ ràng và thuận lợi.

4. <i>Dịch vụ hỗ trợ</i> là các dịch vụ phi tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hoặc nâng cao hiệu quả cho các hoạt động tài chính và hoạt động liên quan khác tại TTTCQT theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn liên quan. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi dịch vụ hỗ trợ tại khoản này. 5. <i>Cơ quan quản lý TTTCQT</i> là cơ quan quản lý TTTCQT, chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với TTTCQT, ban hành quy định nội bộ trong thẩm quyền được giao, tổ chức thực thi các chính sách, giám sát hoạt động của Thành viên TTTCQT theo Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ. 6. <i>Cơ quan giám sát TTTCQT</i> là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tài chính tại TTTCQT, có nhiệm vụ giám sát rủi ro, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại TTTCQT, bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. 7. <i>Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT</i> là tổ chức trọng tài độc lập thuộc TTTCQT cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải thương mại cho các bên liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại TTTCQT theo quy tắc và quy định do Trung tâm trọng tài ban hành.		(điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).	
---	--	---	--

8. <i>Nhà đầu tư chiến lược</i> là Thành viên TTTCQT đáp ứng tiêu chí về ngành nghề kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín, có cam kết đầu tư lâu dài tại TTTCQT. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo quy định của Chính phủ hoặc Cơ quan quản lý TTTCQT và hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này. 10. <i>Khung thử nghiệm pháp lý</i> (Sandbox) là cơ chế cho phép thử nghiệm các mô hình kinh doanh, công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính tại TTTCQT trong phạm vi và thời gian xác định, với sự giám sát đặc biệt từ Cơ quan quản lý TTTCQT. Các chủ thể tham gia sandbox được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo các điều kiện kiểm soát rủi ro do Cơ quan quản lý TTTCQT đặt ra.			
Điều 4. Mục tiêu phát triển TTTCQT 1. Xây dựng và phát triển TTTCQT Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng trở thành các TTTCQT hàng đầu, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong mạng lưới tài chính toàn cầu, gắn với động lực tăng trưởng kinh tế. 2. Thúc đẩy tài chính bền vững, khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh và huy động nguồn	Không có quy định cụ thể trong các luật hiện hành về mục tiêu phát triển Trung tâm tài chính.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với Hiến pháp.	(1) Để tạo sự thống nhất trong việc áp dụng các chính sách tại Nghị quyết (2) Thực hiện theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW.

lực cho các dự án chuyển đổi năng lượng, đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội bền vững. 3. TTTCQT vận hành theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện liên kết các sản phẩm dịch vụ trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn và công nghệ tài chính vào Việt Nam. 4. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tài chính trong nước và nước ngoài; tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho chuyên gia, doanh nhân quốc tế tại TTTCQT.			
Điều 5. Nguyên tắc thành lập, hoạt động của TTTCQT 1. Thành viên TTTCQT được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù theo các điều kiện quy định tại Nghị quyết này. 2. Cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết này áp dụng trong phạm vi địa giới hành chính của TTTCQT được xác định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập TTTCQT theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này. 3. Nguyên tắc hoạt động tại TTTCQT	- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành	Do Nghị quyết quy định các chính sách mới, đặc thù trong TTTC nên cần phải quy định về nguyên tắc thành lập và hoạt động của TTTC để đảm bảo hiệu quả.

a) Hiệu quả trong hoạt động của các Thành viên TTTCQT; b) Minh bạch trong hoạt động của TTTCQT và các Thành viên TTTC c) Liêm chính của các Thành viên TTTCQT; d) Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính của các Thành viên TTTCQT; đ) Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn tốt nhất trong hoạt động của các Thành viên TTTCQT; 4. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của các Thành viên TTTCQT. 5. Hoạt động quản lý Nhà nước trong TTTCQT phải đảm bảo sự độc lập của TTTCQT và các Thành viên TTTCQT. 6. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng vào TTTCQT nhằm:		Nghị quyết đề quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).	
--	--	--	--

a) Tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế và tự do di chuyển nguồn vốn; b) Phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, công nghệ tài chính, tài sản mã hoá, hàng hóa, thương mại điện tử tại Việt Nam và hội nhập với thị trường quốc tế; c) Thu hút, phát triển đổi mới sáng tạo, dịch vụ tài chính hỗ trợ các dự án xanh, bền vững tại Việt Nam; phát triển dịch vụ tài chính và dịch vụ phi tài chính theo thực tiễn quốc tế tốt nhất; d) Thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính và dịch vụ chuyên môn liên quan theo tiêu chuẩn quốc tế. 7. Các cơ quan quản lý TTTCQT được tổ chức tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân theo quy định và phù hợp thông lệ quốc tế, điều kiện Việt Nam.			
Điều 6. Nghĩa vụ tuân thủ 1. Thành viên TTTCQT có nghĩa vụ tuân thủ:	Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền 2022; Luật Thuế; Luật Kế toán.	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với	Do Nghị quyết quy định các chính sách mới, đặc thù nên cần quy định một số nghĩa vụ để các thành viên TTTC tuân

a) Quy định của pháp luật Việt Nam; b) Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; c) Các chuẩn mực quốc tế về tài chính, bao gồm các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và gian lận tài chính; d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế; lập, nộp và công khai báo cáo tài chính; kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các chuẩn mực quốc tế về quản trị tài chính. 2. Mọi vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, bao gồm việc đình chỉ ưu đãi, thu hồi giấy phép, áp dụng chế tài hành chính, hình sự.		các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).	thủ, hạn chế rủi ro khi thực hiện chính sách cho Việt Nam.
Điều 7. Áp dụng pháp luật tại TTTCQT 1. Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại TTTCQT được thực hiện theo quy định sau:	- Điều 10 và Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với	Do Nghị quyết quy định các chính sách mới, đặc thù nên cần quy định hướng dẫn về việc áp dụng pháp luật, tránh

a) Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn; b) Văn bản do Cơ quan quản lý thuộc TTTCQT quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này được ban hành theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của Chính phủ; c) Pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản này không quy định; d) Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia giao dịch là Thành viên TTTCQT, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nước ngoài đối với giao dịch đó, trừ trường hợp giao dịch liên quan đến bất động sản tại Việt Nam. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với giao dịch đó được áp dụng. 2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật: a) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn với các Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn;		các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).	chồng chéo và mâu thuẫn khi áp dụng.
--	--	--	---

b) Trường hợp Nghị quyết này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; c) Trường hợp Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn đối với Thành viên TTTCQT so với quy định tại Nghị quyết này thì Thành viên TTTCQT được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn đó; d) Trong quá trình tổ chức, thành lập, vận hành TTTCQT, thành lập, tổ chức và hoạt động của Thành viên TTTCQT, Chính phủ ban hành Nghị định để thí điểm trong thời gian tối đa 02 năm để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại phiên họp gần nhất; đ) Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành; e) Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác			
--	--	--	--

với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó; g) Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về TTTCQT có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên TTTCQT; h) Chính phủ quy định phạm vi các nội dung mà Cơ quan Trung tâm tài chính phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.			
Điều 8. Ngôn ngữ áp dụng tại trung TTTCQT 1. Ngôn ngữ chính thức trong TTTCQT là tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt. 2. Các văn bản quy phạm pháp luật trong TTTCQT được ban hành bằng tiếng Anh và tiếng Việt. 3. Tài liệu thống kê, tài chính, kỹ thuật và các tài liệu khác được lưu trữ tại TTTCQT bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt. 4. Thủ tục hành chính, giao dịch giữa các Thành viên	- Khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025²; - Khoản 2 Điều 22 Luật Chuyển giao công nghệ 2017³; - Khoản 2 Điều 11 Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng⁴; - Điều 85 Thông tư số	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định những nội dung mới nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm	Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW.

² Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật là tiếng Việt, bảo đảm chính xác, phổ thông, thống nhất, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.

³ Ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận.

⁴ Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng xây dựng là tiếng Việt. Đối với hợp đồng xây dựng có yếu tố nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng nước ngoài do các bên thỏa thuận lựa chọn; trường hợp không thỏa thuận được thì sử dụng tiếng Anh.

TTTCQT, giao dịch giữa các Thành viên TTTCQT với các tổ chức, cá nhân nước ngoài và giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh dịch sang tiếng Việt.	80/2021/TT-BTC ⁵ ; - Khoản 1 Điều 11 Luật Kế toán 2015 (sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 2 Luật số 56/2024/QH15) ⁶ ; - Khoản 1 và Khoản 4 Điều 150, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 ⁷ .	quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành” (điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).	
Chương II: THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH TTTCQT			
Điều 9. Thẩm quyền quyết định thành lập TTTCQT	Điểm d khoản 6 Điều 13 Luật Tổ chức Chính phủ	Phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ	Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án

⁵ Ngôn ngữ được sử dụng trong hồ sơ thuế là tiếng Việt. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt. Người nộp thuế ký tên, đóng dấu trên bản dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch. Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài có tổng độ dài hơn 20 trang giấy A4 thì người nộp thuế có văn bản giải trình và đề nghị chỉ dịch những nội dung, điều khoản có liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế.

Đối với hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế thì tùy vào tính chất của từng loại hợp đồng và yêu cầu của cơ quan thuế (nếu có), người nộp thuế cần dịch những nội dung trong hợp đồng như: tên hợp đồng, tên các điều khoản trong hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng hoặc thời gian thực tế chuyên gia của nhà thầu nước ngoài hiện diện tại Việt Nam (nếu có), trách nhiệm, cam kết của mỗi bên; các quy định về bảo mật và quyền sở hữu sản phẩm (nếu có), đối tượng có thẩm quyền ký kết hợp đồng, các nội dung có liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế và các nội dung tương tự (nếu có); đồng thời gửi kèm theo bản sao hợp đồng có xác nhận của người nộp thuế.

⁶ Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

⁷ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

1. Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng. 2. Nội dung thành lập TTTCQT gồm các nội dung chính sau: a) Tên, mục tiêu và định hướng phát triển TTTCQT; lộ trình và kế hoạch phát triển; b) Vị trí, địa giới hành chính, diện tích TTTCQT; c) Cơ cấu tổ chức TTTCQT; d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; đ) Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính; e) Cơ chế, chính sách đặc thù đối với Trung tâm tài chính thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ; g) Các quy định khác (nếu có).	năm 2025 ⁸		xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW. Đối với nội dung quy định tại Điều 10, việc giao 02 UBND xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai Nghị quyết, đảm bảo tổng thể, đồng bộ và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng Thành phố và vùng.
Điều 10. Trình tự và thủ tục thành lập TTTCQT Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định thành lập TTTCQT theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm luật, đảm bảo tổng thể, đồng bộ và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng Thành phố và vùng.	- Điều 45 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 ⁹ .	Hiện tại, Chính phủ chưa có Nghị định hướng dẫn Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 về trình tự, thủ tục ban hành Nghị định. Trước đây, theo khoản	

⁸ Ban hành quyết định, chỉ thị và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và quyết định một số nội dung cụ thể sau đây: Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; quyết định thành lập hội đồng, Ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành.

⁹ Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương.

		2 Điều 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 (sửa đổi bởi Khoản 18 Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi năm 2020), thì Bộ, Cơ quan ngang bộ là đơn vị dự thảo xây dựng Nghị định.	
Điều 11. Cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTCQT 1. Các cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTCQT bao gồm: a) Cơ quan quản lý, điều hành; b) Cơ quan giám sát; c) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính. 2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động độc lập trong việc thực hiện quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn, trừ trường hợp có quy định khác tại Nghị quyết này. 3. Chính phủ quy định chi tiết cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	Chưa có quy định		Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW
Điều 12. Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTCQT	Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ quyết	Quy định này phù hợp với Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày	Phù hợp với Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTCQT do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập chịu trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về TTTCQT; thúc đẩy việc phát triển TTTCQT. 2. Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; quyết định thành phần và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về TTTCQT.	định thành lập Ban Chỉ đạo về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam	31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó quyết định thành lập Ban chỉ đạo về trung tâm tài chính, trong đó Thủ tướng Chính phủ giữ vai trò trưởng ban, và đã quyết định thành phần của Ban Chỉ đạo. Tuy nhiên, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo quy định tại dự thảo NQ không trùng khớp với Điều 3 của Quyết định số 1718/QĐ-TTg.	31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ
Chương III: THÀNH VIÊN TTTCQT			
Điều 13. Đăng ký thành viên TTTCQT			
1. Đăng ký thành viên a) Các tổ chức, doanh nghiệp được đăng ký làm Thành viên TTTCQT nếu đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm. Trường hợp xác định đáp ứng điều kiện, tổ chức, doanh nghiệp được cấp mã số định danh và ghi nhận vào Sổ đăng ký Thành viên của TTTCQT. Mã số định danh có giá trị tương đương với mã số doanh nghiệp theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp;	Luật Đầu tư Luật Doanh nghiệp Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/-1/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy	- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động đầu tư của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC.

b) Các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này; các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam, thuộc nhóm mười doanh nghiệp hàng đầu về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng chỉ cần thực hiện thủ tục thông báo đăng ký để được công nhận là Thành viên TTTCQT; c) Hệ thống đăng ký Thành viên TTTCQT do Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính xây dựng, quản lý và vận hành, bao gồm Công thông tin đăng ký thành viên và Cơ sở dữ liệu về thành viên, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan có liên quan để đơn giản hoá thủ tục hành chính trong TTTCQT; d) Cơ quan quản lý TTTCQT quy định chi tiết các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, bảo đảm minh bạch, thuận tiện và phù hợp thông lệ quốc tế.	ng nghiệp	định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	- Việc hình thành hệ thống đăng ký thành viên là giải pháp phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam nhằm đảm bảo sự quản lý xuyên suốt về đối tượng áp dụng của các chính sách trong TTTC và hiệu quả quản lý hoạt động của TTTC nói chung. Đồng thời, chính sách này không bị hạn chế bởi các quy định về đăng ký doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Quy định đối với Thành viên TTTCQT a) Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hoặc phần vốn góp của Thành viên TTTCQT; b) Nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập tổ chức kinh tế trong TTTCQT mà không cần phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong TTTCQT theo quy định của pháp luật về đầu tư; riêng hoạt động liên quan đến tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm được thực hiện theo			

thông lệ quốc tế. Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; c) Thành viên TTTCQT được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên TTTCQT khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên TTTCQT đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn; d) Nhà đầu tư nước ngoài không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần, hoặc mua phần vốn góp của Thành viên TTTCQT; chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính thì Giấy phép thành lập đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên Trung tâm tài chính; e) Thành viên TTTCQT phải tuân thủ các quy định về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác khi thực hiện hoạt động đầu tư ngoài TTTCQT, trừ trường hợp pháp luật pháp luật quy định khác; g) Quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại và chuyển nhượng chứng khoán trong TTTCQT thực hiện theo quy định của Cơ quan giám sát tài chính TTTCQT; h) Quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại			
--	--	--	--

và chuyển nhượng các công cụ tài chính khác, cũng như việc niêm yết và giao dịch các công cụ này trên Sở Giao dịch Hàng hóa thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Hàng hóa;			
i) Các Thành viên TTTCQT được lựa chọn áp dụng chuẩn mực quốc tế để lập và trình bày báo cáo tài chính. Trường hợp đã thực hiện theo chuẩn mực quốc tế thì không phải lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.	Luật Kế toán 2015 Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam	Khoản 3 Điều 7 Luật Kế toán (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Luật số 56/2024/QH15) quy định: “ <i>Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán của Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; hướng dẫn đối tượng, phạm vi, thể thức, lộ trình và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán</i> ”	Việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán, tài chính và báo cáo tài chính là nhằm: (i) Tăng cường tính minh bạch và đáng tin cậy của thông tin tài chính; (ii) Thu hút vốn đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; (iii) Giảm chi phí và rủi ro khi hội nhập kinh tế toàn cầu; (iv) Hài hòa với xu hướng toàn cầu và cam kết quốc tế; (v) Giúp các doanh nghiệp và tổ chức tài chính nâng cao năng lực quản trị; và (vi) cụ thể hoá chỉ đạo của Chính phủ về hiện đại hóa hệ thống kế toán tài chính.
3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện; hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, chấm dứt Thành viên TTTCQT; hoạt động của Thành viên TTTCQT.		Hiện tại, Chính phủ chưa có Nghị định hướng dẫn Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 về trình tự, thủ tục ban hành Nghị	

		định. Trước đây, theo khoản 2 Điều 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 (sửa đổi bởi Khoản 18 Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi năm 2020), thì Bộ, Cơ quan ngang bộ là đơn vị dự thảo xây dựng Nghị định.	
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên TTTCQT			
1. Thành viên TTTCQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được thành lập công ty quản lý vốn (công ty holding) để huy động vốn từ nước ngoài và quản lý đầu tư; b) Được phép huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không cần thực hiện các thủ tục cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ;	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
c) Nợ của Thành viên TTTCQT với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không được tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài. Tổ chức trong nước có	- Điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 5 Nghị định 96/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh Bất động	Nội dung "Tổ chức trong nước có quyền vay vốn Thành viên Trung tâm tài chính	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

quyền vay vốn Thành viên TTTCQT mà không bị giới hạn;	sản năm 2023, trong đó quy định giới hạn tỷ lệ vay tại tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. - Điều 135 về hạn chế cấp tín dụng, Điều 136 về giới hạn cấp tín dụng của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.	<i>mà không bị giới hạn” nên được quy định rõ hơn (không bị giới hạn ở khía cạnh nào) để tránh gây nhầm lẫn khi diễn giải và áp dụng.</i>	
d) Không phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ TTTCQT ra nước ngoài, trừ việc phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ. đ) Được quyền sử dụng miễn phí, ưu đãi các dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm xanh, bảo hiểm áp dụng công nghệ; e) Được chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào TTTCQT, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ TTTCQT ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện bằng ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng trong TTTCQT;	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
g) Khi thực hiện đầu tư từ TTTCQT vào phần còn lại của Việt Nam, Thành viên trong TTTCQT phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối áp dụng đối với đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác. 2. Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với nội dung quy định tại Điều này.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

		Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	
Chương IV: CÁC SÀN GIAO DỊCH VÀ NỀN TẢNG GIAO DỊCH TẠI TTTCQT			
Điều 15. Thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch 1. Thành viên TTTCQT được phép thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động trong TTTCQT trong các lĩnh vực sau: a) Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa; b) Giao dịch tín chỉ các-bon; c) Các nền tảng giao dịch tài sản số; d) Các sàn giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật; đ) Giao dịch kim loại quý hiếm; e) Giao dịch chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; g) Giao dịch sản phẩm tài chính xanh; h) Sàn giao dịch chuyên biệt; h) Các loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển. 2. Cơ quan quản lý điều hành Trung tâm tài chính chấp thuận thành lập và hướng dẫn hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính và tuân	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT. Chủ trương xây dựng các sàn giao dịch này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW.

thủ quy định của pháp luật.			
Điều 16. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch 1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động theo nguyên tắc thị trường; khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài. 2. Áp dụng các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro, tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và gian lận tài chính. 3. Được phép ban hành quy chế nội bộ về niêm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý tài sản và thành viên phù hợp với tính chất mỗi loại hình sau khi được Cơ quan quản lý, điều hành phê duyệt.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
Điều 17. Cơ chế quản lý, giám sát, chính sách ưu đãi đối với các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch 1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên những nền tảng này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan. 2. Chính phủ quy định khung quản lý, giám sát, thí điểm triển khai, chính sách khuyến khích phát triển sàn giao dịch, nền tảng giao dịch quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này¹⁰.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

¹⁰ Ví dụ: giao dịch tín chỉ các-bon không chịu thuế giá trị gia tăng và thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương V: CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ÁP DỤNG TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH			
Điều 18. Chính sách ngoại hối			
1. Thành viên TTTCQT có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính trong các giao dịch ngoại hối. 2. Việc thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các quan hệ giao dịch khác được phép giữa các chủ thể là thành viên Trung tâm tài chính được sử dụng bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch giữa chủ thể là thành viên Trung tâm tài chính với chủ thể không phải là thành viên Trung tâm tài chính, giữa các chủ thể trong Trung tâm tài chính với các chủ thể tại nước ngoài và phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.	Luật số: 14/2022/QH15 Luật phòng, chống rửa tiền; Nghị định 19/2023/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Phòng, chống rửa tiền.	Dự thảo quy định hoạt động của TTTC vẫn phải tuân thủ các quy định chung về phòng chống rửa tiền.	- Hầu hết các TTTC đều cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch tài chính; đây là một trong những tiêu chí cơ bản của một TTTC.
			- Việc xác định rõ một số lĩnh vực trọng tâm của TTTC, trong đó bao gồm một số sản phẩm tài chính truyền thống và một số sản phẩm tài chính hiện đại, là phù hợp với điều kiện của Việt Nam do: (i) chưa được quy định và không xung đột với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; (ii) xác định một số lĩnh vực có khả năng tạo lợi thế cạnh tranh cho TTTC, đặc biệt là các sản phẩm tài chính phục vụ thị trường ngách, phù hợp với các lợi thế của Việt Nam so với các nước trong khu vực; (iii) hạn chế các yếu tố rủi ro về phân tán nguồn lực và đảm bảo hiệu quả trong

			quá trình phát triển TTTC; (iv) đảm bảo phát triển TTTC có trọng tâm, trọng điểm, giúp định hình vị trí, vai trò của TTTC tại Việt Nam so với các TTTC của khu vực và thế giới. - Các chính sách đề xuất đã tính đến các giải pháp kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn của hệ thống tài chính, tín dụng, ngân hàng.
3. Các thành viên Trung tâm tài chính do nhà đầu tư nước ngoài thành lập được phép tự do chuyển đổi ngoại hối theo quy định của Chính phủ.	- Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11, - Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối - Nghị định 70/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh ngoại hối. - Thông tư số 32/2013/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; - Luật Đầu tư năm 2020, số 61/2020/QH14; - Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật	Như vậy, dự thảo NQ chỉ không yêu cầu nhà đầu tư phải chứng minh mục đích chuyển đổi ngoại tệ hoặc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, nhưng vẫn yêu cầu nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các thủ tục khác, như báo cáo với NHNN hay báo cáo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý.	Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW.

	Đầu tư; - Thông tư số 186/2010/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của luật đầu tư. Theo các quy định hiện hành, tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng ngoại hối trong một số giao dịch nhất định, nhằm các mục đích nhất định, được liệt kê tại Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN. Ngoài ra, theo khoản 17 Điều 4, các trường hợp khác được phép sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp. Để được chấp nhận sử dụng ngoại hối, tổ chức, cá nhân phải lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam		
--	--	--	--

	đến Vụ quản lý ngoại hối – NHNN Việt Nam. Điều 4a. Thông tư 32/2013/TT-NHNN quy định: 1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam: a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp thành phần hồ sơ dịch từ tiếng nước ngoài, tổ chức được lựa chọn nộp tài liệu đã được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc tài liệu có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức; b) Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và		
--	--	--	--

	các giấy tờ bản sao không phải là bản sao có chứng thực, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức thì tổ chức phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. 2. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Thông tư này lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó trình bày cụ thể sự cần thiết sử dụng ngoại hối; b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp		
--	---	--	--

	pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật; c) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh nhu cầu cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. 3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.		
--	--	--	--

4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.			
Điều 19. Chính sách về hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng			
1. Các lĩnh vực ưu tiên trong Trung tâm tài chính về một số sản phẩm truyền thống trong hoạt động ngân hàng thương mại được đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện và hoạt động. 2. Các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III khi thành lập công ty con tại Trung tâm tài chính để cung cấp dịch vụ ngoại hối cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người không cư trú hoặc các thành viên trong Trung tâm tài chính được miễn áp dụng điều kiện cấp phép áp dụng cho việc thành lập tổ chức tín dụng và miễn tuân thủ các quy định về an toàn vốn áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với công ty con đó; được sử dụng hệ thống máy tính ở nước ngoài cho hoạt động kinh doanh của mình. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng, tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín thực hiện theo quy định của Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính.	Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010; Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2021/TT-NHNN, Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối là các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; Theo quy định tại Điều 29, Luật các tổ chức tín dụng, việc thành lập tổ chức tín dụng phải đảm bảo các điều kiện cụ thể về vốn pháp định, năng lực pháp lý, năng lực tài chính, người quản lý điều hành, v.v..	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (điểm b	Dự thảo chỉ nêu ra nguyên tắc, việc lựa chọn lĩnh vực nào, sản phẩm nào cần ưu tiên và mức độ ưu tiên để đơn giản hóa quy trình, thủ tục sẽ được cụ thể hóa trong các văn bản hướng dẫn chi tiết của Ủy ban quản lý, điều hành Trung tâm tài chính ban hành vào từng thời điểm; - Việc miễn áp dụng điều kiện cấp phép, miễn tuân thủ các quy định về an toàn vốn đối với tổ chức tín dụng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc thành lập và hoạt động của các thành viên TTTC. Tuy nhiên, các thành viên này vẫn phải đáp ứng tiêu chí "có uy tín đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III", nhằm đảm bảo hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro.

		khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	
3. Các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại Trung tâm tài chính không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính hoặc dịch vụ xuyên biên giới.	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. Ngân hàng, bảo hiểm, là các lĩnh vực thuộc danh mục hạn chế hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định tỷ lệ tối đa mà các nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu trong các tổ chức tín dụng trong nước, tùy vào từng trường hợp cụ thể. Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, quy định tại Điều 7	Dự thảo quy định không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính hoặc dịch vụ xuyên biên giới.	Với mục tiêu của TTTC là thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, việc không hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính là cần thiết.
4. Lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về ngân hàng (Basel III) bắt đầu triển khai tại Trung tâm tài chính, lộ trình hình thành mô hình ngân hàng số từ	Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ	I. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và	Tạo sân chơi minh bạch, đủ tiêu chuẩn quốc tế để thu hút

các ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của Chính phủ.	tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025".	đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>"Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành"</i> (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015). 3. Tại Quyết định số 689/QĐ-TTg không	các định chế tài chính, ngân hàng.
--	---	---	---

		quy định cụ thể về mốc thời gian mà chỉ giao: “Nghiên cứu, có giải pháp phù hợp để khuyến khích các ngân hàng thực hiện Basel II theo phương pháp nâng cao, hướng đến triển khai Basel III khi tổ chức tín dụng có đủ điều kiện về tài chính, nhân lực”.	
Điều 20. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn			
1. Quy định đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: a) Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định; b) Được huy động vốn bằng cơ chế gọi vốn cộng đồng hoặc cơ chế chào bán riêng lẻ thông qua nền tảng huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; c) Chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được giao dịch tại TTTCQT. d) Được áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, bao gồm ưu đãi, hỗ trợ thuế. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được áp dụng các quy định ưu đãi về thuế. đ) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.	- Khoản 2 Điều 3 Nghị định 94/2020/NĐ-CP quy định: <i>“Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh”.</i> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Nghị định 80/2017/NĐ-CP; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.	Pháp luật hiện hành không có quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mà chỉ có thủ tục liên quan đến việc lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT. Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW.

2. Phát triển thị trường tài chính xanh: a) Các sản phẩm tài chính được cấp chứng nhận tài chính xanh khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định và được giao dịch tại TTTCQT. b) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh, các quỹ đầu tư và nhà đầu tư vào sản phẩm tài chính xanh được áp dụng các cơ chế hỗ trợ, trong đó có ưu đãi về thuế. c) Sản phẩm tài chính xanh được giao dịch tại TTTCQT. d) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.	Hiện tại không có quy định về cơ chế liên quan đến thị trường tài chính xanh, ngoại trừ: - Nghị định 95/2018/NĐ-CP quy định về trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành; - quy định về cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh tại các Điều 154, Điều 155, Điều 156, và Điều 157 Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT. Các nội dung này đã được xây dựng, đề xuất tại Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình thực tế của Việt Nam và đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW.
3. Các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyển trụ sở, văn phòng đại diện đến Trung tâm tài chính Việt Nam được áp dụng ưu đãi như đối với lĩnh vực thuộc Danh mục ưu đãi đầu tư.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
4. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Thành viên Trung tâm tài chính được tự do lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (còn gọi là	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

Chuẩn mực kế toán hoặc Chuẩn mực báo cáo tài chính) của các quốc gia: Úc, Brazil, Canada, các quốc gia thành viên liên minh châu Âu (EU), các quốc gia thành viên của khu vực kinh tế châu Âu, Hong Kong (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Trung Quốc, Ấn độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trường hợp các chủ thể đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán khác với Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì không phải lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam.		tiến và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	
5. Thành viên Trung tâm tài chính được áp dụng quy trình, thủ tục và triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy trình, thủ tục đơn giản.	- Khoản 2 và 3 Điều 5, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 (Luật số 08/2022/QH15): Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư trở lại nền kinh tế, tái đầu tư, xây dựng thị trường bảo hiểm. Chương III Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 quy định về doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm.	Phù hợp với nội dung được ghi nhận tại Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15; Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định của dự thảo NQ là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm

	Quy trình thủ tục thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm sẽ chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ và Bộ Tài chính sẽ thẩm định hồ sơ. Nếu đủ điều kiện sẽ cấp giấy phép trong vòng 90 ngày - Theo quy định hiện hành (Điểm đ, khoản 1, Phần III, Điều 1 Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ): tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp bảo hiểm.		
6. Chính phủ xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM). 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Luật Chứng khoán 2019 (sửa đổi, bổ sung 2024) ghi nhận nguyên tắc hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán “Công bằng, công khai, minh bạch” tại khoản 2 Điều 5. - Theo Thông tư 14/2023/TT-NHNN, ghi nhận yêu cầu tối thiểu trong xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng (CRM) đối với các tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Điều 19, yêu cầu tối thiểu trong xây dựng chiến	- Luật Chứng khoán đề cập đến nguyên tắc nhưng chưa quy định về xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu. - Theo pháp luật hiện hành, đã có các quy định cụ thể về quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh về quản lý rủi ro tín dụng đối với các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quản lý rủi ro	- Triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030 (Quyết định 149/QĐ-TTg năm 2020) Điểm d, khoản 3, phần II, Điều 1: “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng tài chính phù hợp, tạo thuận lợi và an toàn cho các giao dịch, đảm bảo thông tin thông tin giữa tất cả các bên tham gia thị trường.” - Hệ thống thông tin được xây dựng đồng thời cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro

	lược quản lý rủi ro hoạt động (ORM) tại Điều 25. - Theo quy định hiện hành, (khoản 24 Điều 3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN, được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư 40/2018/TT-NHNN): rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. - Điểm b Khoản 3 Điều 20 Thông tư 13/2018/TT-NHNN, được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư 40/2018/TT-NHNN "Thông tin, dữ liệu cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời đáp ứng các yêu cầu quản lý ... quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; nguồn thông tin, dữ liệu phải được kiểm tra độ tin cậy,"	hoạt động. - Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn chi tiết về cách áp dụng ORM, CRM, MRM vào hệ thống tài chính quốc gia.	là vấn đề cấp thiết để tăng tính cạnh tranh - Các nội dung chi tiết cần có quy định hướng dẫn của Chính phủ, điều này là cần thiết.
Điều 21. Chính sách thuế tại TTTCQT			
1. Thuế thu nhập doanh nghiệp a) Dự án đầu tư mới tại TTTCQT thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào TTTCQT được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30	1. Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với	- Việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khá phổ biến tại các TTTC nhằm tạo cơ chế thu

năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo;	- Luật số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008.	các điều ước quốc tế có liên quan.	hút vượt trội, hướng tới thu hút các ngành nghề ưu tiên phát triển của TTTC.
b) Đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời gian 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo;	- Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 - Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 2. Nghị định hướng dẫn: - Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.	2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định:	
c) Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng nhiều điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất. Trường hợp Thành viên Trung tâm tài chính thực hiện dự án đầu tư mở rộng thì áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. Việc xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.	- Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014. - Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015. - Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 - Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021.	“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	
2. Thuế thu nhập cá nhân a) Cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao làm việc tại TTTCQT, bao	1. Luật Thuế Thu nhập Cá nhân:	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và	Việc áp dụng chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân cho cán bộ quản lý, nhà khoa học,

gồm người Việt Nam và người nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại Trung tâm tài chính đến hết năm 2035; b) Cá nhân có khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào thành viên TTTCQT được miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2035; c) Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao. Sau năm 2035, Chính phủ sẽ trình cấp có thẩm quyền xem xét kéo dài hoặc ban hành chính sách ưu đãi mới phù hợp tình hình thực tế.	- Luật số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 - Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN năm 2007, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013, nhằm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh và một số quy định liên quan. - Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, trong đó có Luật Thuế TNCN, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. 2. Nghị định hướng dẫn: - Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN, hướng dẫn về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế và quản lý thuế. - Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các	đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015). Có thể khoản này nhằm lần câu chữ đoạn	chuyên gia có trình độ chuyên môn cao là cần thiết để khuyến khích, thu hút lực lượng các nhà khoa học có trình độ chuyên môn vào Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đang cần thu hút các nhân tài lĩnh vực tài chính về xây dựng và vận hành Trung tâm tài chính.
---	--	--	---

	Nghị định quy định về thuế, trong đó có Nghị định số 65/2013/NĐ-CP về thuế TNCN. - Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015: Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, bao gồm thuế TNCN.	<i>“Đối với các đối tượng không thuộc khoản 1 Điều này”, dùng ra phải là “Đối với các đối tượng không thuộc trường hợp nêu trên”.</i>	
3. Thuế giá trị gia tăng a) Các dịch vụ tài chính thực hiện trong TTTCQT được áp dụng chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật; b) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ TTTCQT ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào TTTCQT được áp dụng mức thuế suất và thủ tục thuế xuất nhập khẩu ưu đãi nhất theo các cam kết hội nhập của Việt Nam. 4. Doanh nghiệp, cá nhân tại TTTCQT thực hiện đăng ký, kê khai, quyết toán các loại thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định thời điểm bắt đầu ưu đãi, thời gian miễn giảm thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. 5. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục, điều kiện hưởng chính sách thuế quy định tại Điều này.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

Điều 22. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia và nhà đầu tư			
1. Thị thực và cư trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư a) Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, đầu tư, lao động, kinh doanh tại TTTCQT và thân nhân (vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thị thực, thẻ tạm trú so với quy định chung; được rút ngắn thời gian giải quyết trong cấp thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú; được cấp thị thực nhiều lần với thời hạn đến 5 năm hoặc thẻ tạm trú với thời hạn đến 10 năm trong trường hợp là nhà đầu tư, chuyên gia quan trọng; b) Người nước ngoài đầu tư với số vốn lớn hoặc có đóng góp quan trọng tại TTTCQT và chuyên gia, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại TTTCQT được xét cấp thẻ thường trú theo đề nghị của Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT để cư trú lâu dài tại Việt Nam; được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thẻ thường trú so với quy định chung. Tiêu chí cụ thể về mức vốn đầu tư, lĩnh vực đầu tư ưu tiên, thời gian cam kết hoạt động; tiêu chí xác định chuyên gia, nhà quản lý cấp cao do Chính phủ quy định.	- Chương II và các Điều 37, 41 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13, sửa đổi bổ sung năm 2019, 2023) quy định về việc cấp thị thực, thủ tục cấp thẻ tạm trú, thủ tục giải quyết cho thường trú đối với người nước ngoài tại Việt Nam - Nghị định 59/2022/NĐ-CP về Định danh và Xác thực điện tử.	- Hiện nay chưa có quy định pháp luật về ưu tiên và thuận lợi vượt trội về thời gian, thủ tục giải quyết cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú cho người nước ngoài vào làm việc đầu tư, lao động tại Việt Nam và các thành viên gia đình của họ. - Các quy định pháp luật hiện hành chưa quy định về việc người nước ngoài và các thành viên gia đình của họ được thụ hưởng các dịch vụ, tiện ích tích hợp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử.	- Chính sách xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại và tạm trú được quy định trong Dự thảo Nghị quyết tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người nước ngoài, các nhà đầu tư, người lao động làm việc ở TTTC - Góp phần thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao từ nước ngoài phục vụ cho TTTC - Triển khai thực hiện Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có chính sách phát triển nguồn nhân lực.
2. Xuất nhập cảnh a) Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT phối hợp với Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thiết lập cơ chế “một cửa” hỗ trợ nhanh chóng thủ tục xuất nhập cảnh cho	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng quốc tế đến làm việc, giao dịch tại TTTCQT. b) Thiết lập khu vực làm thủ tục xuất nhập cảnh ưu tiên tại các sân bay quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cho đối tượng thuộc TTTCQT, cấp thẻ nhận diện chuyên gia TTTCQT để sử dụng lối đi riêng, rút ngắn thời gian làm thủ tục. 3. Giấy phép lao động Người nước ngoài làm việc tại TTTCQT được miễn giấy phép lao động nếu đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		tiền và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	
Điều 23. Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội			
1. Tuyển dụng lao động a) Thành viên TTTCQT được quyền chủ động tuyển dụng lao động, bao gồm cả lao động nước ngoài, theo nhu cầu công việc mà không bị khống chế tỷ lệ lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật về lao động; b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài thực hiện theo quy trình rút gọn.	- Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về các trường hợp người lao động nước ngoài làm việc Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động; - Theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Lao động năm 2019, thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 02 năm, được gia hạn 01 lần với thời hạn tối đa là 02 năm.	Dự thảo NQ mở rộng các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động; tăng thời hạn giấy phép lao động.	Tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho TTTC, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên trong việc sử dụng lao động phù hợp với nhu cầu hoạt động của mình.
2. Tiền lương và đãi ngộ a) Thành viên TTTCQT được quyết định chế độ tiền	1. Về khoản biên chế và kinh phí quản lý hành chính:	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và	

lương, thưởng và đãi ngộ cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động; b) Các cơ quan quản lý TTTCQT thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao; c) Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý TTTCQT được thực hiện không quá 03 (ba) lần so với mức lương cơ sở theo quy định tại thời điểm ban hành; d) Cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước làm việc tại TTTCQT được bố trí nhà ở công vụ hoặc hỗ trợ chi phí thuê nhà ở trong thời gian công tác; đ) Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT quyết định sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động; e) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng được sử dụng nguồn thu để lại, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện quy định tại các điểm c, d, đ khoản này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.	- Nghị định 130/005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013). - Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước 2. Ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài: - Thông tư số 07/2023/TT-BKHCN ngày 26/4/2023 của Bộ KHCN quy định việc thuê người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Việt Nam.	đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).
---	---	--

	- Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ KHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó có việc thuê chuyên gia, lao động phục vụ công tác khoa học và công nghệ 3. Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. 4. Luật Ngân sách Nhà nước: Điều 7 quy định về chi đầu tư phát triển, bao gồm: "Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định; Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa		
--	--	--	--

	phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật. Điều 9 quy định về nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có: “Chi đầu tư phát triển, bao gồm: Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do địa phương quản lý; Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do địa phương đặt hàng; các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật”		
3. Phát triển kỹ năng và nhân lực a) Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ TTTCQT; b) Doanh nghiệp trong TTTCQT được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động Việt Nam làm việc cho dự	Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021; Nghị định 80/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật hỗ	Theo khoản 4 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thì quy định hiện hành chi ghi nhận việc hỗ trợ chi phí đào tạo cho	Nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố then chốt để xây dựng và vận hành thành công TTTC. Các trung tâm tài chính lớn trên thế giới như Singapore,

án đầu tư mới và mở rộng tại TTTCQT; c) Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí đào tạo nhân lực trình độ đại học trở lên phục vụ nhu cầu TTTCQT trong thời gian 04 năm tính từ năm 2026; d) Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; và quyết định tiêu chí cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nhận hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nguồn nhân lực quy định tại các điểm b, c khoản này theo từng giai đoạn; đ) Ngân sách hỗ trợ quy định tại khoản này do Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bố trí trong ngân sách địa phương.	trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Bộ luật lao động năm 2019;	người lao động tham gia khóa đào tạo nghề trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Dự thảo mở rộng phạm vi hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động Việt Nam trong các dự án đầu tư tại TTTC 2. Luật hiện hành chưa có quy định về việc NSNN hỗ trợ chi phí đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học trở lên cho các Trung tâm tài chính; cũng như cách thức điều hành và chính sách hỗ trợ thu hút nhân lực cho TTTC => Đề xuất trong dự thảo nhằm cụ thể hóa mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các	London, Dubai và Thượng Hải đều đã triển khai những chiến lược hiệu quả để thu hút và giữ chân nhân tài. Tại Singapore, chính phủ nước này đã thành lập Financial Sector Development Fund (FSDF) với ngân sách 850 triệu USD/năm để hỗ trợ đào tạo, cấp học bổng và tạo điều kiện cho nhân sự tài chính nước ngoài đến làm việc tại Singapore. Bên cạnh đó, Singapore cũng ban hành chính sách hỗ trợ chi phí thuê nhà, miễn giảm thuế thu nhập cá nhân trong 5 năm đầu cho các chuyên gia tài chính. Vì vậy, chúng ta cũng cần có những quy định đặc biệt trong đào tạo, thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao cho TTTC.
--	---	---	---

		Trung tâm tài chính. 5. Việc bố trí ngân sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực do ngân sách địa phương chủ động thực hiện, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	
4. An sinh xã hội cho người lao động a) Cá nhân người nước ngoài làm việc tại TTICQT được lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và không phải nộp phí công đoàn tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài; b) Người lao động Việt Nam và nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính được tham gia các chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định chung. Đối với lao động nước ngoài đã tham gia chương trình an sinh tương tự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ nước ngoài được miễn một phần việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam để tránh trùng lặp; c) Chính quyền địa phương dành quỹ đất và ngân sách để đầu tư phát triển khu nhà ở cho người lao động (phân khu nhà ở cho chuyên gia, cho công nhân viên) gần khu vực Trung tâm tài chính, bảo đảm điều kiện sống thuận lợi để người lao động yên tâm làm việc lâu dài.	- Bộ luật lao động năm 2019 - Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 - Luật việc làm năm 2013 - Nghị định 143/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - “Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi có giấy phép lao	Dự thảo NQ quy định không bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cá nhân là người nước ngoài làm việc tại TTTC. Ngoài ra, đối tượng này cũng không phải nộp phí công đoàn như các lao động trong doanh nghiệp thông thường có công đoàn.	- Tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc tìm kiếm, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao. - Việc quy định người nước ngoài không phải nộp phí công đoàn còn phù hợp với việc Việt Nam phê chuẩn Công ước số 98 của ILO về áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể, hướng tới việc phê chuẩn phê chuẩn Công ước số 87 của ILO về "tự do lập hội" trong thời gian sắp đến.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 năm trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam” (Điều 1 Nghị định 143/2018/NĐ-CP)		
Điều 24. Chính sách đất đai tại TTTCQT			
1. Dự án đầu tư trong phạm vi TTTCQT thuộc ngành, lĩnh vực ưu tiên hoặc có quy mô lớn được giao đất, cho thuê đất với thời hạn tối đa 70 năm. Đối với dự án thuộc lĩnh vực khác, thời hạn sử dụng đất tối đa là 50 năm. Khi hết thời hạn, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng và chấp hành quy định của pháp luật đất đai, Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất theo quy định.	- Luật Đất đai 2024; - Luật Đầu tư 2020; - Luật các tổ chức tín dụng 2024; - Luật nhà ở 2023	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm</i>	Tạo cơ chế thu hút nhà đầu tư trong TTTC, đồng thời đảm bảo ổn định lâu dài trong sản xuất kinh doanh.

		<i>một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).</i>	
2. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong ranh giới TTTCQT để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê thực hiện dự án. Trường hợp dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng tại TTTCQT theo phương thức PPP, Nhà nước giao mặt bằng sạch để thực hiện dự án và đầu tư các công trình hạ tầng kết nối tới dự án.	Điều 79 Luật Đất đai 2024.	Theo Điều 79 Luật Đất đai 2024, quỹ đất của TTTC không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, và tại Khoản 32 Điều 9 Luật Đất đai 2024 quy định: “ <i>Trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình vì lợi ích quốc gia, công cộng không thuộc các trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 31 của Điều này thì Quốc hội sửa đổi, bổ sung các trường hợp thu hồi</i>	Tạo cơ chế để Nhà nước bố trí quỹ đất sạch trong TTTC.

		<i>đất của Điều này theo trình tự, thủ tục rút gọn."</i> Theo đó, cần quy định trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án trong TTTC thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	
3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất a) Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thế chấp này thực hiện theo pháp luật Việt Nam; b) Khi xử lý tài sản thế chấp, bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.	Căn cứ theo Khoản 3 Điều 41 Luật Đất đai 2024, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được quyền thế chấp quyền sử dụng đất tại các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam Quyền thế chấp này áp dụng cho 1 trong 2 trường hợp sau: Tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê; Tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất có thu tiền sử	Với quy định này không phụ thuộc vào hình thức trả tiền thuê đất cho Nhà nước, nhà đầu tư nước ngoài có quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án đầu tư;	- Quy định mở tại khoản 2 điều này giúp cho việc tiếp cận vốn của nhà đầu tư nước ngoài được mở rộng hơn. Việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài được phép thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng nước ngoài sẽ dễ dẫn đến các quy định dẫn chiếu của pháp luật nước ngoài, do đó việc lựa chọn luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai là hợp lý.

	dụng đất để thực hiện dự án đầu tư;		
4. Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài a) Người nước ngoài làm việc, đầu tư tại TTTCQT được phép mua, nhận chuyển nhượng, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại trong dự án đầu tư xây dựng bất động sản thuộc phạm vi TTTCQT theo quy định của pháp luật nhà ở; b) Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài gắn liền với quyền sử dụng đất của dự án nhà ở đó được xác định tương ứng với hình thức giao đất, cho thuê đất của dự án đầu tư xây dựng bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai.	- Điều 19 Luật Nhà ở 2023 quy định: <i>“1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 17 của Luật này chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 30% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư, nếu là nhà ở riêng lẻ bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề thì trên một khu vực có quy mô về dân số tương đương một phường chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 250 căn nhà.</i> <i>2. Trường hợp trong một khu vực có số dân tương đương một phường mà có nhiều nhà chung cư hoặc đối với nhà ở riêng lẻ trên một tuyến phố thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, thuê mua,</i>	Việc sở hữu nhà ở của nhà đầu tư nước ngoài có một số hạn chế theo pháp luật hiện hành.	Tạo điều kiện tối đa về mặt an cư để thu hút chuyên gia, nhân tài nước ngoài làm việc tại TTTC.

	nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá số lượng căn hộ, số lượng nhà ở riêng lẻ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Chính phủ quy định yêu cầu về khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, tiêu chí quy đổi quy mô về dân số tương đương một phường, số lượng nhà ở mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu, việc gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở và việc quản lý, sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định 95/2024/NĐ-CP.		
Điều 25. Chính sách về xây dựng, môi trường và phòng cháy chữa cháy 1. Dự án đầu tư tại TTTCQT không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy. 2. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây: a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt; b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. 3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án. 4. Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án. 5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.		điều ước quốc tế có liên quan.	
Điều 26. Chính sách thử nghiệm có kiểm soát cho Fintech và đổi mới sáng tạo 1. Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quy định về chính sách thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định.	Chưa có quy định cụ thể. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 06/9/2021 về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	- Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về tăng cường phân quyền, phân cấp cho cơ quan quản lý TTTC và tối đa hóa công tác cải cách thủ tục hành chính; tập trung

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm. 3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cũng như cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát, được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự đối với Nhà nước nếu gây thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan dù đã tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm. Trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, bên thử nghiệm phải bồi thường theo pháp luật; được xem xét hỗ trợ một phần chi phí bồi thường từ ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng tùy mức độ thiệt hại và khả năng ngân sách. 4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực Fintech hoạt động tại TTTCQT được hưởng các cơ chế ưu đãi như tại Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia hoặc ưu đãi cao hơn theo quy định của Chính phủ. 5. Doanh nghiệp Fintech có thể được hỗ trợ kinh phí không hoàn lại từ ngân sách địa phương để phát triển dự án, bao gồm chi phí tổ chức cuộc thi ý tưởng, tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia cố vấn; chi trả tiền lương cho nhân sự trực tiếp; chi phí sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật; chi phí nghiên cứu và phát triển, hoàn	nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng	2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	quản lý, giám sát dựa trên rủi ro; - Cho phép Việt Nam thử nghiệm có kiểm soát các chính sách đặc thù nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; - Cho phép chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định và đi kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp đối với các lĩnh vực mới dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Từng bước thực hiện lộ trình với các lĩnh vực mới phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn để điều chỉnh phù hợp, linh hoạt.
--	--	--	--

thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm đổi mới sáng tạo.			
Điều 27. Chính sách ưu đãi đặc biệt theo lĩnh vực Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính sẽ ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm sau đây: 1. Tài chính xanh. 2. Tài sản số và dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ (FinTech). 3. Thị trường hàng hóa và hàng hoá phái sinh. 4. Lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
Điều 28. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược 1. Nhà đầu tư chiến lược là Thành viên TTTCQT đáp ứng các tiêu chí về ngành nghề đầu tư kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín và có cam kết đầu tư lâu dài tại TTTCQT. Chính phủ/Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 ban hành quy định về tiêu chí và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. 2. Nhà đầu tư chiến lược có các quyền sau: a) Được ưu tiên lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư quan trọng để phát triển hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm tài chính. Trong trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng một dự án, nhà đầu tư chiến lược sẽ được ưu tiên đàm phán trước; b) Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quy định tại điểm d	Luật Đầu tư 2020: + Khoản 2, Điều 46. Chuyển nhượng dự án đầu tư: <i>“Trường hợp đáp ứng điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư thực hiện như sau: a) Đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư được chấp thuận theo quy định tại Điều 29 của Luật này và dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh</i>	Việc hỗ trợ đầu tư và giải phóng mặt bằng chủ yếu do cơ quan nhà nước thực hiện, nhưng quy định mới cho phép các chủ thể trong Trung tâm tài chính cung cấp các dịch vụ này và thu phí hợp pháp. Mô hình này giống với cơ chế dịch vụ công tư (PPP) nhưng tập trung vào hỗ trợ nhà đầu tư tư nhân; Không chỉ giới hạn ở việc đầu tư, kinh	Quy định tại điểm b cần bổ sung để tránh tình trạng đầu cơ các dự án đầu tư trong trung tâm tài chính. - Điều khoản “thực hiện thu phí theo quy định” này chưa rõ sẽ áp dụng theo Nghị quyết hay theo pháp luật có liên quan. Theo đó để làm rõ hơn bổ sung theo quy định của Điều 24 của Nghị quyết này.

khoản 1 Điều 9, được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục đầu tư được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư. Việc xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan; c) Được tham gia đầu tư, phát triển kinh doanh, quản lý vận hành, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Được phép cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư, dịch vụ giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư khác trong TTTCQT và thu phí dịch vụ theo quy định; d) Được phép đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô lớn (như khu phức hợp, khu đô thị tài chính) nhằm hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính, bao gồm việc phát triển các khu phức hợp và hệ sinh thái để thu hút tổ chức tài chính, tập đoàn đa quốc gia, chuyên gia, doanh nhân quốc tế đến sinh sống làm việc tại Trung tâm tài chính;	<i>dự án đầu tư theo quy định tại Điều 41 của Luật này; b) Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, việc chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.”</i> - Luật Đất đai 2024: + Khoản 4, Điều 203: “Ban quản lý khu kinh tế có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trong khu kinh tế.” + Khoản 7, Điều 203: “Nhà nước khuyến khích đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế + Luật Kinh doanh bất động sản, Khoản 3, Điều 7: “Nhà	doanh và phát triển dự án mà còn mở rộng sang quản lý, vận hành, cho thuê lại, bán hoặc chuyển nhượng theo nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, quy định việc phát triển hạ tầng bao gồm các khu phức hợp và hệ sinh thái giải quyết khá nhiều vấn đề nhập cư và các chính sách hỗ trợ chuyên gia cao cấp nước ngoài ở các lĩnh vực quan trọng trong Trung tâm tài chính
--	---	--

	<i>nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài phạm vi của dự án, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi của dự án đối với dự án bất động sản được ưu đãi đầu tư."</i>		
đ) Được tham gia cùng cơ quan quản lý trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển Trung tâm tài chính; e) Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo Nghị quyết này.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
2. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau: a) Đảm bảo năng lực tài chính và kinh nghiệm để thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư được giao; cam kết đầu tư lâu dài và hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính; b) Hoàn thành các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm trong thời hạn không quá 5 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư. Không được chuyển nhượng dự án phát triển hạ tầng cốt lõi trong vòng 10 năm kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp đặc biệt được Chính phủ cho phép;	Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM. Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm cơ	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy	Việt Nam chưa có kinh nghiệm về xây dựng và hoạt động TTTC, nên cần thu hút được nhà đầu tư chiến lược để đồng hành trong quá trình thực hiện. Để thu hút được sự quan tâm của các Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực tài chính làm Nhà đầu tư chiến lược, cần có chính sách ưu đãi

c) Hỗ trợ quảng bá Trung tâm tài chính tại các diễn đàn quốc tế; phối hợp với cơ quan quản lý để thu hút thêm các nhà đầu tư, định chế tài chính đa quốc gia đến với Trung tâm tài chính; d) Thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ cần thiết cho các nhà đầu tư thứ cấp theo cam kết. 3. Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính ký thỏa thuận với từng nhà đầu tư chiến lược để ghi nhận cam kết và các ưu đãi, trách nhiệm tương ứng. 4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này và bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	đầu tư và cơ chế thực hiện đặc thù, vượt trội phù hợp để đủ sức hấp dẫn các Tập đoàn này. Thông qua sự hiện diện của các Tập đoàn lớn là nhà đầu tư chiến lược, sẽ thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư tài chính và phi tài chính trong hệ thống toàn cầu về Việt Nam, dần hình thành trong hệ sinh thái tài chính; gia tăng nguồn thu ngân sách thông qua các tác động trực tiếp và gián tiếp từ các hoạt động của các dự án tại TTTC; đào tạo lao động có chất lượng cao phục vụ TTTC; tạo đồng bộ về hệ thống hạ tầng của địa phương và của Vùng.
Điều 29. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội			
1. Đa dạng nguồn lực đầu tư hạ tầng a) TTTCQT được ưu tiên vốn đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; b) Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng	Theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), Điều 76 quy định: Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm góp vốn chủ sở hữu, huy động	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với	Đa dạng hình thức huy động vốn để phát triển cơ sở hạ tầng trong Trung tâm tài chính

của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT.	vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. Tổng số vốn vay thông qua các hình thức vay không vượt quá tổng số vốn vay quy định tại hợp đồng dự án PPP.	các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	
2. Đối với vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước: a) Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng được phân bổ thêm 50% số vốn đầu tư công nguồn	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương (không bao gồm vốn bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia) trong giai đoạn 2026 - 2035 để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT;		đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	
b) Cho phép để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn TTTCQT trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi TTTCQT được thành lập để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT;	- Luật Ngân sách nhà nước (Điều 5 và 7) - Luật Đầu tư công (Điều 4 và 59) - Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	1. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. 2. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới</i>	Tạo điều kiện cho địa phương có TTTC có nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, qua đó tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho TTTC.

		<i>thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).</i>	
c) Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng tăng thêm bội chi so với mức bội chi ngân sách địa phương hàng năm đã được Quốc hội quyết định nhưng không vượt quá tổng mức dư nợ vay theo phân cấp của từng địa phương để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với TTTCQT.	Khoản 5 Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước quy định chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được phép bội chi; tuy nhiên, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước 2015 quy định mức dư nợ vay của ngân sách địa phương không được vượt quá một tỷ lệ nhất định so với số thu ngân sách địa phương được hưởng theo	Việc cho phép thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bội chi ngân sách để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn bằng các nguồn vay trong nước, như phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác, là phù hợp với quy định pháp luật, với điều kiện mức dư nợ vay không vượt quá giới hạn quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà	Tạo điều kiện cho địa phương có TTTC có nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, qua đó tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho TTTC.

	phân cấp.	nước.	
3. Nhà đầu tư được phép ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan thuộc phạm vi ranh giới của TTTCQT. 4. Số vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này được hoàn trả theo các phương thức như sau: a) Được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; b) Được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định.	Luật Đầu tư 2020; + Khoản 3, Điều 19: <i>"Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng ưu đãi và áp dụng các phương thức huy động vốn khác để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu kinh tế, khu công nghệ cao."</i> - Luật Ngân sách Nhà nước 2015; + Khoản 2, Điều 56: <i>"Đối với các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác được tạm ứng vốn, kinh phí để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết. Mức vốn tạm ứng căn cứ vào giá trị hợp đồng và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật có liên quan, vốn, kinh phí tạm ứng được"</i>	Nhà nước không cần huy động vốn trước để phát triển hạ tầng ngoài hàng rào dự án, giảm gánh nặng tài chính công. Phù hợp với chính sách xã hội hóa đầu tư hạ tầng, tận dụng nguồn lực từ khu vực tư nhân để phát triển kinh tế.	Khái niệm "ngoài hàng rào dự án đầu tư" theo khoản 3 chưa rõ. Cụ thể hơn, quy định sử dụng thuật ngữ "ngoài hàng rào dự án đầu tư", nhưng không làm rõ phạm vi này có thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư hay không. Điều này có thể dẫn đến tranh chấp giữa nhà đầu tư và cơ quan quản lý về phạm vi đầu tư hạ tầng nào được hoàn trả vốn. Theo khoản 4, chưa có quy định về việc kiểm soát tổng mức đầu tư thực tế của nhà đầu tư, dễ dẫn đến việc kê khai chi phí đầu tư cao hơn thực tế để được hoàn trả nhiều hơn. Do đó, quy định về việc Nhà nước thanh toán bằng tiền theo thỏa thuận chưa rõ phạm vi này có thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư hay không. Điều này có thể dẫn đến tranh chấp giữa nhà đầu tư và cơ quan quản lý về phạm vi đầu tư hạ tầng nào được hoàn trả vốn. - Theo khoản 4, chưa có quy định về việc kiểm soát

	<i>thu hồi khi thanh toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành."</i> Luật Đất đai 2024 + Khoản 2, Điều 94: <i>"Trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nếu người thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Số tiền được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; số tiền còn lại (nếu có) được tính vào chi phí đầu tư của dự án.</i> <i>Trường hợp Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng</i>		tổng mức đầu tư thực tế của nhà đầu tư, để dẫn đến việc kê khai chi phí đầu tư cao hơn thực tế để được hoàn trả nhiều hơn. Do đó, quy định về việc Nhà nước thanh toán bằng tiền theo thỏa thuận chưa rõ ràng. - Ngoài ra, Điều khoản "được nhà nước thanh toán bằng tiền theo thỏa thuận" chưa có cơ chế xác định rõ nguồn vốn chi trả. Cụ thể hơn, cần làm rõ ngân sách hoàn trả như dự án đầu tư công, hay theo hợp đồng đối tác công tư PPP.
--	---	--	--

	đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, mà người thực hiện dự án được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn sử dụng đất nếu tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tính vào chi phí đầu tư của dự án.”		
5. Miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của TTTCQT theo Danh mục do Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT cấp; hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

6. Cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT được phép xúc tiến, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư có năng lực về phương thức thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội Trung tâm tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định cho phép thực hiện hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong một số trường hợp, được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.	Luật Đầu tư 2020: + Điều a, Khoản 1, Điều 18: <i>“Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư”</i> Khoản 3, Điều 74: <i>“Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư trong các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia</i>	Luật Đầu tư 2020 không có quy định cho phép một Ủy ban quản lý chuyên biệt trực tiếp đàm phán với nhà đầu tư; Đây là một bước tiến mới so với mô hình quản lý truyền thống, trong đó các cơ quan quản lý địa phương hoặc trung ương thường đóng vai trò phê duyệt hơn là chủ động tìm kiếm, xúc tiến và đàm phán với nhà đầu tư	Chưa rõ khái niệm “thông lệ quốc tế” sẽ được áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế nào. Điều này khá quan trọng đối với các hợp đồng đối tác công tư hay với nhà đầu tư nước ngoài.
7. Thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng thuộc TTTCQT sử dụng trực tiếp nguồn ngân sách nhà nước a) Các dự án hệ thống hạ tầng của TTTCQT theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công; b) Cho phép các dự án hệ thống hạ tầng của TTTCQT	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành.	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

hạ tầng phục vụ TTTCQT theo quy định tại Nghị quyết này áp dụng trình tự thiết kế 01 bước theo quy định của Luật Xây dựng; c) Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 8. Ưu đãi dự án PPP a) Dự án đầu tư theo hình thức PPP tại TTTCQT được áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia đến mức 70% tổng mức đầu tư của dự án và cơ chế chia sẻ doanh thu giữa Nhà nước và nhà đầu tư được thiết kế linh hoạt hơn quy định chung. b) Được chỉ định nhà đầu tư thực hiện Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý; c) Được thực hiện Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) theo hình thức chỉ định nhà đầu tư; bảo đảm cân đối ngoại tệ cao hơn quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công – tư; d) Nhà đầu tư PPP được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật hiện hành. 9. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này.		Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	
Điều 30. Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào TTTCQT được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa	- Luật Hải Quan số 54/2014/QH13; - Nghị định số 08/2015/NĐ-	Dự thảo áp dụng các ưu tiên theo quy định của pháp luật hiện hành (Miễn kiểm tra chứng	Các thành viên của TTTC vốn đã được lựa chọn dựa trên những tiêu chí nhất định. Vì vậy, việc xem các doanh nghiệp này mặc nhiên thỏa

của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan. 2. Các Thành viên TTTCQT được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan đối với tất cả các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong TTTCQT. 3. Chính phủ quy định chính sách ưu đãi đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa, dịch vụ trong TTTCQT và giao dịch phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch phái sinh hàng hóa tại TTTCQT.	CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; - Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; - Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương; - Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số	từ liên quan; Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh; Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế; v.v.) cho tất cả các thành viên của TTTC cũng như cho tất cả các loại hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng, không cần phải xem xét các điều kiện cụ thể.	mãn các điều kiện ưu tiên, và do đó được áp dụng các ưu đãi trong thủ tục hải quan là hợp lý. Điều này cũng sẽ tạo điều kiện nhằm thu hút các nhà đầu tư vào TTTC.
---	--	--	---

	107/2016/QH13; Doanh nghiệp khi đáp ứng các điều kiện nhất định quy định tại Điều 42 Luật Hải quan 2014 (được hướng dẫn bởi Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Điều 12 đến Điều 17 Thông tư 72/2015/TT-BTC) Điều 10. NĐ 08/2015 quy định về các điều kiện để được áp dụng chế độ Điều 10. NĐ 08/2015 quy định về các điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên, bao gồm: 1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế 2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán 3. Điều kiện về hệ thống		
--	---	--	--

	kiểm soát nội bộ 4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu Khi đáp ứng các điều kiện này, doanh nghiệp sẽ được áp dụng chế độ ưu tiên nhất định theo Điều 43 Luật Hải quan 2014 và Điều 9 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP, ví dụ như - Miễn kiểm tra chứng từ liên quan; - Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh; - Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế; v.v..		
Điều 31. Chính sách về phí, lệ phí 1. Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa	1. Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015	1. Việc HĐND thành phố quyết định mức thu đối với các khoản phí, lệ phí chưa được	Tạo điều kiện cho địa phương có TTTC có nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, qua đó tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư

bản TTTCQT bao gồm: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%. 2. Sau khi khấu trừ chi phí hoạt động của các Cơ quan quản lý trong TTTCQT, tất cả các khoản thu thuế phát sinh từ việc vận hành và hoạt động của TTTCQT được để lại ngân sách thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng để đầu tư hệ thống hạ tầng của TTTCQT.	2. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí. 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. 4. Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân. 5. Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về lệ phí môn bài, trong đó quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí môn bài đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.	quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí, hoặc điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định, cần phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể, HĐND cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền quyết định đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền đã được quy định trong Luật Phí và Lệ phí. 2. Theo quy định tại Điều 35 của Luật Ngân sách Nhà nước, nguồn thu ngân sách nhà nước được phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Các quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.	cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho TTTC.
--	--	---	--

		Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “ <i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i> ” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).	
Điều 32. Chính sách về đấu thầu Không áp dụng quy định của pháp luật về đấu thầu, quản lý tài chính công đối với các cơ quan quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết này.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.

		bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	
Điều 33. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh 1. Nhà đầu tư, thành viên Trung tâm tài chính và các bên liên quan được sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam hiện hành. 2. Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các nhà đầu tư, các thành viên Trung tâm tài chính với nhau hoặc với bên thứ ba, trừ tranh chấp liên quan đến bất động sản tại Việt Nam, được giải quyết thông qua việc áp dụng pháp luật và tại toà án hoặc trọng tài do các bên thỏa thuận lựa chọn, bao gồm: a) Pháp luật nước ngoài và toà án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế; b) Pháp luật quốc tế và toà án quốc tế hoặc trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế; c) Pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính. 3. Quyết định, bản án của toà án nước ngoài, toà án quốc tế giải quyết các tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.	- Luật thương mại 2005 Điều 317 quy định về các hình thức giải quyết tranh chấp. Điều 14 Luật Đầu tư 2020 (sửa đổi, bổ sung 2022, 2024) quy định về “Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh. 1. Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này. 2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên	Luật Đầu tư 2020 (sửa đổi, bổ sung 2022, 2024) quy định liên quan đến tranh chấp giữa các nhà đầu tư, trong đó ít nhất 1 bên là nhà đầu tư nước ngoài có thể thỏa thuận lựa chọn Trọng tài trong nước hoặc Trọng tài quốc tế nhưng không có quy định về việc cho phép lựa chọn Tòa án nước ngoài	- Quy định pháp luật hiện hành chưa tạo sự linh hoạt trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp. Nhà đầu tư không được lựa chọn pháp luật nước ngoài và tòa án nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư muốn giải quyết tranh chấp bằng phương thức này - Quy định trong Dự thảo Nghị quyết tạo cơ chế linh hoạt trong việc giải quyết tranh chấp và xây dựng niềm tin cho các nhà đầu tư

	lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. 3. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật này được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây: a) Tòa án Việt Nam; b) Trọng tài Việt Nam; c) Trọng tài nước ngoài; d) Trọng tài quốc tế; đ) Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập” - Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định về giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài đối với các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại hoặc ít nhất một bên hoạt động thương mại hoặc các trường hợp pháp luật quy định giải quyết bằng Trọng tài		
--	--	--	--

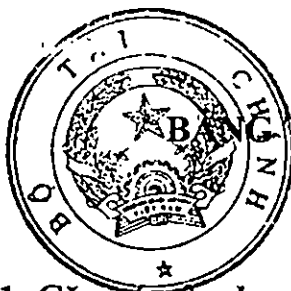
	- Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về giải quyết tranh chấp bằng tố tụng tòa án và công nhận và cho thi hành tại Việt Nam		
4. Phán quyết của Trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của Công ước Liên hiệp quốc về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam. 5. Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành; quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính về việc giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này là chung thẩm, có hiệu lực thi hành như bản án có hiệu lực của Tòa án Việt Nam. Thoả thuận của các bên trước hoặc sau khi có quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính về việc loại trừ quyền yêu cầu của Tòa án huỷ quyết định công nhận kết quả hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật; trong trường hợp này các bên tranh chấp mất quyền yêu cầu Tòa án huỷ quyết định công nhận kết quả hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài. 6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	- Theo Điều 424 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, cơ sở pháp lý để công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài bao gồm điều ước quốc tế và nguyên tắc có đi có lại: 1. Phán quyết của Trọng tài nước ngoài sau đây được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam: a) Phán quyết của Trọng tài nước ngoài mà nước đó và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cùng là thành viên của điều ước quốc tế về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài; b) Phán quyết của Trọng tài nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. - Điều 58 Luật trọng tài thương mại 2010 về hoà	- Khoản 4 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. - Khoản 5 về tính chung thẩm là phù hợp với quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010. Tuy nhiên phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự còn quy định của Dự thảo Nghị quyết quy định có hiệu lực thi hành như bản án có hiệu lực của tòa án. - Về quy định mất quyền phản đối Luật Trọng tài thương mại chỉ quy định trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của pháp luật hoặc của thỏa	- Quy định hiện hành về việc thi hành phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật chưa nhấn mạnh giá trị pháp lý phán quyết trọng tài. - Quy định của pháp luật hiện hành về mất quyền phản đối chưa tạo thuận lợi cho các bên trong trường hợp các bên muốn thỏa thuận trước hoặc sau khi có quyết định công nhận hòa giải thành hoặc phán quyết về việc loại trừ quyền yêu cầu Tòa án huỷ quyết định công nhận kết quả hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài - Quy định trong Dự thảo Nghị quyết bảo đảm cơ chế thực thi hữu hiệu cho việc giải quyết tranh chấp đồng thời gia tăng ưu thế cũng như việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại thuộc TTTC được nhanh chóng, hiệu quả

	giải, công nhận hòa giải thành: + Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. + Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài. - Điều 67 Luật trọng tài thương mại về Thi hành phán quyết trọng tài: Phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. - Điều 13 Luật Trọng tài thương mại 2010 thì: “Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của	thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tổ tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn quy định, quy định tại Dự thảo Nghị quyết mở rộng và áp dụng trong trường hợp các bên có thỏa thuận trước hoặc sau khi có quyết định công nhận hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài về việc loại trừ quyền yêu cầu hủy quyết định công nhận kết quả hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật; - Quy định pháp luật hiện hành chưa quy định hủy quyết định công nhận kết quả hòa giải thành	
--	---	---	--

	thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tổ tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án.”		
Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN			
Điều 34. Quản lý, giám sát đối với Trung tâm tài chính 1. Việc quản lý, giám sát tại Trung tâm tài chính thực hiện theo thông lệ quốc tế, dựa trên rủi ro. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Chưa có quy định tương ứng trong luật hiện hành.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định mới để đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và không trái với luật hiện hành. Quy định này đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan	Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và phù hợp với định hướng phát triển TTTCQT.
Điều 35. Trách nhiệm của Chính phủ và các bộ, ngành Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thi hành Nghị quyết này; chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành hoặc trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết.			Quy định phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ
Điều 36. Trách nhiệm của chính quyền địa phương Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ			Quy định phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính

Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng trong phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với TTTCQT trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật liên quan.			quyền địa phương
Điều 37. Giám sát thực hiện Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các thành phố có TTTCQT, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực thi Nghị quyết, góp ý xây dựng để hoàn thiện cơ chế chính sách cho TTTCQT.			
Điều 38. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ... tháng ... năm 2025. Đây là giai đoạn thí điểm để phát triển Trung tâm tài chính với cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đánh giá, hoàn thiện khung pháp lý cho mô hình TTTCQT tại Việt Nam. 2. Trước khi hết hiệu lực 06 tháng, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính (nếu thấy cần thiết tiếp tục duy trì cơ chế Trung tâm tài chính lâu dài). Quốc hội sẽ xem xét quyết định việc kéo dài, sửa đổi, bổ sung hoặc kết thúc hiệu lực của Nghị quyết này trên cơ sở báo cáo của Chính phủ.			Quy định phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy pháp luật năm 2015 (, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời cũng phù hợp với quy định phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy pháp luật 2025 (có hiệu lực từ ngày 1/4/2025)
3. Các dự án, hoạt động đã được chấp thuận và hưởng			Quy định phù hợp với quy

ưu đãi theo Nghị quyết này trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực, nếu chưa kết thúc vào thời điểm Nghị quyết hết hiệu lực, thì được tiếp tục hưởng các ưu đãi theo Nghị quyết này cho đến khi dự án kết thúc. Quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tránh tình trạng ưu đãi bị dừng đột ngột do Nghị quyết hết hiệu lực.			định của Luật Ban hành văn bản quy pháp luật năm 2015 (, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời cũng phù hợp với quy định phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy pháp luật 2025 (có hiệu lực từ ngày 1/4/2025)
--	--	--	--



**TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT
CỦA QUỐC HỘI VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TTTC TẠI VIỆT NAM**

(tài liệu ban hành kèm theo văn bản số

/TTr-BTC ngày tháng năm 2025)

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Thực hiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập bản tổng hợp, giải trình, tiếp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân (là thành phần Hồ sơ dự thảo Nghị quyết) để gửi Bộ Tư pháp thẩm định và các cơ quan khác có thẩm quyền xem xét.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Trong quá trình xây dựng Nghị quyết, Cơ quan chủ trì đã có các lần lấy ý kiến cho Hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC (TTTC) khu vực và quốc tế như sau:

- Lần 1: Công văn số 88/BKHĐT-ĐTNN ngày 03/01/2025 về việc lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam

- Lần 2: Công văn số 405/BKHĐT-ĐTNN ngày 16/01/2025 về việc lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam (lần 2)

- Lần 3: cuộc họp Tổ biên tập, Ban soạn thảo Nghị quyết và 18/02/2025.

- Lần 4: Sau khi Bộ Tư pháp có báo cáo thẩm định hồ sơ số 65/BCTĐ-BTP ngày 23/02/2025

- Trên cơ sở các ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Cơ quan chủ trì tổng hợp các ý kiến và giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý như sau:

(i) Các Cơ quan có ý kiến thống nhất (08 Cơ quan): (i) Ủy ban Dân tộc (văn bản số 67/UBDT-KHTC ngày 15/01/2025); (ii) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (văn bản số 113/BHXXH-KHĐT ngày 16/01/2025); (iii) Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 757/BGTVT-KHĐT ngày 16/01/2025); (iv) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 518/BNN-KH ngày 16/01/2025); (v) Bộ Thông tin và Truyền thông (văn bản số 153/BTTTT-VCL ngày 17/01/2025); (vi) Bộ Khoa học và Công nghệ (văn bản số 219/BKHCN-KHTC ngày 20/01/2025); (vii) Đài Truyền hình Việt Nam (văn bản số 201/THVN-VP ngày 20/01/2025); (viii) Thanh tra Chính phủ (văn bản số 113/TTCP-V.II ngày 24/01/2025)

(ii) Các Cơ quan có ý kiến cụ thể:

STT	CƠ QUAN	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Bộ Quốc phòng	1. Dự thảo Nghị quyết đề ra nhiều chính sách mới, chưa có tiền lệ, vượt	1. Bộ KHĐT đã tổng hợp

	(249/BQP-KHĐT ngày 15/01/2025)	khung pháp luật hiện hành, có khả năng chưa lường được hết tác động. Do đó, đề nghị tham khảo kinh nghiệm các TTTC quốc tế tại nước ngoài để nghiên cứu, đề xuất các chính sách đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước, nhà đầu tư và người dân; chủ động triển khai các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. 2. Về cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý TTTC: Đề nghị rà soát, đảm bảo tinh, gọn, hiệu quả, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các Ban trong từng Ủy ban.	kinh nghiệm quốc tế trong quá trình xây dựng các chính sách tại dự thảo, đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024. 2. Đã tiếp thu tại dự thảo.
2	Bộ Xây dựng (272/BXD-HĐXD ngày 15/01/2025)	1. Điều 4 Đề cương Dự thảo Nghị quyết có nêu nguyên tắc “<i>Hình thành môi trường sống văn minh, chất lượng cao</i>”, tại Điều 20 Đề cương Dự thảo Nghị quyết có quy định các chính sách về đất đai trong TTTC về thời hạn sử dụng đất, quyền thế chấp quyền sử dụng đất, người nước ngoài được phép mua bán nhà ở tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở .v.v. Vì vậy, Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội cần làm rõ các chức năng của TTTC tại nội dung Nhóm chính sách 1 (mục V.1 của Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết), phân rõ sự tương đồng và khác biệt giữa TTTC quốc tế và TTTC khu vực để làm cơ sở đánh giá việc thi hành các pháp luật có liên quan về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy việc xây dựng các TTTC của Việt Nam, góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. 2. Điều 5 Đề cương Dự thảo Nghị quyết đề xuất quy định về vị trí, ranh giới của TTTC quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và TTTC khu vực tại thành phố Đà Nẵng và do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng bổ sung sau. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 6 có giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng lập Đề án thành lập các TTTC trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, trong đó có các nội dung liên quan đến vị trí, ranh giới, quy mô diện tích của các TTTC như “<i>Định hướng phát triển các khu chức năng trong TTTC; định hướng phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch</i>”. Vì vậy, cần phải làm rõ	1. Bộ KHĐT đã tiếp thu tại Hồ sơ cập nhật, trong đó làm rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Cơ quan quản lý TTTC, đảm bảo tương thích với thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Bộ KHĐT kiến nghị không phân định sự khác biệt giữa TTTC khu vực và TTTC quốc tế đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa các TTTC. 2. Bộ KHĐT kiến nghị nêu các nội dung mang tính nguyên tắc về “vị trí lõi” của các TTTC tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, sau đó giao các địa phương xác định vị trí, ranh giới, quy mô diện tích cụ thể báo

		quy định về vị trí, ranh giới, quy mô diện tích, các chức năng cơ bản của TTTC quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và TTTC khu vực tại thành phố Đà Nẵng sẽ được xác định cụ thể trong Nghị quyết của Quốc hội hay Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ để làm cơ sở hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội. 3. Nội dung chính sách về thủ tục xây dựng được quy định tại Điều 21 Đề cương Dự thảo Nghị quyết có đề xuất quy định “<i>Dự án đầu tư trong TTTC được áp dụng các thủ tục đầu tư đặc biệt quy định tại Điều 36a Luật đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội)</i>”, theo đó các Dự án đầu tư trong TTTC không phải thực hiện lập quy hoạch chi tiết. Do đó, nội dung xác định vị trí, ranh giới, quy mô diện tích, các chức năng cơ bản của TTTC quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và TTTC khu vực tại thành phố Đà Nẵng cần <u>đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của các quy hoạch đô thị có liên quan (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu) đối với việc hình thành 02 TTTC quốc tế và khu vực</u>¹. 4. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam cần bổ sung “<i>Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh</i>” theo quy định tại Điều 37 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.	cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định khi thành lập TTTC nhằm: (i) thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về nguyên tắc phát triển các TTTC²; (ii) phân cấp, phân quyền tối đa cho các địa phương. 3. Kiến nghị giao các địa phương thực hiện nội dung này trong quá trình trình cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập các TTTC tại các địa phương do nội dung liên quan đến đánh giá thực trạng về quy hoạch, hạ tầng của các địa phương. 4. Đã tiếp thu.
3	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	1. Đối với Điều 6 về Thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC, Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu áp dụng quy trình	1. Kiến nghị không tiếp thu mà quy định 1 Điều riêng

¹ Bộ Xây dựng sẽ có ý kiến góp ý về vị trí, ranh giới, quy mô diện tích TTTC sau khi nhận được nội dung bổ sung chi tiết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

² Tại Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024 nêu: “Lựa chọn phát triển các TTTC có ranh giới địa lý nhất định và đối tượng điều chỉnh được xác định theo tiêu chí rõ ràng nhưng không “biệt lập”.

	(79/KHXXH-KTVN ngày 16/01/2025)	thủ tục đầu tư đặc biệt cho một số lĩnh vực công nghệ trong lĩnh vực thành lập TTTC theo Luật Đầu tư sửa đổi có hiệu lực từ ngày 15/01/2025. 2. Điều 7, các cơ quan quản lý TTTC, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu ưu điểm, nhược điểm của 21 mô hình quản lý TTTC hàng đầu thế giới, để lựa chọn mô hình quản lý hiện đại, hiệu quả, mang tính cạnh tranh cao. Tính cạnh tranh để trở thành TTTC quốc tế rất khốc liệt, đặt ra thách thức rất lớn, đặc biệt đối với một quốc gia còn đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, việc xây dựng một TTTC sẽ giúp Việt Nam thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, đồng thời tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế đến Việt Nam. Điều này sẽ tác động tích cực tới nguồn cung vốn, huyết mạch của nền kinh tế. 3. Điều 8, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của TTTC, phân tích thực trạng và tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam. <u>Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu cơ cấu tổ chức, chức năng, thông lệ tốt nhất mà các TTTC quốc tế hiện đang áp dụng, tránh việc hình thành cơ cấu tổ chức như một cơ quan hành chính Nhà nước.</u> 4. Chương III, Chính sách đối với TTTC, đối với nội dung này, Ban soạn thảo cần nghiên cứu đề xuất các giải pháp đặc thù, đột phá để có thể cạnh tranh được với các TTTC của khu vực, trong đó lưu ý những vấn đề sau đây: i/ Cần xác định cách tiếp cận phù hợp đối với chính sách tự do hóa tài khoản vốn. Việc này đòi hỏi một đánh giá toàn diện về ưu điểm,	về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC tại dự thảo Nghị quyết do việc phát triển TTTC không phải là dự án đầu tư. 2. Bộ KHĐT đã nghiên cứu, phân tích lịch sử hình thành và phát triển, đồng thời phân tích các lợi thế, hạn chế của các mô hình trên thế giới nói chung. Từ đó, đã đề xuất mô hình TTTC Việt Nam theo mô hình “kết hợp”; đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47-TB/TW. Đây là cơ sở pháp lý, chính trị để đưa ra các đề xuất về mô hình quản lý TTTC tại dự thảo. 3. Đã tiếp thu tại dự thảo. 4. Các nội dung về cách tiếp cận, các nhóm chính sách đặc thù phục vụ phát triển TTTC và lộ trình các nhóm chính sách để phát triển TTTC đã được Bộ
--	--	--	--

		nhược điểm, các rủi ro tiềm ẩn và biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả. Tiếp theo là vấn đề liên quan đến khả năng chuyển đổi của đồng nội tệ - một yếu tố quan trọng để bảo đảm tính linh hoạt và hội nhập của TTTC trong bối cảnh toàn cầu hóa. ii/ Mô hình chính sách của một TTTC quốc tế không chỉ dừng lại ở những tòa cao ốc hay trụ sở của các tổ chức tài chính theo cách truyền thống. Giao dịch tài chính hiện nay và trong tương lai chủ yếu diễn ra dưới hình thức số hóa và điện tử, vì vậy việc thiết kế và xây dựng cơ sở vật chất cần được tính toán kỹ lưỡng để đáp ứng yêu cầu về tính hiện đại và hiệu quả. iii/ Các cấu phần quan trọng của TTTC: thị trường tiền tệ (bao gồm hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán), hệ thống fintech (tài chính công nghệ) và thị trường hàng hóa phái sinh. <u>Hành lang pháp lý cho lĩnh vực fintech và thị trường hàng hóa phái sinh hiện vẫn còn thiếu.</u> Để phát triển 2 lĩnh vực này, cần phải có cơ chế thí điểm (sandbox) nhằm thử nghiệm các chính sách, từ đó đánh giá hiệu quả và rủi ro trước khi áp dụng rộng rãi. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư trong các lĩnh vực tài chính hiện đại. iv/ Đối với các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC: ngoài các sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...) một số sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hoá, fintec, tài chính xanh...) đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm vào thu hút các Quỹ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư vào hệ sinh thái ngành công nghiệp mới (vi mạch, bán dẫn....) và Việt Nam đang rất có tiềm năng. 5. Việt Nam là quốc gia đi sau, do đó để có TTTC của Việt Nam đủ sức cạnh tranh khu vực, toàn cầu, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, đề xuất áp dụng các cơ chế vượt trội, cơ chế thử nghiệm ngang bằng hoặc hơn các cơ chế hiện hành mà các TTTC quốc tế đang áp dụng; đồng thời phải áp dụng quy trình xây dựng trung tâm theo hình thức đặc biệt.	KHĐT báo cáo Bộ Chính trị phê duyệt Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024. Đối với một số nội dung cụ thể, Bộ KHĐT xin giải trình như sau: (i) Về việc phát triển hành lang pháp lý cho lĩnh vực fintech: Bộ KHĐT đã tiếp thu và hình thành một điều khoản riêng áp dụng chính sách này tại dự thảo. (ii) Về việc bổ sung các lĩnh vực trọng tâm: đã bổ sung các chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động huy động vốn phục vụ phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo (như chính sách về thành lập các quỹ đầu tư, chính sách về thành lập các sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC, chính sách về ngoại tệ...). 5. Đã có tại dự thảo.
4	Bộ Văn hóa, Thể	1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung 01	1. Đã tiếp thu tại dự thảo

	thao và Du lịch (229/BVHTTDL- KHTC ngày 17/01/2025)	Điều tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Chính sách về văn hóa đối với TTTC với nội dung như sau: Các khoản tài trợ của doanh nghiệp thành viên TTTC cho văn hóa trong TTTC được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, các khoản tài trợ cho văn hóa được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế là các khoản chi tài trợ đúng đối tượng quy định và có hồ sơ xác định khoản tài trợ theo quy định, bao gồm: - Khoản tài trợ cho các cơ sở văn hóa hoạt động không vì lợi nhuận, các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa trong TTTC mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các tổ chức. - Khoản tài trợ cho các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng lĩnh vực văn hóa (nhà hát, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, công viên, công trình nghệ thuật công cộng,...) trong TTTC. - Khoản tài trợ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật thực hiện trong TTTC³. (ii) Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật trong TTTC. Cụ thể, quy định các chính sách theo mô hình khu phi thuế quan nghệ thuật (Freeport) tương tự như tại Trung Quốc, Singapore, Thụy Sĩ, Luxembourg: - Miễn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa văn hóa (tác phẩm nghệ thuật, di vật, cổ vật,...) được nhập khẩu vào, lưu trữ và giao dịch trong TTTC. Hàng hóa văn hóa bán ra ngoài TTTC vào thị trường trong nước được áp dụng thuế giá trị gia tăng tương tự hàng hóa nhập khẩu theo quy	(khoản 5 điều 13). Tuy nhiên, Nghị quyết của Quốc hội chỉ quy định các chính sách khung, nên Bộ KHĐT đã điều chỉnh, khái quát các chính sách do Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch đề xuất.
--	---	---	--

³ (i) Lý do đề xuất: *Thứ nhất*, chính sách này hỗ trợ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong TTTC nói riêng, thành phố nói chung, tạo ra một môi trường sống, hệ sinh thái văn hóa hấp dẫn, sôi động, từ đó, thu hút các nhà đầu tư toàn cầu, các cá nhân có giá trị tài sản ròng cao, các chuyên gia tay nghề cao. *Thứ hai*, chính sách khấu trừ khoản tài trợ cho văn hóa khi tính thu nhập chịu thuế còn phù hợp với các mục tiêu trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp đóng góp cho cộng đồng địa phương, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững, tạo ra tác động xã hội tích cực. *Thứ ba*, chính sách này góp phần đa dạng hóa nền kinh tế địa phương, tạo ra việc làm, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa địa phương, đồng thời thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. *Cuối cùng*, chính sách này khuyến khích các khoản đầu tư vào văn hóa, góp phần phát triển đô thị bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống trong và xung quanh TTTC.

		định pháp luật hiện hành. - Hàng hóa văn hóa được tạm nhập, lưu trữ trong TTTC và tái xuất được miễn thuế nhập khẩu. Thời hạn tái xuất tối đa theo hợp đồng lưu trữ hàng hóa văn hóa trong TTTC và có thể gia hạn, kéo dài. Để đủ điều kiện được miễn thuế, hàng hóa văn hóa phải được đăng ký với Ủy ban quản lý, điều hành TTTC hoặc cơ quan được ủy quyền và tuân thủ đầy đủ các quy định về xuất, nhập khẩu. Việc lưu trữ, trưng bày hoặc giao dịch hàng hóa văn hóa trong TTTC phải tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền. - Đơn giản hóa thủ tục hải quan đối với hàng hóa văn hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong TTTC. - Phát triển cơ sở vật chất hiện đại nhằm đảm bảo an toàn cho việc lưu trữ, xử lý và trưng bày tài sản văn hóa, nghệ thuật bao gồm kho lưu trữ, hệ thống an ninh, không gian trưng bày, triển lãm, đấu giá, cơ sở bảo quản, phục chế⁴.	
5	Bộ Y tế (357/BYT-KHTC ngày 17/01/2025)	1. Về nội dung dự thảo Nghị quyết: Đề nghị làm rõ vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. 2. Đề nghị làm rõ khái niệm và nội hàm của TTTC quốc tế toàn diện và TTTC quy mô khu vực (Điều 5 dự thảo Nghị quyết).	1. Đã tiếp thu. 2. Bộ KHĐT kiến nghị không quy định phân biệt giữa 02 loại hình này để đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa các TTTC tại Việt Nam.

⁴ (ii) Lý do đề xuất: Tích hợp mô hình khu phi thuế quan nghệ thuật vào TTTC là giải pháp đột phá có hiệu quả cao. *Thứ nhất*, với việc tài sản văn hóa, nghệ thuật luôn được định vị là một loại tài sản đầu tư tài chính hấp dẫn đối với tổ chức, cá nhân trên thế giới, chính sách này sẽ góp phần quan trọng phát triển hệ sinh thái tài chính của TTTC. Đồng thời, giúp phát triển các dịch vụ tài chính liên quan cho vay, bảo hiểm, chứng khoán hóa (trái phiếu). *Thứ hai*, việc kết hợp các dịch vụ tài chính với các dịch vụ lưu trữ, trưng bày và giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật tạo nên một giá trị độc đáo cho TTTC để thu hút các nhà đầu tư toàn cầu cũng như các nhà sưu tầm văn hóa, nghệ thuật. *Thứ ba*, TTTC sẽ trở thành bệ đỡ cho các ngành công nghiệp văn hóa, đóng góp vào đa dạng hóa nền kinh tế, tạo động lực phát triển kinh tế mới cho đất nước. *Cuối cùng*, giá trị văn hóa của TTTC được nâng cao, tạo lập vị thế, thương hiệu riêng trên thị trường toàn cầu.

6	Bộ Nội vụ (445/BNV-TCBC ngày 19/01/2025)	1. Về dự thảo Nghị quyết a) Về nguyên tắc, chính sách xây dựng TTTC quốc tế (Điều 4 dự thảo Nghị quyết) - Đề nghị quy định cụ thể ngôn ngữ sử dụng trong giao dịch, hoạt động tại TTTC (tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết) để tránh bất cập trên thực tiễn, phát sinh các chi phí, tranh chấp không cần thiết. - Đề nghị chỉnh sửa khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như sau: “... <i>theo quy định và phù hợp với thông lệ quốc tế</i>”. - Đề nghị chỉnh sửa khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như sau: “<i>Các quy định của Nghị quyết này khác với các quy định hiện hành của Luật, Nghị quyết, Pháp lệnh thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này...</i>”. b) Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC (Điều 6 dự thảo Nghị quyết): Nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 trùng với nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị quyết, do đó đề nghị biên tập lại cho phù hợp. c) Về các cơ quan quản lý TTTC (Điều 7 dự thảo Nghị quyết): Đề nghị rà soát, làm rõ vị trí, chức năng của các cơ quan quản lý TTTC. d) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý, điều hành, Ủy ban giám sát tài chính (Điều 8, 9 dự thảo Nghị quyết) - Đề nghị rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý, điều hành và Ủy ban giám sát tài chính, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp. Trong đó: + Đề nghị cân nhắc gộp Ban Giám sát hoạt động và Ban Điều phối quản lý để thống nhất một đầu mối về điều phối hoạt động chung của TTTC. Hiện nay, Ban Giám sát hoạt động (thuộc Ủy ban quản lý, điều hành) và Ủy ban giám sát tài chính đều có chức năng giám sát, do đó đề nghị rà soát, cân nhắc chuyển chức năng này về Ủy ban giám sát tài chính để thống nhất đầu mối thực hiện. + Đề nghị thống nhất một đầu mối thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về công tác pháp chế tại 02 Ủy ban. + Đề nghị thống nhất một đầu mối thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan đến quản trị, vận hành, phúc lợi, quản trị và nhân sự.	1. a) Đã tiếp thu. b) Đã tiếp thu. c) Đã tiếp thu, làm rõ. d) Nghị quyết hiện chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung. Theo đó, chỉ quy định tên và chức năng chính của các Cơ quan quản lý TTTC, sau đó giao Chính phủ quy định các nội dung chi tiết.
---	--	--	---

		- Trên cơ sở đề xuất về cơ cấu tổ chức của các Ủy ban, đề nghị sửa lại nội dung tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp; theo đó, cơ cấu tổ chức của các Ủy ban gồm Ban Giám đốc và các ban trực thuộc, không bao gồm đơn vị phòng, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc tinh gọn tổ chức bộ máy. - Đề nghị làm rõ cơ chế hội đồng (nêu tại điểm đ khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị quyết), vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng. - Đề nghị làm rõ nội dung tại dự thảo Nghị quyết để sau khi ban hành thực hiện được ngay. Trường hợp cần thiết giao cơ quan hướng dẫn thi quy định cụ thể tại dự thảo Nghị quyết. đ) Về chính sách về lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội trong TTTC quốc tế (Điều 18 dự thảo Nghị quyết): Đề nghị cân nhắc việc quy định một số nội dung tại khoản 2, 3, 4 Điều 18 dự thảo Nghị quyết do quy định tại Chương III là các chính sách đối với TTTC với tư cách là một không gian, một thiết chế để thu hút đầu tư, không phải là một bộ máy quản lý; qua đó tạo không gian, điều kiện để TTTC thực sự trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, thu hút thêm nhiều sự tham gia của các bên vào TTTC. e) Về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đối với TTTC quốc tế (Điều 27 dự thảo Nghị quyết) - Đề nghị rà soát thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại dự thảo Nghị quyết theo hướng đẩy mạnh phân cấp cho các Bộ trưởng, trưởng ngành chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và quyết định các vấn đề theo phân công của Chính phủ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo, lãnh đạo công tác của Chính phủ, hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc gia. Do đó,	đ) Việc quy định các chính sách về lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội cho các Cơ quan quản lý TTTC (là Cơ quan quản lý nhà nước) là cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế để đảm bảo khả năng thu hút được các chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại TTTC. e) Kiến nghị không tiếp thu do: (i) cần giữ lại thẩm quyền của TTCP với vai trò là người đứng đầu Chính phủ và nền hành chính quốc gia, chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị về trách nhiệm điều hành và phát triển TTTC; (ii) việc quy định “thành lập
--	--	---	--

		đề nghị bỏ quy định tại khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị quyết. - Đề nghị bỏ nội dung tại khoản 3 Điều 27 dự thảo Nghị quyết do Ban Chỉ đạo về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam đã được thành lập theo Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. g) Về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ đối với TTTC quốc tế (Điều 28 dự thảo Nghị quyết) - Tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động của TTTC quốc tế, không quy định trách nhiệm cụ thể của từng bộ, ngành. Theo đó, đề nghị không quy định cụ thể tên, trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan tại Điều 28 dự thảo Nghị quyết, tạo sự chủ động cho Chính phủ trong việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan. - Đối với quy định khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định, nội dung này thuộc thẩm quyền của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ; do đó đề nghị xác định chuyển các nội dung này cho bộ chủ trì, giúp Chính phủ quản lý nhà nước về TTTC để hướng dẫn, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	BCĐ về TTTC” tại Nghị quyết là cần thiết để bổ sung căn cứ pháp lý hoạt động cho BCĐ, trong đó bao gồm việc chỉ đạo triển khai Kết luận của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan. g) Kiến nghị không tiếp thu do: (i) đây là Nghị quyết mang tính thí điểm, có nhiều chính sách vượt trội so với khung pháp lý hiện hành và thẩm quyền của các Bộ, ngành được quy định tại khung pháp lý đó. Do đó, cần quy định trực tiếp tại Nghị quyết để đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành triển khai các nhiệm vụ được phân công; (ii) việc phân công Bộ NV là cơ quan quản lý nhà nước về “hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế...của TTTC” là phù hợp với quy định tại Điều 1 và khoản 5, khoản 9 Điều 2 Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/22/2022 về chức năng nhiệm vụ của Bộ Nội vụ.
--	--	---	---

		2. Về dự thảo Tờ trình - Đề nghị bổ sung căn cứ, cơ sở đề xuất các nhóm chính sách áp dụng đối với TTTC. - Đề nghị bổ sung nguyên tắc về đối tượng, về phạm vi hoạt động của các chủ thể tham gia, về quản trị rủi ro trong hoạt động của TTTC. - Đề nghị rà soát các nội dung đề xuất và làm rõ tại dự thảo Tờ trình về việc không làm phát sinh nguồn lực nhân sự (tổ chức bộ máy và biên chế) để triển khai thi hành Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức bộ máy và biên chế và chủ trương của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường (476/BTNMT-KHTC ngày 21/01/2025)	1. Về chính sách đất đai trong TTTC quy định tại Điều 20 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát cho phù hợp với pháp luật về đất đai như thời hạn sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong TTTC...	1. Bộ KHĐT kiến nghị không tiếp thu do thông báo kết luận của Bộ Chính trị đã phê duyệt cần có một số chính sách vượt trội nhằm thu hút các nhà đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam. Trong đó, qua nghiên cứu, Bộ KHĐT nhận thấy nhiều TTTC trên thế giới đã ban hành các chính sách vượt trội về đất đai, bao gồm chính sách nói lỏng quy định về sở hữu, giao dịch đất đai của người nước ngoài để thu hút các nhà đầu

			tư vào TTTC (như Dubai, Astana, Abu Dhabi, Singapore...)
8	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (0084/LĐTM-PC ngày 17/01/2025)	1. Đối tượng đăng ký thành viên Dự thảo quy định đối tượng được đăng ký thành viên TTTC là các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, sàn giao dịch chứng khoán, vàng, ngoại tệ, quỹ đầu tư tài chính, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm... Đây là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, dự thảo chưa đề cập đến các khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính lớn như các tập đoàn, các công ty mẹ, công ty holding. Điều này dẫn đến câu hỏi là các doanh nghiệp phi tài chính có được phép đăng ký thành viên của TTTC hay không. 2. Chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) Mục 2.2.3 của Dự thảo về chính sách thử nghiệm có kiểm soát đối với fintech đang được thiết kế theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về các biện pháp quản lý tài sản mã hoá, tiền mã hoá, NFT, token tiện ích... Quy định như vậy sẽ dẫn đến nguy cơ Chính phủ gặp khó trong việc ban hành văn bản hướng dẫn do không thể quy phạm hoá các vấn đề quá mới và còn đang biến đổi rất nhanh. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo thay đổi cách tiếp cận, cho phép doanh nghiệp đề xuất giải pháp để đáp ứng các mục tiêu quản lý của Nhà nước. 3. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư cho đổi mới, sáng tạo Mục 2.3.6 về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp mới chỉ tập trung vào việc miễn giảm loại thuế này. Tuy nhiên, theo phản ánh của nhiều doanh nghiệp startup, quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang cản trở dòng vốn đổ vào thị trường này. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung chính sách quy định về cơ chế thuế phù hợp với các doanh nghiệp đăng ký hoạt động đầu tư mạo hiểm tại TTTC.	1. Đã bổ sung tại dự thảo đối tượng áp dụng bao gồm các tổ chức kinh tế, bao gồm các doanh nghiệp tài chính và phi tài chính. 2. Bộ KHĐT kiến nghị chỉ quy định những nội dung mang tính khung tại Nghị quyết; sau đó phân cấp cho các địa phương để triển khai trong phạm vi TTTC; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về phương thức quy phạm hóa các vấn đề mới. 3. Kiến nghị sẽ tiếp tục nghiên cứu tính khả thi của đề xuất do: (i) cần làm rõ tính tương thích của việc quy định các mưu đãi thuế đối với hoạt động đầu tư cho ĐMST với phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết; (ii) làm rõ đề xuất ưu đãi thuế là nhắm tới các đối

			tượng là quỹ đầu tư cho doanh nghiệp startup hay chính sách doanh nghiệp startup để có cách tiếp cận phù hợp.
9	Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) (1002/ANKT-ANTCĐT ngày 04/2/2025 và ý kiến tại cuộc họp ngày 18/02/2025)	Về một số nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa: * Đối với Dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, Báo cáo tác động chính sách (phần liên quan nhiệm vụ cụ thể của Bộ Công an): - Đối với nội dung thứ 1 mục 2.3.8 của Dự thảo Tờ trình (trang 11) và khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị quyết (trang 8), nội dung thứ 1 mục 3.(8) của Báo cáo tác động chính sách (trang 8) đề nghị chỉnh lý thành: “<i>Người nước ngoài vào làm việc, đầu tư, lao động tại TTTC và các thành viên gia đình của họ được tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú... trên cơ sở quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam</i>” nhằm phù hợp với nội dung liên quan chính sách xuất nhập cảnh tại Đề án TTTC khu vực và quốc tế đã được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương⁵. - Đề nghị không đưa nội dung về miễn thị thực tại nội dung thứ 2 mục 2.3.8 của Dự thảo Tờ trình (trang 11), khoản 2 Điều 17 của dự thảo Nghị quyết (trang 8), nội dung thứ 2 mục 3.(8) của Báo cáo tác động chính sách (trang 8) do: ⁽¹⁾ Chủ trương của Chính phủ là ưu tiên, khuyến khích chính sách thị thực điện tử, đẩy mạnh đàm phán miễn thị thực song phương trên cơ sở có đi có lại, thay thế dần miễn thị thực đơn phương (chỉ áp dụng đối với một số trường hợp đặc biệt, thời điểm đặc biệt...). ⁽²⁾ Bộ Công an đã báo cáo Chính phủ về việc thực hiện thí điểm cơ chế miễn thị thực ngắn hạn cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam trong các dịp tổ chức sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao, du lịch..., chương trình kích cầu phát triển du lịch có quy mô, tầm vóc cấp quốc gia. Do đó, trong	1. Đã tiếp thu theo nội dung góp ý của Bộ Công an tại cuộc họp ngày 18/02/2025.

⁵ Đề án TTTC khu vực và quốc tế kiến nghị chính sách “Tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục nhập cảnh (tại cửa khẩu) cho NNN vào làm việc, đầu tư, lao động... và thân nhân đi cùng theo đề nghị của tổ chức hoạt động trong TTTC: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện cấp nhanh (thị thực điện tử/xét duyệt nhân sự) cho NNN vào làm việc, đầu tư, lao động... và thân nhân đi cùng) theo đề nghị của tổ chức hoạt động đầu tư kinh doanh trong TTTC.

	thời điểm đặc biệt, có thể nghiên cứu đề xuất áp dụng cơ chế miễn thị thực ngắn hạn nêu trên đối với khách du lịch vào TTTC.⁶ Đối với công tác quản lý, các khu vực dự kiến thành lập TTTC không có sự ngăn cách, riêng biệt với các khu vực khác, người nước ngoài dễ dàng di chuyển đến các khu vực khác, do đó, việc quản lý người nước ngoài theo diện miễn thị thực vào TTTC là khó khả thi.⁶ - Bổ sung nghiên cứu cơ chế đặc thù, vượt trội đối với người nước ngoài là chuyên gia, nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại TTTC như: quy định miễn giấy phép lao động hoặc rút gọn thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cấp giấy phép lao động... Trên cơ sở đó, Bộ Công an sẽ cấp thị thực dài hạn cho các đối tượng này khi có giấy phép lao động hoặc xác nhận miễn giấy phép lao động. * Về dự thảo Tờ trình: Tại mục V (Mục tiêu, nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết), đề nghị nghiên cứu chỉnh lý mục 2 theo hướng tách các ưu đãi áp dụng đối với TTTC thành các chính sách cụ thể, từ đó đánh giá cụ thể về nội dung, giải pháp, lý do của từng chính sách làm cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết. * Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách: Tại mục 3, phần III (các giải pháp giải quyết vấn đề), đề nghị nêu cụ thể tên của các chính sách, trong đó, đối với mỗi chính sách, đánh giá cụ thể các tác động về mặt kinh tế, xã hội, công tác quản lý nhà nước, hệ thống pháp luật của từng giải pháp; trên cơ sở đó đề xuất, lựa chọn giải pháp để thực hiện chính sách bảo đảm phù hợp. * Nội dung liên quan khác: Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài làm việc, lao động tại TTTC: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các cơ chế đặc thù, vượt trội đối với người nước ngoài là chuyên gia, nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại TTTC như: quy định miễn giấy phép lao động hoặc rút gọn thời gian giải quyết cấp giấy phép lao động... Trên cơ sở đó, Bộ Công	
--	---	--

⁶ Quan điểm này đã được Bộ Công an tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng Đề án TTTC khu vực và quốc tế và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu tại Đề án. Tại Thông báo số 47-TB/TW về kết luận của Bộ Chính trị cũng không có nội dung liên quan đến miễn thị thực cho người nước ngoài

		an sẽ cấp thị thực dài hạn cho các đối tượng này khi có giấy phép lao động hoặc xác nhận miễn giấy phép lao động. Đề nghị rà soát, chỉnh lý các nội dung các dự thảo trong thành phần hồ sơ (đặc biệt là nội dung tại mục V dự thảo Tờ trình và nội dung tại mục II dự thảo Báo cáo đánh giá tác động) để bảo đảm tính thống nhất.	
10	Bộ Công Thương (744/BCT-TTNN ngày 03/02/2025 và ý kiến tại cuộc họp ngày 18/02/2025)	1. Đối với Dự thảo Tờ trình - Đề nghị bổ sung nội dung sau vào Dự thảo Tờ trình: “ 2.3.5. <i>Chính sách đối với lĩnh vực phái sinh hàng hóa...</i>” (Nội dung cụ thể bổ sung tại Phụ lục gửi kèm theo) - Đề nghị đánh giá tác động đối với chính sách cho phép người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam được nhận chuyển nhượng, chuyển nhượng, mua bán nhà ở tại các dự án trong TTTC (khoản 4, Điều 20 dự thảo Nghị quyết). Như vậy, người nước ngoài không ở Việt Nam cũng có thể mua, đầu cơ, đẩy giá lên cao, dẫn đến việc thuê/mua nhà ở của những người làm việc tại TTTC không thuận lợi, làm giảm tính cạnh tranh về chi phí, thu hút người lao động. - Đề nghị làm rõ chính sách về thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp thành viên TTTC. 2. Đối với Dự thảo Nghị quyết, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung như sau: - Bổ sung Khoản 7 Điều 14: “<i>Việc thực hiện các chính sách đặc thù đối với Sở Giao dịch hàng hóa Phái sinh tại TTTC Quốc tế TPHCM (HCX) sẽ được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính được đơn giản hóa và bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 07 năm 2026</i>”. - Bổ sung Điều, khoản quy định về chính sách đối với Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC quốc tế (HCX), cụ thể: Điều [X]. Chính sách đối với Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC quốc tế (HCX) <i>1. Thẩm quyền cấp phép thành lập:</i> Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập HCX. Việc cấp phép được thực hiện trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, công nghệ, nhân sự và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật,	1. Dự thảo Tờ trình 2. - Đã tiếp thu nội dung về lộ trình thực hiện các chính sách đặc thù đối với Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC Hồ Chí Minh. - Đã tiếp thu nội dung về chính sách đối với Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC (HCX) tại văn bản số 744/BCT-TNNN và tại cuộc họp ngày 18/02/2025. Theo đó, Bộ KHĐT thống nhất với Bộ CT về quan điểm Nghị quyết chỉ quy định khung và giao Chính phủ quy định chi tiết về các chính sách liên quan tới Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC Hồ Chí Minh.

		đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển TTTC và các tiêu chuẩn quốc tế. 2. Thẩm quyền quản lý và giám sát hoạt động: Ủy ban Quản lý, Điều hành TTTC Quốc tế (Ủy ban TTTC) chịu trách nhiệm quản lý, giám sát toàn diện hoạt động của HCX. Cụ thể: a) Quản lý hoạt động: - Phê duyệt các quy chế, quy trình hoạt động của HCX, bao gồm các quy định về giao dịch, thanh toán bù trừ, giao nhận hàng hóa vật chất, và quản lý rủi ro. - Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế hoạt động và các tiêu chuẩn quốc tế của HCX. - Đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong hoạt động giao dịch hàng hóa phái sinh. b) Giám sát rủi ro: - Theo dõi và đánh giá các rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của HCX, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động. - Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo an toàn cho thị trường hàng hóa phái sinh. c) Báo cáo và phối hợp: - Yêu cầu HCX báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động, giao dịch, và các vấn đề phát sinh. - Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước khác trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến HCX. 3. Cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương và Ủy ban TTTC a) Bộ Công Thương và Ủy ban TTTC thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và giám sát HCX, bao gồm: - Trao đổi thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động của HCX. - Phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. - Tham vấn ý kiến trong việc xây dựng, sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến HCX. b) Bộ Công Thương có quyền yêu cầu Ủy ban TTTC cung cấp báo cáo,	
--	--	---	--

thông tin liên quan đến hoạt động của HCX để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Lộ trình triển khai

a) Giai đoạn 1 (2025-2030):

- Thành lập Sàn giao dịch hàng hóa chuyên biệt tại TP.HCM, ưu tiên các mặt hàng nông sản có thế mạnh của Việt Nam như cà phê, hạt tiêu, cao su, gạo.

- Sàn giao dịch hoạt động theo mô hình đấu giá, tập trung vào giao dịch hàng hóa vật chất để tạo nền tảng, tích lũy kinh nghiệm và thu hút sự tham gia của các chủ thể trong chuỗi cung ứng (thương nhân, nhà sản xuất, nhà đầu tư, doanh nghiệp logistics, ngân hàng, công nghệ thông tin, v.v.).

- Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có năng lực tài chính mạnh, và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Giai đoạn 2 (2031-2035):

- Thành lập Trung tâm Giao dịch Hợp đồng Phái sinh Hàng hóa với vai trò là một công ty thanh toán bù trừ (Ho Chi Minh Commodities Futures Clearing Merchant - CFCM).

- CFCM được liên thông với các sở giao dịch hàng hóa quốc tế, thực hiện giao nhận vật chất (physical delivery), cấp chứng chỉ và quản lý hàng hóa lưu kho, phát triển các dịch vụ hậu cần giao nhận vận tải quốc tế.

c) Giai đoạn 3 (sau 2035):

- Nâng cấp CFCM thành Sở Giao dịch Hàng hóa Phái sinh TP.HCM (Ho Chi Minh City Commodities Exchange - HCX).

- Phát triển các sản phẩm hợp đồng phái sinh riêng theo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp Việt Nam, kết nối với các thị trường hàng hóa vật chất trong nước và quốc tế.

- Mở rộng thị trường đến các nhà đầu tư toàn cầu, tập trung vào các sản phẩm phái sinh dựa trên hàng hóa nông sản và kim loại mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.

d) Nếu đáp ứng đủ điều kiện để thành lập HCX theo quy định của pháp luật thì

có thể thành lập HCX, tuy nhiên các nội dung trong hoạt động của HCX phải tuân thủ quy định tại Điều này và hướng dẫn của Chính phủ.

5. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển

a) Ưu đãi về thuế và phí:

- Các giao dịch hàng hóa phái sinh tại HCX được miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động.

- Các doanh nghiệp tham gia HCX được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm đầu.

b) Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng:

- HCX được ưu tiên bố trí quỹ đất và áp dụng thời hạn sử dụng đất tối đa theo quy định pháp luật.

- Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong 10 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

c) Hỗ trợ về nguồn nhân lực:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo nhân lực chuyên môn cao trong lĩnh vực giao dịch hàng hóa phái sinh, bao gồm các chương trình đào tạo về tài chính, công nghệ thông tin, quản lý rủi ro và pháp lý.

- Các chương trình đào tạo này được thực hiện thông qua hợp tác với các tổ chức quốc tế và các sở giao dịch hàng hóa uy tín trên thế giới.

6. Cơ chế pháp lý

a) Chính phủ nghiên cứu và xây dựng Luật Giao dịch Hàng hóa Phái sinh để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động của HCX.

b) Trong thời gian chờ ban hành Luật, Chính phủ áp dụng cơ chế đặc thù cho TP.HCM để triển khai thí điểm các mô hình giao dịch hàng hóa phái sinh, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

7. Quản lý và giám sát

a) HCX chịu sự quản lý và giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo tính minh bạch, an toàn và hiệu quả trong hoạt động giao dịch.

b) Thiết lập hệ thống báo cáo, lưu trữ dữ liệu kết nối trực tiếp với cơ

	quan quản lý nhà nước để giám sát thường xuyên lịch sử giao dịch và phát hiện kịp thời các vi phạm. 8. Hợp tác quốc tế: a) Khuyến khích hợp tác với các sở giao dịch hàng hóa quốc tế có uy tín để học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường. b) Ưu tiên hợp tác với các đối tác chiến lược có năng lực và kinh nghiệm trong việc tổ chức và vận hành sở giao dịch hàng hóa. 9. Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện: Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các nội dung sau: a) Thẩm quyền và quy trình cấp phép, quản lý và giám sát HCX, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa Bộ Công Thương và Ủy ban TTTC. b) Các biện pháp phòng, chống rửa tiền và gian lận trong giao dịch hàng hóa phái sinh. c) Quy trình, thủ tục thành lập và vận hành HCX, bao gồm các yêu cầu về vốn, công nghệ, và nhân sự. d) Cơ chế xử lý tranh chấp trong giao dịch hàng hóa phái sinh, bao gồm việc áp dụng pháp luật quốc tế và thông lệ quốc tế. đ) Các biện pháp quản lý rủi ro hệ thống, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), rủi ro thị trường (MRM), và rủi ro tín dụng (CRM). e) Các nội dung khác có liên quan đến quản lý, hoạt động của HCX. - Bổ sung Điều 23 Dự thảo Nghị quyết chính sách xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ trong TTTC (đối với hàng hóa được niêm yết trên Sở Giao dịch hàng hóa phái sinh tại TTTC quốc tế HCX), cụ thể như sau: Điều 23 (bis). Chính sách xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ trong TTTC (từ khoản 3 là đối với hàng hóa được niêm yết trên HCX) 1. Ưu đãi về thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào TTTC được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan. Các thủ tục này bao gồm: a) Được ưu tiên thông quan nhanh chóng, giảm thiểu thời gian kiểm tra	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định khung về phát triển Sở giao dịch hàng hóa tại TTTC nói chung và khuyến khích các hoạt
--	--	--

		thực tế hàng hóa. b) Được áp dụng cơ chế "một cửa" trong xử lý thủ tục hải quan, kiểm tra chuyên ngành và các thủ tục liên quan khác. c) Được miễn, giảm phí, lệ phí hải quan đối với hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong TTTC. 2. Quyền đăng ký và thực hiện thủ tục hải quan: Các doanh nghiệp thành viên TTTC được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan đối với tất cả các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong TTTC. 3. Chính sách đối với hàng hóa niêm yết là hàng hóa kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư: a) Hàng hóa niêm yết là hàng hóa kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư được phép giao dịch trong TTTC với điều kiện: - Doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa này phải tuân thủ các quy định về kiểm tra chuyên ngành, giấy phép xuất nhập khẩu và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. b) Các doanh nghiệp thành viên TTTC được ưu tiên: - Hỗ trợ cấp giấy phép xuất nhập khẩu đối với hàng hóa kinh doanh có điều kiện trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc. - Miễn hoặc giảm phí kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa kinh doanh có điều kiện phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong TTTC. 4. Chính sách đối với hàng hóa có điều kiện khi xuất nhập khẩu theo Luật Quản lý ngoại thương: a) Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện theo Luật Quản lý ngoại thương được phép giao dịch trong TTTC với các ưu đãi sau: - Được áp dụng cơ chế kiểm tra chuyên ngành tại chỗ hoặc kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong TTTC. - Được miễn giấy phép xuất nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc danh mục	động của thành viên TTTC trong lĩnh vực này mà không quy định chi tiết các chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa, dịch vụ trong TTTC tại Nghị quyết này.
--	--	---	---

	hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu nếu hàng hóa này được sử dụng trong phạm vi nội bộ của TTTC. b) Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện phục vụ giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh: - Được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa không rời khỏi lãnh thổ Việt Nam và chỉ thực hiện giao nhận vật chất trong phạm vi TTTC. - Được áp dụng cơ chế hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa tái xuất hoặc tái nhập trong quá trình thực hiện hợp đồng phái sinh. 5. Chính sách đối với hàng hóa phục vụ giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh: a) Hàng hóa vật chất được giao nhận từ hợp đồng phái sinh trong TTTC được áp dụng các ưu đãi sau: - Miễn thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với hàng hóa giao nhận trong phạm vi TTTC. - Miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa được giao nhận vật chất trong phạm vi TTTC hoặc tái xuất, tái nhập. - Được ưu tiên sử dụng các dịch vụ logistics, kho bãi, giao nhận tại TTTC với mức phí ưu đãi. b) Hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện hoặc hàng hóa có điều kiện khi xuất nhập khẩu phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, nhưng được áp dụng cơ chế đặc thù sau: - Được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa nếu đã có chứng nhận kiểm tra chất lượng từ các tổ chức được công nhận quốc tế. - Được ưu tiên thông quan ngay trong ngày làm việc nếu đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định. 6. Chính sách khuyến khích giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh: a) Các doanh nghiệp thực hiện giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh trong TTTC được hưởng các ưu đãi về thuế, phí và lệ phí như sau: - Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm đầu đối với doanh thu từ	
--	--	--

		giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh. - Miễn thuế giá trị gia tăng đối với các dịch vụ liên quan đến giao nhận, lưu kho, vận chuyển hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh. b) Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh để phục vụ sản xuất, chế biến trong nước, với các ưu đãi: - Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. - Hỗ trợ chi phí logistics và lưu kho trong 2 năm đầu kể từ khi doanh nghiệp tham gia giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh. 7. Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện: Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các nội dung tại Điều này, bao gồm: a) Danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện và hàng hóa có điều kiện khi xuất nhập khẩu được áp dụng ưu đãi trong TTTC. b) Quy trình, thủ tục miễn, giảm thuế và phí đối với hàng hóa giao dịch trong TTTC. c) Cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và giao dịch hàng hóa vật chất từ hợp đồng phái sinh. - Bổ sung khoản 5, Điều 28 về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ đối với TTTC quốc tế, cụ thể: "5. Bộ Công Thương chủ trì hướng dẫn cơ chế, chính sách về lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa đối với TTTC."	- Đã tiếp thu, bổ sung quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đối với hoạt động của sàn giao dịch hàng hóa tại TTTC
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo (490/BGDĐT-KHTC ngày 06/02/2025)	1. Cơ bản nhất trí với nội dung xây dựng NQQH về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam 2. Một số ý kiến, góp ý cụ thể: - Cần có giải pháp, chính sách đảm bảo tính khả thi và kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính đáp ứng nguồn lực phục vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính; - Nghiên cứu hoàn thiện lại Điều 18 (trang 8 của dự thảo), trong đó mở rộng phạm vi chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là	2. Đã tiếp thu tại dự thảo, kiến nghị chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung, sau đó giao Chính phủ và các địa phương quy định chi tiết.

		đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính (phạm vi dự thảo chỉ hỗ trợ chi phí cho đào tạo nghề cho người lao động Việt Nam là chưa phù hợp).	
12	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (613/NHNN-PC ngày 24/1/2025 và ý kiến tại cuộc họp ngày 18/02/2025)	B. VỀ DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI 1. Dự thảo Nghị quyết chỉ nên quy định về các nội dung đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành (các nội dung không đặc thù, vượt trội thì thực hiện theo quy định hiện hành) và quy định mang tính chất khung, các quy định chi tiết nên giao cho Chính phủ, các Bộ ngành hướng dẫn tại các Nghị định, Thông tư để linh hoạt khi cần sửa đổi, bổ sung (Khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 12 dự thảo Nghị quyết). 2. Điểm d khoản 2 Điều 6: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung "phương án tổ chức và quản lý" như sau: "phương án tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo, thống kê" để đảm bảo bao trùm toàn bộ hoạt động quản lý đối với các đối tượng hoạt động tại TTTC nhằm đảm bảo an ninh, an toàn tài chính - tiền tệ quốc gia. 3. Khoản 2 Điều 7: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: "Ủy ban giám sát tài chính: có nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính quốc tế và quy định của TTTC, giám sát rủi ro tài chính tại TTTC, đồng thời thúc đẩy môi trường minh bạch và liêm chính". 4. Điều 11: Đối tượng là thành viên TTTC tại quy định này chỉ có các tổ chức, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 12 về giao dịch trong TTTC có xuất hiện đối tượng là cá nhân, vì vậy đề nghị làm rõ thành viên TTTC có cá nhân không. Đề nghị dự thảo Nghị quyết có quy định rõ các chủ thể trong TTTC gồm các loại hình công ty nào, tên gọi của các công ty cần phù hợp với các Luật hiện hành (Luật Các TCTD, Luật Chứng khoán,...) để trên cơ sở đó có các văn bản quy định, hướng dẫn cho từng loại chủ thể. Đề nghị dự thảo Nghị quyết quy định rõ chỉ các chủ thể đã đăng ký là thành viên TTTC mới được hưởng các chính sách ưu đãi, chịu sự điều	B. 1. Đã tiếp thu. 2. Đã tiếp thu. 3. Đã tiếp thu. 4. Đã làm rõ nội dung về đối tượng thành viên TTTC, trong đó không có đối tượng là cá nhân. Kiến nghị quy định các nội dung liên quan đến ưu đãi

	chính của Nghị quyết Quốc hội và các văn bản hướng dẫn dưới Nghị quyết Quốc hội. Đề đơn giản hóa thủ tục hành chính: Đề nghị đối với các TCTD, khi được cấp phép thành lập mới tại TTTC (trên cơ sở đáp ứng các điều kiện quy định) thì Giấy phép thành lập đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên TTTC. 5. Điều 12: Khoản 5: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong TTTC liên quan trực tiếp đến các cam kết thương mại và đầu tư của Việt Nam. Việc dự thảo Nghị quyết quy định không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều kiện đầu tư nước ngoài tại TTTC cần được rà soát thêm để hạn chế rủi ro vi phạm các nghĩa vụ trong các hiệp định thương mại, hiệp định bảo hộ đầu tư của Việt Nam. Khoản 6: Lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng tại TTTC cần phù hợp với lộ trình đang được xây dựng áp dụng cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước. Do đó, việc quy định lộ trình triển khai (01/01/2026) như tại dự thảo Nghị quyết là không có cơ sở. Trường hợp cần áp dụng ngay, đề nghị quy định rõ: lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về ngân hàng (Basel III) cho các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu triển khai tại TTTC từ 01/01/2026 và đây được coi là điều kiện khi gia nhập TTTC (điều kiện cấp phép thành lập). Do đó, có thể nghiên cứu giao thẩm quyền quy định về lộ trình cho Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể tại Nghị định, Thông tư để linh hoạt. Khoản 7: Đề nghị điều chỉnh thành: "Việc hình thành ngân hàng số từ các ngân hàng thương mại là thành viên TTTC được thực hiện từ ngày 01 tháng 01	tại các điều riêng (về thuế TNDN, thuế TNDN, hoặc các điều riêng về các ngành, lĩnh vực ưu tiên trong TTTC do Điều 1 đã cơ bản quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết. 5. -Khoản 5: kiến nghị vẫn giữ nội dung này do đây là nội dung đã được Bộ Chính trị phê duyệt tại Đề án kèm theo Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024. - Khoản 6: kiến nghị vẫn giữ nội dung này do đã xác định TTTC là khu vực có đối tượng điều chỉnh khác biệt so với các chính sách chung của quốc gia. Khoản 7: kiến nghị giữ nội dung này để đảm bảo áp dụng đồng bộ các chính sách để phát triển TTTC.
--	---	--

	năm 2027." 6. Điểm b khoản 3 Điều 13: Do pháp luật hiện nay chưa có định nghĩa là NFT, đề nghị nghiên cứu, bổ sung làm rõ nội hàm về NFT tại dự thảo Nghị quyết. 7. Khoản 2 Điều 14: Cần xem xét lại các hình thức hiện diện thương mại của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để quy định điều chỉnh cho đầy đủ (không chỉ bao gồm hình thức hiện diện là chi nhánh, văn phòng đại diện như dự thảo Nghị quyết). 8. Khoản 3 Điều 20: Đề nghị đánh giá một cách thận trọng về quy định "tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư." 9. Khoản 4 Điều 28:	6. Đã bổ sung tại dự thảo. 7. Đã bổ sung tại dự thảo (phần về tiêu chí đăng ký thành viên). 8. Kiến nghị vẫn giữ tại dự thảo do đây là chính sách quan trọng, vượt trội, nhưng rất cần thiết để đảm bảo tính hấp dẫn nhằm thu hút các nhà đầu tư vào TTTC. Bộ KHĐT đã thiết kế khoản 3, trong đó có nêu khi xảy ra tranh chấp, thực hiện theo pháp luật Việt Nam và bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành. 9. Đã tiếp thu.
--	--	--

		Đề nghị sửa lại như sau: "Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đầu mỗi xây dựng văn bản trình Chính phủ quy định hướng dẫn về ngân hàng và quản lý ngoại hối tại Điều 12 Nghị quyết này." 10. Ý kiến khác: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết để đảm bảo sử dụng nhất quán thuật ngữ "TTTC" hoặc "TTTC khu vực và quốc tế" để phù hợp với quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.	10. Đã tiếp thu, trong đó chỉ sử dụng thống nhất 01 khái niệm là "TTTC" mà không phân việc khái niệm khu vực và quốc tế.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản số 1220/NHNN-PC ngày 22/2/2025)	2. Điều 3: 2.1. Khoản 2 Điều 3 quy định định nghĩa: "Các thành viên hoạt động trong TTTC" là <u>các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác</u> đăng ký thành viên và <u>có hiện diện thương mại trong TTTC, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế</u> thuộc lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 8 lại quy định: "Thành viên TTTC là các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động trong TTTC theo các quy định của Nghị quyết này và các luật khác có liên quan, <u>bao gồm doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, và các tổ chức khác</u> thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh." Đề nghị làm rõ các loại hình pháp lý/ hiện diện thương mại được phép tại TTTC (chỉ gồm doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là pháp nhân độc lập hay bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện?) 2.2. Khoản 7 Điều 3: Đề nghị rà soát, thống nhất về sử dụng tên gọi "tài sản ảo", "tài sản mã hóa", "tài sản số" tại các điều khoản của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với dự thảo Luật Công nghiệp và công nghệ số đã được Chính phủ trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	2.1. Đã tiếp thu tại Nghị quyết Khoản 1, Điều 8: Khái niệm Tổ chức kinh tế đã được quy định tại Khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư: "<u>Tổ chức kinh tế</u> là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và ô chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh". 2.2. Sẽ đồng bộ và cập nhật với tiến độ điều chỉnh của Luật Công nghiệp công

		3. Khoản 5 Điều 4: Đề nghị Dự thảo Nghị quyết cân nhắc bỏ nội dung “trừ trường hợp Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực quy định thuận lợi hơn cho đối tượng bị tác động thì thực hiện theo quy định thuận lợi hơn đó”. Lý do: Theo quy định tại Dự thảo Nghị quyết, TTTC tại Việt Nam được hưởng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội và chỉ áp dụng riêng đối với TTTC. Việc quy định cơ chế tự động cho phép các đối tượng bị tác động tại TTTC được hưởng quy định thuận lợi hơn tại các văn bản Luật, Nghị quyết ban hành sau đó mà không căn cứ trên cơ sở xem xét một cách thận trọng từng quy định thuận lợi hơn đó và đặt trong mối quan hệ, tác động qua lại với các chính sách đặc thù, ưu đãi khác đã được áp dụng tại TTTC có thể làm phát sinh các rủi ro và tác động tiêu cực đến sự ổn định và phát triển của TTTC nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Hơn nữa, việc xác định “thuận lợi hơn” nhưng không có căn cứ làm rõ nội hàm sẽ dẫn đến áp dụng không thống nhất, không rõ ràng nếu Nghị quyết được thông qua. 4. Khoản 2 Điều 8: Đề nghị bỏ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị quyết về việc “đảm bảo các quy định về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố” là điều kiện đăng ký trở thành Thành viên TTTC do: - Đối tượng báo cáo theo quy định tại Điều 4 Luật PCRT năm 2022 chỉ bao gồm một số lĩnh vực hoạt động tài chính và phi tài chính nhất định và dự thảo Nghị quyết mới nhất cũng chưa xác định được Danh mục các ngành nghề được hoạt động trong TTTC. Do đó, việc quy định như điểm d khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị quyết sẽ gây khó khăn cho các tổ chức đăng ký làm thành viên TTTC và cơ quan quản lý trong trường hợp hoạt động của tổ chức đăng ký không chịu sự điều chỉnh của quy	nghệ số. 3. Việc giữ lại quy định này là cần thiết, để bảo đảm chính sách của TTTC đồng bộ với chính sách chung của QH ban hành sau. - Tiếp thu ý kiến góp ý của hai Bộ, dự thảo sửa lại theo nguyên tắc đã được Quốc hội quy định tại khoản 4 điều 17 NQ 136/2024/QH15 và khoản 5 điều 12 NQ 98/2023/QH15 4. Tiếp thu ý kiến của NHNNVN.
--	--	--	---

	định pháp luật về PCRT (ví dụ: thành viên hoạt động trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa không phải là đối tượng báo cáo về PCRT). - Quy định về điều kiện đăng ký trở thành thành viên TTTC trên thực tế sẽ tương ứng với điều kiện cấp phép hoạt động của các thành viên TTTC. Hiện các quy định về cấp phép hoạt động của nhiều lĩnh vực tài chính và phi tài chính của Việt Nam chưa quy định phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố là một trong những yêu cầu/tiêu chí bắt buộc. Do đó, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 sẽ dẫn đến sự đối xử khác biệt giữa các tổ chức cá nhân trong TTTC và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và theo đó là rủi ro khiếu kiện. - Ngoài ra, do quy định điểm d khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị quyết đề cập đến vấn đề về “phòng, chống tài trợ khủng bố” thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an, do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xin ý kiến Bộ Công an đối với nội dung này. 5. Điều 9: 5.1. Khoản 2 Điều 9: Đề nghị quy định nội dung này như sau: Việc thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các quan hệ giao dịch khác được phép giữa các chủ thể là thành viên TTTC, giữa thành viên TTTC với tổ chức kinh tế, nhà đầu tư đăng ký, thực hiện đầu tư kinh doanh tại Khu thương mại tự do tại địa phương có TTTC được sử dụng các ngoại tệ tự do chuyển đổi được sử dụng đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ tự do chuyển đổi, Việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch giữa các chủ thể không phải là thành viên TTTC, giữa chủ thể là thành viên TTTC với chủ thể không phải là thành viên TTTC, giữa các chủ thể trong TTTC với các chủ thể tại nước ngoài và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành”	5.1. Tiếp thu ý kiến của NHNNVN
--	---	--

		5.2. Khoản 3 Điều 9: Đề nghị bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9 do: (i) Chính sách quản lý ngoại hối hiện nay không hạn chế nhà đầu tư nước ngoài trong việc chuyển đổi từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ cũng như việc chuyển nguồn thu hợp pháp từ Việt Nam ra nước ngoài của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chỉ cung cấp chứng từ để chứng minh nguồn tiền có phải từ nước ngoài chuyển vào hay là nguồn thu hợp pháp hay không. (ii) Việc không cần chứng từ chứng minh mục đích chuyển tiền ra nước ngoài sẽ gây nên sự không minh bạch trong kiểm soát dòng tiền, các chủ thể có thể lợi dụng để chuyển lượng ngoại tệ lớn ra khỏi lãnh thổ không cần chứng minh, gây khó khăn cho công tác phòng chống rửa tiền. Mặt khác, Việt Nam không có chứng từ sẽ không bóc tách được nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài có mục đích thực sự là gì, không phản ánh đúng được các hạng mục trên cân cán thanh toán quốc tế. Qua nghiên cứu sơ bộ, các chính sách về phòng chống rửa tiền của Việt Nam không có ngoại lệ riêng cho bất kỳ chủ thể nào. Các giao dịch mà chủ thể trong TTTC hướng tới là các giao dịch tài chính có giá trị cao, do đó, lượng chuyển đổi ngoại tệ sẽ ảnh hưởng đến cung-cầu ngoại tệ trên thị trường, khả năng đáp ứng của hệ thống ngân hàng trong từng thời điểm, các kịch bản điều hành tỷ giá của NHNN. 5.3. Khoản 4 Điều 9: đề nghị bỏ quy định này do “các sản phẩm truyền thống trong hoạt động ngân hàng thương mại” do các TCTD tự triển khai, quyết định. 5.4. Khoản 6 Điều 9: Đề nghị bỏ nội dung: “Các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại TTTC không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều	5.2. Khoản 3.a: Chỉ giới hạn trong số ngoại tệ họ đã chuyển vào VN và đã chuyển ra tiền đồng. Họ chuyển vào bao nhiêu thì được chuyển ra bấy nhiêu. Khoản 3b: Họ chỉ chuyển các khoản đã đầu tư và các khoản thu hợp pháp. Đồng thời, đã quy định là sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính với Nhà nước VN, và có lộ trình sau 5 năm thực hiện đầu tư kinh doanh. 5.3. Đây là một trong 08 giải pháp áp dụng ngay của TTTC trong Đề án đã được BCT phê duyệt. 5.4. Khoản 6 chỉ áp dụng với các thành viên TTTC và áp dụng không phân biệt đối xử.
--	--	---	--

	kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới” vì các lý do như sau: (i) Về vấn đề mở cửa thị trường: - Việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài liên quan tới lợi ích thương mại là vấn đề được các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài rất quan tâm và tiềm ẩn rủi ro cao trong phát sinh kiện tụng và vi phạm cam kết quốc tế; - Nghị quyết của Quốc hội là văn bản quy phạm pháp luật, cũng là thông điệp của Việt Nam tới các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến việc tham gia đầu tư tại thị trường TTTC; do đó, sẽ thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà đầu tư nước ngoài. Việc truyền tải thông điệp này tạo ra các áp lực về mở cửa thị trường do các nhà đầu tư nước ngoài đặt ra yêu cầu đối xử công bằng đối với việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các NHTM cổ phần bên ngoài TTTC. (ii) Về cam kết quốc tế: - Việt Nam đang là thành viên của Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) và 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trở thành một trong những quốc gia có mức độ mở cửa ngành ngân hàng cao nhất trong khu vực ASEAN, ngang bằng hoặc cao hơn các quốc gia có cùng mức độ phát triển. Theo đó, các NHTM nước ngoài được thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới nhiều hình thức đa dạng như văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, đi cùng với đó là các cam kết cao về tiêu chuẩn bảo hộ cho các nhà đầu tư nước ngoài. - Ngoài các nghĩa vụ cơ bản như Đối xử Tối huệ quốc (MFN) và	Phạm vi áp dụng chỉ trong TTTC và dịch vụ xuyên biên giới. Chính sách này đã được NHNN thống nhất khi xây dựng đề án báo cáo BCT.
--	--	--

		Đối xử Quốc gia (NT)..., nước ta đã cam kết các cơ chế bảo hộ nhà đầu tư ở mức cao trong khuôn khổ các Hiệp định FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hiệp định CPTPP có quy định về cơ chế Ratchet, nghĩa là các nước CPTPP sẽ giữ nguyên hiện trạng các biện pháp chính sách vào thời điểm Hiệp định có hiệu lực và trường hợp sửa đổi chỉ sửa theo hướng tự do hoá hơn. Nói cách khác, nước thành viên sẽ không được đảo ngược tiến trình tự do hoá. Mức tự do hoá mới sẽ là cam kết mới, áp dụng chung cho các nước thành viên CPTPP khác. Do đó, với cơ chế Ratchet, quy định tại khoản 6 Điều 9 có khả năng dẫn đến ràng buộc mức tự do hoá mới đối với Việt Nam, <i>theo đó, các nhà đầu tư có thể yêu cầu mở rộng phạm vi đối với các đối tượng ngoài TTTC để đảm bảo đối xử công bằng.</i> 5.5. Khoản 8 Điều 9: <i>“Việc hình thành mô hình ngân hàng số từ các ngân hàng thương mại sẽ được bắt đầu triển khai từ ngày 01 tháng 01 năm 2026”:</i> Đề nghị cân nhắc, điều chỉnh thời gian triển khai từ 01/01/2026 sang 01/01/2027 6. Điều 10: 6.1. Đề nghị rà soát tên điều thành: <i>“Chính sách thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với <u>sản phẩm, dịch vụ</u>, mô hình kinh doanh ứng dụng <u>công nghệ tài chính (Fintech)</u> trong lĩnh vực tài chính (Fintech)”</i>, đồng thời điều chỉnh cụm từ <i>“lĩnh vực Fintech”</i> tại dự thảo Nghị quyết do Fintech là viết tắt của cụm từ financial technology, bản chất của Fintech là việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực tài chính không phải là một lĩnh vực độc lập.	6.1. Đã tiếp thu ý kiến của NHNNVN
--	--	---	---

	6.2. Nhất trí với việc giao thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá hoạt động của Cơ chế thử nghiệm (CCTN) cho Ủy ban quản lý, điều hành TTTC tại khoản 1 do: (i) lĩnh vực tài chính bao gồm cả hoạt động ngân hàng và hoạt động tài chính khác (chứng khoán, bảo hiểm...) thuộc chức năng quản lý của 2 cơ quan quản lý (NHNN, Bộ Tài chính), trong khi các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có thể sẽ có sự giao thoa giữa các hoạt động, việc giao thẩm quyền thống nhất về Ủy ban quản lý, điều hành TTTC sẽ giúp thống nhất trong việc xác định cơ quan quản lý tổ chức triển khai CCTN; (ii) việc giao thẩm quyền cho Ủy ban quản lý, điều hành TTTC sẽ giúp thúc đẩy việc thử nghiệm các giải pháp sáng tạo tập trung mang lại giá trị, góp phần phát triển TTTC thông qua việc thiết kế riêng một CCTN trong TTTC, trong đó, có thể đưa ra mục tiêu, tiêu chí, cách thức đánh giá rủi ro đối với các giải pháp thử nghiệm tại TTTC khác biệt với các CCTN khác, đồng thời, sẽ tạo thuận lợi hơn trong việc thiết kế, quy định các thủ tục hành chính tạo thuận lợi hơn cho các tổ chức tham gia CCTN. 6.3. Khoản 1 Điều 10: Khoản 1 Điều 10 quy định: “<i>Ủy ban quản lý, điều hành TTTC có thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro đối với thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong hoạt động fintech, bao gồm cả sàn giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá.</i>” Tuy nhiên: <i>(i) Về việc sử dụng tiền ảo, tiền mã hóa là phương tiện thanh toán:</i> Căn cứ quy định pháp luật hiện hành⁷, các loại tiền ảo, tài sản ảo	6.3. Khoản 1 Điều 10: Đã tiếp thu.
--	---	---

⁷ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 11/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/4/2018 của Thống đốc NHNN; Luật NHNN năm 2010; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/05/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt...

không phải là tiền tệ và phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam; việc sử dụng các loại tiền ảo, tài sản ảo làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm pháp luật tại Việt Nam.

(ii) Về việc quản lý, sử dụng tài sản ảo:

- Ngày 21/08/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1255/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Hoàn thiện khung pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo*” (Đề án 1255). Hiện, Bộ Tài chính đang đầu mối, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tài sản mã hóa theo các nhiệm vụ đặt ra tại Đề án 1255.

- Ngày 23/11/2024, Chính phủ đã trình Quốc hội Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Bộ Tài chính đầu mối phối hợp với các bộ, ngành ban hành hoặc xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý tài sản ảo, tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo. Đồng thời, tại Chiến lược quốc gia về công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến 2030, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính “*nghiên cứu đề xuất các chính sách thuế tài sản số cho các hoạt động có liên quan giao dịch riêng tư, giao dịch mua bán qua sàn tập trung theo chuẩn mực kế toán IFRS*”.

Như vậy căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có định nghĩa về tiền mã hóa, tài sản mã hóa. Dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ số mới chỉ đưa ra khái niệm về tài sản số, tài sản mã hóa. Do đó, đề nghị rà soát các quy định pháp lý (đã và sẽ ban hành), xem xét bổ sung định nghĩa về tiền mã hóa (nếu cần thiết); đồng thời rà soát kinh nghiệm quốc tế về cấp phép, quản lý sàn giao dịch tài sản mã hóa, tiền mã hóa để quản lý rủi ro phát sinh trong hoạt động tại sàn giao dịch tài sản

mã hóa, tiền mã hóa. Liên quan đến vấn đề này, đề nghị lấy thêm ý kiến của Bộ Tài chính – cơ quan đầu mối thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa theo các nhiệm vụ đặt ra tại Đề án 1255.

6.4. Khoản 3 Điều 10:

Khoản 3 Điều 10 quy định “Ủy ban quản lý, điều hành TTTC gửi báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm...” tuy nhiên chưa rõ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm là cơ quan nào. Đề nghị rà soát quy định tại điểm 3 đảm bảo thống nhất trong quy định cơ quan có thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá tác động đồng thời là cơ quan cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm tại khoản 1.

6.5. Khoản 5 Điều 10:

Khoản 5 Điều 10 quy định “Chính sách áp dụng đối với các giao dịch bằng tài sản mã hóa, tiền mã hóa trong TTTC sẽ được thực hiện từ ngày 01/07/2026”.

Tuy nhiên, cần làm rõ đây là giao dịch trao đổi tài sản mã hóa/tiền mã hóa (dưới góc độ tài sản) hay là giao dịch được thanh toán bằng tài sản mã hóa/tiền mã hóa (dưới góc độ phương tiện thanh toán)? Ngoài ra, cần đánh giá tác động của chính sách này liên quan đến vấn đề an ninh tiền tệ. Như đã nêu ở trên, các loại tiền ảo, tài sản ảo không phải là tiền tệ và phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam; việc sử dụng các loại tiền ảo, tài sản ảo làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm pháp luật tại Việt Nam.

7. Điều 11:

6.4. Dự kiến đang tách bạch vai trò của cơ quan cấp GCN hoàn thành thử nghiệm. Mục đích nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan, tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”.

Đang giao CP quy định chi tiết. Do đó, có thể ND sẽ cho phép Ủy ban quản lý điều hành kiêm nhiệm luôn, hoặc giao một cơ quan TW thực hiện khâu này.

6.5. “Giao dịch bằng...” có hàm nghĩa gồm cả “trao đổi bằng...” và “thanh toán bằng...” Tức là cả với tư cách là trao đổi tài sản và trao đổi thông qua phương tiện trung gian-> Xu thế quốc tế đã công nhận là

		7.1. Khoản 5 Điều 11 quy định “Việc thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC trên cơ sở ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (Fintech) sẽ được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính được đơn giản hóa và bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2026”. Đề nghị làm rõ sàn giao dịch chuyên biệt là sàn giao dịch cho sản phẩm, dịch vụ gì và thủ tục hành chính được quy định ở đâu. 7.2. Khoản 8 Điều 11: 7.2.1. Khoản 8 Điều 11 quy định thành viên trong TTTC được quyền <u>thành lập doanh nghiệp cho mục đích đặc thù trong TTTC để huy động vốn</u> cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tổ chức trong nước đó hoặc các công ty con của Tổ chức trong nước đó. Đề nghị làm rõ “doanh nghiệp cho mục đích đặc thù” là doanh nghiệp gì? Và việc huy động vốn này là đối với đối tượng nào (cá nhân hay pháp nhân)? 7.2.2. Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 8 Điều 11 thành 3 điểm b, c và d như sau: <i>“Thành viên TTTC có quyền:</i> <i>b) <u>Tự do huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không cần thực hiện các thủ tục cấp phép</u> với cơ quan quản lý nhà nước <u>miễn là thành viên TTTC tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ</u>. Nợ của thành viên TTTC với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không được tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài.</i> <i>Tổ chức trong lãnh thổ vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của</i>	phương tiện thanh toán. Do đó, trong TTTC sẽ là một “thí nghiệm chính sách” trước khi cân nhắc cho áp dụng tại Việt Nam hoặc sẽ dừng, chấm dứt sau thời gian thực hiện NQ. 7.2. DN cho mục đích đặc thù (Special Purpose Entity-SPE) là một công ty được công ty mẹ tạo ra với đầy đủ tư cách pháp nhân, có tài sản đặc thù, nhằm thực hiện một nhiệm vụ được Công ty mẹ giao phó.
--	--	---	--

	<i>Thành viên TTTC có trách nhiệm tuân thủ quy định về điều kiện vay, đăng ký khoản vay trung dài hạn với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i> <i>c) Không phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ TTTC ra nước ngoài. Hoạt động chuyển vốn đầu tư từ nước ngoài vào TTTC, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ TTTC ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) được thực hiện bằng ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của NĐTNN mở tại TCTD trong TTTC.</i> <i>Khi thực hiện đầu tư từ TTTC vào phần còn lại của quốc gia, Thành viên trong TTTC phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.</i> <i>d) Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn chi tiết thi hành nội dung nêu tại điểm b, c khoản này."</i> Lí do: (1) Đối với đề xuất điểm b: Trên cơ sở các hướng dẫn của IMF về lập cân cân thanh toán quốc tế và vị thế đầu tư quốc tế, nợ của doanh nghiệp là người cư trú trên lãnh thổ Việt Nam vay từ người không cư trú được xem là nợ nước ngoài. Do đó, pháp luật hiện hành quy định nợ nước ngoài tư nhân (không được Chính phủ bảo lãnh) là một cấu phần trong tổng nợ nước ngoài của quốc gia và được giám sát bởi các chỉ tiêu an toàn nợ công do Quốc hội phê duyệt⁸ (Điều 21 Luật Quản lý Nợ công, cụ thể hóa tại Điều 4 Nghị định	
--	---	--

⁸ Chỉ tiêu an toàn nợ công theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Quản lý nợ công, gồm: a) Nợ công so với tổng sản phẩm quốc nội; b) Nợ của Chính phủ so với tổng sản phẩm quốc nội; c) Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không bao gồm cho vay lại) so với tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm; d) Nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng sản phẩm quốc nội; đ) Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

		94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về nghiệp vụ quản lý nợ công). Trên cơ sở các ngưỡng trần về an toàn nợ, hàng năm, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với NHNN (cung cấp số liệu, dự báo nợ tư nhân) tính toán hạn mức vay thương mại nước ngoài và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Công tác xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài góp phần giám sát việc thực hiện vay nước ngoài không vượt các ngưỡng chỉ tiêu an toàn nợ. Do đó, để có căn cứ đưa ra chính sách như nêu ở trên đối với khoản vay của thành viên TTTC với nước ngoài thì không tính vào nợ nước ngoài mà tính phần doanh nghiệp nội địa vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của thành viên TTTC (TTTC đóng vai trò là kênh dẫn vốn, trạm trung chuyển vốn nước ngoài vào nội địa). Khi ban hành Nghị định của Chính phủ đề hướng dẫn cụ thể các nội dung về chế độ ngoại hối đối với TTTC, có thể đưa ra các quy định thông thoáng hơn về điều kiện vay; rút gọn quy trình đăng ký khoản vay so với quy định về quản lý vay trả nợ nước ngoài như hiện nay⁹. Với cách tiếp nhận như nêu ở trên, các chính sách ưu đãi vượt trội ở đây là: (i) thành viên TTTC không cần thực hiện đăng ký khoản vay nước ngoài khi huy động vốn vay từ tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không tính là nợ nước ngoài theo VBQPPL về quản lý nợ công; và (ii) tổ chức trên lãnh thổ vay lại nguồn vốn vay từ thành viên TTTC được áp dụng quy định thông thoáng hơn về điều kiện vay; rút gọn quy trình đăng ký khoản vay so với quy định về quản lý vay trả nợ nước ngoài như hiện nay. Do các nội dung nói trên là đặc thù so với quy định hướng dẫn Luật Quản lý nợ công và chưa có tại các VBQPPL nên cần được quy định tại	
--	--	---	--

⁹ Thông tư 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh.

		Nghị quyết để có căn cứ pháp lý triển khai. (2) Đối với đề xuất điểm c: (i) Theo quy định hiện hành của pháp luật, khi thực hiện đầu tư trực tiếp/gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư trực tiếp/gián tiếp từ Việt Nam ra nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện các thủ tục về đầu tư (phải được cấp phép, đáp ứng các điều kiện chuyển vốn ra nước ngoài...), thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư, đăng ký giao dịch ngoại hối theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối. Như vậy, so với các quy định hiện hành của pháp luật thì các chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung nêu trên là đặc thù, vượt trội, chưa được quy định tại Pháp lệnh ngoại hối (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn. Do vậy, cần phải được quy định tại Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo cơ sở pháp lý hướng dẫn triển khai thực hiện. (ii) Trường hợp Thành viên trong TTTC thực hiện đầu tư vào phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam: Hiện nay, nhằm góp phần thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, chính sách hiện hành¹⁰ về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là thông thoáng: không có quy định về thủ tục hành chính, không có giới hạn NĐTNN về việc mua ngoại tệ để chuyển lợi nhuận và khoản thu hợp pháp bằng VND về nước; mà chỉ quy định về việc NĐTNN mở tài khoản đầu tư tại TCTD được phép để thực hiện các	
--	--	---	--

¹⁰ Pháp lệnh ngoại hối và Thông tư 06/2019/TT-NHNN quy định: doanh nghiệp FDI, NĐTNN phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Thông tư 05/2014/TT-NHNN quy định: NĐTNN là người không cư trú phải mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng VND để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam

giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Quy định này là cần thiết, nhằm hỗ trợ NHNN thống kê, giám sát dòng vốn đầu tư nước ngoài vào/ra lãnh thổ Việt Nam, góp phần dự báo cung-cầu ngoại tệ trên thị trường, phục vụ việc xây dựng cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam và phối hợp với các Bộ, ngành trong việc đề xuất chính sách quản lý dòng vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, nội dung quy định về hoạt động đầu tư từ TTTC vào phần còn lại của quốc gia được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối là nhằm đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước.

7. Khoản 3 Điều 27: Đề nghị chỉnh sửa thành “*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, đầu mối xây dựng văn bản trình Chính phủ quy định hướng dẫn về hoạt động ngân hàng và quản lý ngoại hối tại Điều 9 Điều 12 Nghị quyết này*” để thống nhất với quy định tại Điều 9 của Dự thảo Nghị quyết.

9. Các quy định liên quan đến phòng, chống rửa tiền tại dự thảo:

9.1. Dự thảo Nghị quyết có quy định về phòng, chống rửa tiền (PCRT) đối với tài sản ảo, tài sản mã hoá (Điều 9, Điều 10) và giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật (Điều 22). Tuy nhiên, hiện nay Luật PCRT chưa có quy định điều chỉnh đối với các đối tượng báo cáo là nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch hàng hóa phái sinh và giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật.

Khoản 3 Điều 4 Luật PCRT cho phép Chính phủ (sau khi được sự đồng ý của UBTVQH) quy định các hoạt động mới phát sinh có rủi ro về rửa tiền của đối tượng chưa được quy định tại Luật. Tuy nhiên, để có cơ sở xây dựng, ban hành văn bản pháp lý và tổ chức thực hiện hoạt động PCRT tại TTTC, bao gồm cả cho các lĩnh vực/đối tượng mới nêu trên,

	trong dự thảo Nghị quyết cần xác định rõ tránh nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, cơ quan liên quan (bao gồm cả cơ quan quản lý TTTC sẽ được thành lập) đối với các thành viên và hoạt động trong TTTC. 9.2. Đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 9 như sau: “<u>Áp dụng các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, bao gồm cả liên quan đến tài sản mã hóa...</u>” và điểm a, khoản 6 Điều 10 như sau: “<u>Các biện pháp phòng, chống rửa tiền liên quan đến các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo mã hóa, tiền mã hóa</u>”. Lý do: - Trong quá trình xây dựng Đề án thành lập TTTC, NHNN đã có ý kiến và được chấp thuận việc TTTC áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam thay vì áp dụng chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền (40 Khuyến nghị của FATF). Trên cơ sở sửa đổi khoản 1 Điều 9 như đề xuất và khoản 9 Điều 9 dự thảo NQ (Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều này), Chính phủ sẽ có cơ sở để xây dựng hướng dẫn về chính sách PCRT cho các đối tượng báo cáo mới phát sinh trong TTTC chưa được quy định tại Luật PCRT. - Các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP) theo định nghĩa của FATF¹¹ không bao gồm tất cả các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực tài sản ảo, tài sản mã hóa. Do đó, đề nghị quy định rõ trong dự thảo Nghị quyết là các biện pháp PCRT “liên quan đến các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo” để phù hợp với Khuyến nghị của FATF về PCRT trong lĩnh vực này.	9.2. Đã tiếp thu ý kiến của NHNNVN
--	---	------------------------------------

¹¹Nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP) là cá nhân hoặc thể nhân thực hiện hoặc thay mặt cho một cá nhân hoặc thể nhân khác thực hiện một hoặc nhiều hoạt động sau:

- i. trao đổi/chuyển đổi giữa tiền ảo và tiền pháp định;
- ii. trao đổi/chuyển đổi giữa một hoặc nhiều dạng tiền ảo;
- iii. chuyển tiền ảo;
- iv. giữ hoặc quản lý tài sản ảo hoặc các công cụ có thể kiểm soát tài sản ảo; và
- v. tham gia vào và cung cấp dịch vụ tài chính liên quan đến việc phát hành hoặc bán tài sản ảo

		8.3. Đề nghị bỏ quy định tại khoản 2 Điều 22 “Việc lưu trữ, trưng bày hoặc giao dịch hàng hóa văn hóa trong TTTC phải tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền”. Lý do: - Hiện Luật PCRT 2022 không có quy định đối tượng báo cáo bao gồm các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật và các Khuyến nghị FATF cũng không có yêu cầu rõ ràng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào thị trường giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật. Mặc dù đây cũng là một lĩnh vực có rủi ro bị lợi dụng cho rửa tiền, tài trợ khủng bố, đến nay chỉ có một số ít các quốc gia (EU, Anh) quy định về nghĩa vụ PCRT đối với các đối tượng giao dịch tài sản văn hóa, nghệ thuật, bao gồm các sản phẩm nghệ thuật liên quan đến tài sản ảo (NFTs) và không phải tất cả các TTTC đều có quy định PCRT đối với các đối tượng tham gia vào hoạt động này (TTTC của UAE chưa có quy định này). Trong khi đó, Điều 21 dự thảo Nghị quyết không nêu thêm chi tiết về “giao dịch hàng hóa văn hóa trong TTTC” cũng như kế hoạch cung cấp hoạt động/sản phẩm này như sản phẩm đặc thù của TTTC để làm căn cứ xác định quy định về PCRT có liên quan. - Trong trường hợp nội dung trên vẫn được xem xét quy định tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị Cơ quan soạn thảo làm việc với Đơn vị đề xuất chính sách tại Điều 21 xác định và quy định rõ tại Nghị quyết cơ quan thực hiện chức năng cấp phép, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra các sàn đấu giá, giao dịch các sản phẩm nghệ thuật, các trung tâm trưng bày/triển lãm tài sản nghệ thuật, văn hóa tại TTTC để NHNN có căn cứ nghiên cứu đề xuất chính sách PCRT có liên quan.	8.3. Đã tiếp thu ý kiến của NHNNVN
--	--	--	---

	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tham gia bổ sung)	1. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để đảm bảo thống nhất cách thức quy định các hoạt động gắn với “tổ chức là thành viên TTTC” thay vì “trong TTTC” hay “tại TTTC” để thể hiện đúng bản chất. Dự thảo Nghị quyết có quy định một số chính sách đặc thù áp dụng với tổ chức trong TTTC mà không xác định là thành viên/không phải thành viên TTTC, hoặc quy định thành viên TTTC thành lập công ty con và công ty con được hưởng ưu đãi, nhưng cũng không xác định công ty con phải là thành viên TTTC. Đề nghị làm rõ chính sách áp dụng đối với những đối tượng nêu trên có phải đăng ký là thành viên TTTC không. 2. Chưa quy định về thẩm quyền cấp phép (bao gồm cả cấp phép thành lập và cấp phép trở thành thành viên TTTC) đối với các thành viên của TTTC (trừ thẩm quyền cấp phép đối với cơ chế thử nghiệm sandbox tại Điều 10) => đề nghị rà soát, bổ sung quy định về thẩm quyền cấp phép cho các thành viên của TTTC, đặc biệt lưu ý thẩm quyền cấp phép đối với các doanh nghiệp tài chính đặc thù như tổ chức tín dụng, chứng khoán, bảo hiểm. 3. Điều 3: Khoản 1: Khái niệm “các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, doanh nghiệp có uy tín” không được sử dụng Trong khi đó tại khoản 5 Điều 9 có quy định “Các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín” và “Tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín sẽ được Ủy ban quản lý, điều hành TTTC ban hành vào từng thời điểm” => Đề nghị rà soát để đảm bảo các thuật ngữ sử dụng chính xác, đồng thời làm rõ khái niệm tại khoản 5 Điều 9 nêu trên có nằm trong khái niệm được nêu tại khoản 1 Điều 3. - Đề nghị làm rõ công ty mẹ của các tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư và doanh nghiệp có thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố. Khoản 2: Đề nghị xem xét sửa đổi khoản 2 thành “Các thành viên hoạt động trong TTTC là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đăng ký thành viên và có hiện diện thương mại trong TTTC, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và phi tài chính	1. Đã tiếp thu 2. Đã tiếp thu Điều 3: Đã tiếp thu
--	--	--	--

		có liên quan.” Khoản 3, 4, 5: - quy định về các thuật ngữ nhưng dự thảo Nghị quyết không có các điều, khoản sử dụng các thuật ngữ này. Khoản 7: - Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung giải thích từ ngữ về “tài sản số” để thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số do trong dự thảo Nghị quyết, tài sản mã hoá được định nghĩa là một dạng tài sản số. Đồng thời, thống nhất cách dùng tài sản số và tài sản kỹ thuật số (khoản 6 Điều 3) tại toàn bộ dự thảo Nghị quyết. - Đề nghị cân nhắc bỏ câu: “... Tài sản mã hóa bao gồm: token chứng khoán, tài sản mã hóa dạng chứng khoán, token thanh toán, token tiện ích, NFT và token hỗn hợp các loại trên”. + Đề nghị bổ sung định nghĩa về tiền mã hóa tại dự thảo Nghị quyết và chỉ rõ tiền mã hóa là một dạng tài sản mã hóa/ tài sản số tương tự như định nghĩa theo thông lệ quốc tế. Khoản 8: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “<i>Công nghệ tài chính (fintech)</i> là những đổi mới sáng tạo về dịch vụ tài chính dựa trên công nghệ giải pháp công nghệ áp dụng trong lĩnh vực đối với dịch vụ tài chính.” Lý do: Công nghệ tài chính không phải là dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ (techfin). Công nghệ tài chính thường được dùng để chỉ việc ứng dụng công nghệ (thường là số-digital) và sự đổi mới vào các tổ chức tài chính để cung ứng dịch vụ tài chính đổi mới, hiệu quả hơn; không phải chủ thể mới. => Đề nghị điều chỉnh tại khoản 3, khoản 5 Điều 10 quy định “... trong lĩnh vực Fintech...” do Fintech không phải là một lĩnh vực độc lập. Khoản 11: Đề nghị quy định định nghĩa theo hướng bao quát, không quy định theo hướng liệt kê các loại dịch vụ. - Đề nghị bổ sung quy định để làm rõ khái niệm về Thành viên TTTC, bao gồm: (i) Thành viên TTTC do nhà đầu tư nước ngoài kiểm soát; (ii) Thành viên TTTC không có sự tham gia góp vốn của Nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN). Việc bổ sung định nghĩa nhằm làm rõ hơn các quy định	
--	--	---	--

		về ngoại hối tại Điều 8 dự thảo. Khoản 12: đề nghị rà soát, làm rõ nội dung “tổ chức bất hợp pháp” tại điểm c khoản 12 Điều 3 để đảm bảo thuật ngữ sử dụng chính xác, thống nhất với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 26. 4. Điều 7: đề nghị quy định rõ trách nhiệm quản lý, giám sát của các cơ quan này tại TTTC tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết để làm căn cứ cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan này sau khi Nghị quyết được ban hành. 5. Điều 8: Khoản 1: Đề nghị rà soát sự trùng lặp của quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 8; đồng thời sửa đổi, hợp nhất hai quy định này. Khoản 2: - Đề nghị bỏ cụm từ “hoặc do các tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài kiểm soát” tại điểm a, điểm c. - Sửa đổi điểm b: “b) Thành viên TTTC được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với những người không cư trú hoặc với các thành viên TTTC khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho thành viên TTTC đó theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định có liên quan” để phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 4. - Sửa đổi điểm d: “d) Thành viên TTTC khi thực hiện hoạt động đầu tư từ TTTC vào phần còn lại của quốc gia phải tuân thủ pháp luật về đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan.” Khoản 4: - Đề nghị làm rõ “doanh nghiệp cho mục đích đặc thù trong TTTC để huy động vốn” là loại hình doanh nghiệp nào? Đối tượng huy động vốn có chỉ bao gồm các đối tượng quy định tại điểm b khoản 8 hay không (tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam). - Đề nghị chỉnh sửa điểm b: “...Tổ chức trong lãnh thổ vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Thành viên TTTC có trách nhiệm tuân thủ quy định về điều kiện vay, đăng ký, khai báo khoản vay nước ngoài theo quy định về chế độ ngoại hối và ngân hàng đối với TTTC” Lý do: đảm bảo tính khả thi khi quy định chi tiết do Bên đi vay là tổ chức	Điều 8. Đã tiếp thu
--	--	--	---------------------

		trong lãnh thổ tiếp nhận nguồn vốn từ bên cho vay là thành viên trong TTTC không thể biết được nguồn tiền cho vay là do Thành viên TTTC đi vay hay là vốn tự có. - Đề nghị chỉnh sửa điểm c: “ <i>Không phải tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ TTTC ra nước ngoài (chỉ áp dụng đối với Thành viên TTTC do nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) sở hữu 100% vốn điều lệ), miễn là thành viên TTTC tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ.</i> <i>Hoạt động chuyển vốn đầu tư từ nước ngoài vào TTTC, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ TTTC ra nước ngoài của NĐTNN được thực hiện bằng ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của NĐTNN mở tại TCTD trong TTTC.</i> <i>Hoạt động đầu tư của tổ chức trong lãnh thổ vào TTTC (bao gồm thành lập tổ chức kinh tế (Thành viên TTTC), tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của Thành viên TTTC...) được thực hiện bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ và thông qua tài khoản thanh toán của tổ chức mở tại TCTD tại phần còn lại của quốc gia.</i> <i>Khi thực hiện đầu tư từ nhà đầu tư nước ngoài TTTC vào phần còn lại của quốc gia, Thành viên trong TTTC phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối áp dụng cho TTTC.”</i> Lý do: + Thành viên TTTC gồm: (i) Thành viên TTTC do nhà đầu tư nước ngoài kiểm soát; (ii) Thành viên TTTC không có sự tham gia góp vốn của NĐTNN => chỉ nên cho phép Thành viên TTTC do NĐTNN sở hữu 100% vốn được áp dụng chính sách vượt trội. + Hoạt động đầu tư nước ngoài vào TTTC của NĐTNN bao gồm: (i) Việc chuyển vốn đầu tư từ nước ngoài vào TTTC; và (ii) Việc chuyển vốn đầu tư từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của NĐTNN mở tại TCTD tại phần còn lại của quốc gia.	
--	--	---	--

		+ Quy định nêu trên là chính sách quản lý ngoại hối mới đối với hoạt động đầu tư của tổ chức trong lãnh thổ vào TTTC => cần phải được quy định tại dự thảo Nghị quyết để đảm bảo cơ sở pháp lý hướng dẫn triển khai thực hiện. Quy định này là cần thiết, nhằm hỗ trợ NHNN thống kê, giám sát dòng vốn đầu tư nước ngoài vào/ra lãnh thổ Việt Nam, góp phần dự báo cung-cầu ngoại tệ trên thị trường và phối hợp với các Bộ, ngành trong việc đề xuất chính sách quản lý dòng vốn đầu tư nước ngoài thông qua TTTC. - Đề nghị chỉnh sửa lại điểm d: “d) Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với chi tiết thi hành nội dung nêu tại điểm b, c khoản này.” - Đề nghị bổ sung 01 Điều khoản quy định rõ các chính sách quản lý về đầu tư nước ngoài liên quan đến TTTC bao gồm: (i) Hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào TTTC; (ii) Hoạt động đầu tư từ TTTC ra nước ngoài; (iii) Hoạt động đầu tư từ TTTC vào phần còn lại của lãnh thổ; (iv) Đối với hoạt động đầu tư từ phần còn lại của lãnh thổ vào TTTC, đề nghị đánh giá làm rõ việc cho phép hoạt động này vì sẽ thu hút nguồn lực trong nước vào TTTC, không đúng với mục tiêu thành lập TTTC 6. Điều 9 Khoản 1: - Đề nghị điều chỉnh khoản 1 Điều 9 liên quan đến nội dung về phòng, chống rửa tiền. Tại Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến có nêu tiếp thu ý kiến của NHNN, tuy nhiên dự thảo Nghị quyết hiện vẫn chưa được điều chỉnh. Khoản 2: - Quy định pháp luật hiện hành chưa có khái niệm cụ thể “ngoại tệ tự do chuyển đổi”. Do đó, đề xuất sửa lại như sau: “Việc thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các	Điều 9: Đã tiếp thu
--	--	--	---------------------

	quan hệ giao dịch khác được phép giữa các chủ thể là thành viên TTTC được sử dụng đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ tự do chuyển đổi”. - Đề nghị bỏ đoạn “...giữa thành viên TTTC với tổ chức kinh tế tại Khu thương mại tự do tại địa phương có TTTC...” do các các tổ chức kinh tế tại Khu thương mại tự do không phải là thành viên TTTC do đó sẽ thực hiện theo quy định hiện hành. Khoản 3: đề nghị bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9 Khoản 4: dự thảo không có quy định về “các lĩnh vực ưu tiên”, “các sản phẩm truyền thống trong hoạt động ngân hàng thương mại” => không đảm bảo rõ ràng trong thực hiện => đề nghị xem xét không quy định nội dung này, trong quá trình triển khai Chính phủ sẽ xem xét quy định cụ thể về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo tính khả thi của quy định. Khoản 5: Đề nghị bỏ quy định này. Việc đáp ứng tiêu chuẩn Basel III chỉ nên coi là điều kiện cấp phép, không nên coi là điều kiện miễn áp dụng điều kiện thành lập do việc đáp ứng các điều kiện cấp phép cũng là một trong các tiêu chí đảm bảo tổ chức kinh tế được thành lập trong TTTC hoạt động hiệu quả, uy tín. Khoản 6: Đề nghị bỏ quy định ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với việc cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới. Do không rõ về mặt chính sách. Khoản 7: Đề nghị không quy định nội dung này tại Nghị quyết. Lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về ngân hàng nên giao cho Chính phủ quy định để đảm bảo phù hợp và khả thi. Khoản 9: Đề xuất điều chỉnh như sau: “<i>Chính phủ quy định đặc thù về cấp phép, tổ chức, hoạt động và các vấn đề liên quan khác tới hoạt động</i>”	Điều 10: Đã tiếp thu
--	--	----------------------

	<i>của TCTD là thành viên TTTC.”</i> 7. Điều 10: Khoản 1: Đề nghị rà soát quy định tại Khoản 1 Điều 10 về việc “<u>Ủy ban quản lý, điều hành TTTC quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát, sau khi được sự thống nhất của UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Đà Nẵng</u>” và quy định tại điểm d và e Khoản 6 Điều 10 về việc “<u>Chính phủ quy định chi tiết về: Điều kiện về việc thành lập sàn giao dịch tài sản mã hóa, cung cấp các dịch vụ phụ trợ; Các nội dung khác có liên quan đến quản lý, hoạt động của các giao dịch có liên quan tới hoặc thực hiện bằng tài sản mã hóa, tiền mã hóa</u>” để đảm bảo xác định rõ, tránh chồng chéo trách nhiệm của Chính phủ và Ủy ban quản lý, điều hành TTTC trong việc xây dựng chính sách quản lý lĩnh vực tài sản ảo tại TTTC. Khoản 3: đề nghị quy định thống nhất Cơ quan có thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá tác động (tại khoản 1 Điều này là Ủy ban quản lý, điều hành TTTC) đồng thời là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm. Khoản 5: - Đề nghị bỏ cụm từ: tiền mã hóa, đồng tiền mã hóa do không cần thiết và dễ gây nhầm lẫn. - Đề nghị làm rõ sàn giao dịch chuyên biệt là sàn giao dịch cho sản phẩm, dịch vụ gì và thủ tục hành chính quy định ở đâu? 8. Điều 11 - Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 11 Lý do: Nhà đầu tư muốn thành lập hiện diện thương mại tại TTTC phải tuân thủ theo quy định thành lập hiện diện tại TTTC Việt Nam	Điều 11: Đã tiếp thu Điều 23: Đã tiếp thu Điều 28: Đã tiếp thu
--	--	---

		9. Điều 23 Đề nghị bỏ quy định ngân hàng là chủ thể tham gia mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa. Hiện nay các NHTM tại Việt Nam chỉ được cấp phép thực hiện đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 10. Điều 28 Khoản 1: Đề nghị rà soát “cơ quan giám sát tài chính” có phải “Ủy ban giám sát tài chính” không để điều chỉnh cho phù hợp, thống nhất. Khoản 3: - Đề nghị sửa nội dung tại dự thảo Nghị quyết như sau: “<i>Ngân hàng Nhà nước chủ trì, đầu mối xây dựng văn bản trình Chính phủ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 8 và khoản 9 Điều 9 Nghị quyết này</i>”. - Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời đối với các chính sách đặc thù liên quan đến sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để làm tài sản bảo đảm vay vốn cần có đánh giá từ các Bộ về các chính sách này	
13	Bộ Tài chính (văn bản số 925/BTC-TCNH ngày 22/01/2025 và ý kiến tại cuộc họp ngày 18/02/2025)	1. Ý kiến tham gia chung - Về cơ bản các ý kiến của Bộ Tài chính chưa được tiếp thu, việc đánh giá tác động về các nội dung chính sách thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính chưa được tổng hợp tại Đề án và hồ sơ xây dựng Nghị quyết. Do đó, đề nghị Bộ KHĐT tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, đặc biệt là đối với ý kiến tham gia về nội dung các chính sách do các Bộ, ngành được phân công chủ trì nghiên cứu để hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết. - Tại các công văn tham gia ý kiến trước đây¹², Bộ Tài chính đã nêu rất cụ thể các chính sách Bộ Tài chính đã chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành để triển khai Kết luận của Bộ Chính trị. Theo đó, đề nghị Bộ KHĐT tổng hợp các chính sách đã và đang được báo cáo cấp có thẩm	1. - Đã tiếp thu tại Đề án. Tuy nhiên, nhiều nội dung Bộ Tài chính đang đề nghị thực hiện theo chính sách, lộ trình áp dụng như quy định hiện hành. Tại Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024, Bộ Chính trị đã kết luận “cần có những chính sách vượt trội hơn so với quy định hiện hành,

¹² Công văn số 7705/BTC-TCNH ngày 24/07/2024, Công văn số 9577/BTC-TCNH ngày 10/9/2024, Công văn số 14190/BTC-TCNH ngày 24/12/2024.

	quyền tại các văn bản khác, tránh chồng chéo trong thực hiện; đối với các chính sách mới chưa có tiền lệ, phức tạp cần có lộ trình triển khai thực hiện và đánh giá đầy đủ tác động của chính sách như ý kiến kết luận của Bộ Chính trị. 2. Ý kiến tham gia cụ thể 2.1 Về dự thảo Tờ trình Chính phủ <i>a) Về quan điểm phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định nhưng tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn với lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn (điểm iv, khoản 2 Mục II trang 4):</i> đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện theo hướng việc chấp nhận rủi ro phải kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro để phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW (TTTC được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù, vượt trội,...nhưng phải kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp). <i>b) Về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết</i> - Tại Thông báo số 47-TB/TW, Bộ Chính trị kết luận: <i>Lựa chọn phát triển các TTTC có ranh giới địa lý nhất định và đối tượng được xác định theo tiêu chí rõ ràng.</i>	mang tính cạnh tranh, nhưng kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý phù hợp; vừa làm vừa rút kinh nghiệm”. Theo đó, Bộ KHĐT nhận thấy việc Bộ TC tiếp tục đề xuất không thực hiện một số chính sách ưu đãi hoặc chỉ thực hiện theo quy định, lộ trình hiện hành. là chưa phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị. 2. 2.1. a) Đã tiếp thu tại dự thảo. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung một số nội dung liên quan đến việc chấp nhận rủi ro cần gắn với nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế thông qua việc phát triển TTTC. Đây cũng là nội dung đã có tại Tờ trình Bộ Chính trị của Bộ KHĐT về Đề án. b) -Đã tiếp thu theo hướng quy định khung tại dự thảo Nghị quyết, sau đó giao các
--	---	---

		- Theo đó, đề nghị Bộ KHĐT chủ trì phối hợp với UBND TP Hồ Chí Minh, UBND TP Đà Nẵng báo cáo cụ thể về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Nghị quyết của Quốc hội (Điều 2, Điều 3 Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ) như ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, làm rõ ranh giới địa lý, xác định rõ đối tượng áp dụng của chính sách. c) Về thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn tổ chức, hoạt động của các cơ quan quản lý TTTC - Tại Đề án trình Bộ Chính trị xác định: <i>Cơ quan quản lý, điều hành TTTC trực thuộc UBND các Thành phố; tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND các Thành phố về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi TTTC theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm. Cơ quan giám sát TTTC giúp việc trực tiếp cho Ban chỉ đạo.</i> - Nghị quyết số 259/NQ-CP của Chính phủ giao: <i>UBND Tp Hồ Chí Minh và UBND Tp Đà Nẵng chủ trì thiết lập và vận hành bộ máy quản lý TTTC.</i> - Cơ quan quản lý và cơ quan giám sát tại TTTC là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ quản lý các lĩnh vực hoạt động, chính sách áp dụng tại TTTC, theo đó, việc Bộ KHĐT dự kiến giao Bộ Tài chính <i>quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan giám sát tài chính thuộc TTTC</i>¹³ là không phù hợp với Đề án trình Bộ Chính trị và Nghị quyết số 259/NQ-CP của Chính phủ, đề nghị tổng hợp ý kiến Bộ Nội vụ và 02 thành phố, để điều chỉnh nội dung này cho phù hợp. d) Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành văn bản Việc xây dựng các chính sách đặc thù áp dụng tại TTTC để tạo đột phá cần có đủ nguồn nhân lực, bộ máy để sẵn sàng tổ chức triển khai các chính sách về TTTC hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chỉ mới đề cập đến nguồn lực về tài chính, chưa thể hiện các nguồn lực khác (về con người,	địa phương báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định ranh giới địa lý của “khu vực lõi” của các TTTC tại các địa phương. c) -Việc quy định chức năng nhiệm vụ của Cơ quan giám sát tài chính thuộc TTTC cần được thực hiện thống nhất ở cấp quốc gia để đảm bảo tính an toàn thể thống, khả năng kiểm soát rủi ro liên quan đến an ninh tài chính trong quá trình phát triển TTTC; kiến nghị Bộ TC vẫn là Cơ quan chủ trì hướng dẫn nội dung này để phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ và chức năng nhiệm vụ của Bộ tài chính. d) Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung, sau đó giao Chính phủ và các địa phương
--	--	--	---

¹³ Khoản 3 Điều 28 dự thảo Nghị quyết.

	bộ máy). Do đó, đề nghị Bộ KHĐT bổ sung nguồn lực, điều kiện thi hành văn bản tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. 2.2 Về dự thảo Đề cương Nghị quyết của Quốc hội Bên cạnh các ý kiến tham gia tại Mục 2.1 Công văn này, Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể đối với một số chính sách tại dự thảo đề cương Nghị quyết như sau: a) Về nguyên tắc xây dựng chính sách tại Nghị quyết Tại dự thảo Nghị quyết xác định 6 nguyên tắc xây dựng chính sách, tuy nhiên, có một số nguyên tắc là <u>nội dung chính sách</u> như: (i) tạo điều kiện thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thực hiện đại khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng...; (ii) khuyến khích lựa chọn, thu hút đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển TTTC quốc tế; (iii) các giao dịch, hoạt động tại TTTC thực hiện bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Do đó, đề nghị rà soát điều chỉnh để phân biệt giữa nguyên tắc xây dựng chính sách và nội dung chính sách phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị. b) Về ngành, nghề lĩnh vực ưu tiên phát triển TTTC (Điều 6 và Điều 20) Điểm a khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị quyết đề cập đến các ngành, nghề, lĩnh vực thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ để được ưu đãi về thời hạn sử dụng đất. Tuy nhiên, tại Khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định về các nội dung trong Quyết định thành lập TTTC lại không có nội	quy định cụ thể. 2.2. a) Nguyên tắc xây dựng chính sách tại dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47/TB-TW ngày 15/11/2024, trong đó nêu “tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình các chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam. Lộ trình khung này mang tính chất định hướng; quá trình thực hiện cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhanh nhất có thể, nếu thời cơ thuận lợi, thì có thể làm ngay, nhanh hơn các bước tiếp theo, không chờ theo thứ tự. b) Đã tiếp thu.
--	---	---

	dung về các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển của TTTC. Theo đó, đề nghị rà soát, bổ sung để thống nhất trong triển khai thực hiện. c) Về cơ quan quản lý TTTC (Điều 7 đến Điều 9) Đề phù hợp với Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 259/NQ-CP¹⁴ của Chính phủ, đề nghị bổ sung nội dung tại Điều 7: Ủy ban quản lý, điều hành, Ủy ban giám sát tài chính trực thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, đề nghị rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý, giám sát tại TTTC, làm rõ: (i) mối quan hệ giữa các cơ quan¹⁵ theo hướng không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ (ii) xác định đối tượng, phạm vi quản lý của Ủy ban giám sát tài chính; (iii) xác định mô hình hoạt động của các cơ quan quản lý, giám sát để đề xuất cơ chế tài chính, kế toán và tổ chức phù hợp quy định của pháp luật¹⁶. d) Về thành viên TTTC (Điều 11) - Khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng đăng ký trở thành thành viên TTTC bao gồm các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, <u>sàn giao dịch chứng khoán</u>, vàng, ngoại tệ, quỹ đầu tư tài chính, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm,... được phép thành lập và hoạt động tại TTTC. - Để tránh chồng chéo trong công tác quản lý và thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường chứng khoán, đề nghị làm rõ nội hàm và phạm vi quản lý của sàn giao dịch chứng khoán tại TTTC. đ) Chính sách thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực tài chính (fintech) (Điều 13) - Về chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh	c) Kiến nghị tiếp thu theo hướng Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, sau đó giao Chính phủ và các địa phương quy định chi tiết các nội dung liên quan để đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện. d) Đã làm rõ tại dự thảo đ) (i) Theo phân công tại Nghị quyết số 259/NQ-CP, Bộ Tài
--	--	--

¹⁴ Điểm 4b Phần II Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

¹⁵ Giữa Ủy ban quản lý và Ủy ban giám sát, giữa Ủy ban quản lý, Ủy ban giám sát với UBND TP, Ban chỉ đạo và các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước.

¹⁶ Khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị quyết đang quy định: Các cơ quan quản lý TTTC thực hiện khoản biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Theo đó, cần nghiên cứu bổ sung bộ phận làm công tác kế toán tại mỗi đơn vị.

		doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đề nghị Bộ KHĐT chủ trì, phối hợp với UBND TP Hồ Chí Minh và UBND TP Đà Nẵng làm rõ nội hàm chính sách, mục tiêu và định hướng chính sách tại <u>Tờ trình Chính phủ đề Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có cơ sở đề xuất giải pháp và quy định nội dung tại dự thảo Nghị quyết phù hợp.</u> - Đối với chính sách về tài sản mã hóa, tiền mã hóa: Ngày 24/12/2024, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14190/BTC-TCNH đề nghị Bộ KHĐT báo cáo Chính phủ phân công các Bộ, ngành triển khai nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tài sản mã hóa, tiền mã hóa theo chức năng của từng Bộ, ngành, tuy nhiên Bộ KHĐT chưa tiếp thu đầy đủ khi trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 31/12/2024 thực hiện Thông báo số 47-TB/TW của Bộ Chính trị. Hiện nay chưa có quy định về tài sản mã hóa, tiền mã hóa; trong khi đó việc quản lý tài sản mã hóa, tiền mã hóa sẽ theo quy trình từ phát hành, sở hữu, giao dịch, cấp phép cung cấp dịch vụ, bảo mật thông tin, việc sử dụng trong các giao dịch dân sự, vấn đề quản lý để đảm bảo an toàn, an ninh tài chính quốc gia. Do còn nhiều nội dung cần nghiên cứu trước khi ban hành chính sách, đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị quyết theo hướng giao Chính phủ quy định việc triển khai thí điểm các chính sách liên quan đến tài sản mã hóa, tiền mã hóa mà không đề cập đến các chính sách cụ thể. - Đối với nội dung chính sách: <i>“Các giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC sẽ được thực hiện từ ngày 01 tháng 07 năm 2026”</i>. Đề nghị Bộ KHĐT tổng hợp ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vì theo chính sách này tài sản mã hoá, tiền mã hoá được sử dụng làm phương tiện thanh toán trong các giao dịch tài chính. Do việc triển khai chính sách về tài sản mã hóa, tiền mã hóa trong TTTC có nhiều nội dung cần nghiên cứu, liên quan đến nhiều Bộ, ngành, có ảnh hưởng tác động đến đảm bảo an ninh tài chính, do đó, để đảm bảo khả thi đề nghị bỏ quy định về thời gian thực hiện giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá từ ngày 01/07/2026.	chính được giao là Cơ quan đầu mối nghiên cứu, xây dựng và đánh giá tác động của các chính sách liên quan đến cơ chế sandbox trong lĩnh vực fintech và chính sách liên quan đến tài sản mã hóa (như đề nghị tại văn bản số 14190/BTC-TCNH và để thống nhất với chỉ đạo của Chính phủ về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu đối với nội dung này). Theo đó, đề nghị Bộ Tài chính triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ. (ii) Đối với các nội dung liên quan đến tài sản mã hóa, Bộ KHĐT đã bổ sung “khái niệm”, định hướng tiếp cận chính sách đảm bảo phù hợp với các quy định tại dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số đang trình Quốc hội, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo nguyên tắc Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung. -Đã tiếp thu.
--	--	---	---

	e) Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn (Điều 14) - Đối với quy định về hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC (như mua bán tín chỉ các-bon,...): Khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị quyết xác định hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC được áp dụng ưu đãi như đối với lĩnh vực thuộc Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư. Tuy nhiên, Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đầu tư quy định về <i>Danh mục các ngành, nghề ưu đãi đầu tư</i>, trong đó có quy định ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, không có “<i>Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư</i>”. Theo đó, đề nghị rà soát tại Tờ trình Chính phủ và Nghị quyết của Quốc hội về “<i>Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư</i>”. + Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định ưu đãi đầu tư theo dự án¹⁷, theo đó, đề nghị làm rõ quy định khoản 1 Điều 14 Nghị quyết quy định áp dụng ưu đãi <u>cho hoạt động</u> mua bán tín chỉ các-bon hay ưu đãi <u>cho dự án đầu tư</u> tạo tín chỉ các-bon; đề nghị cân nhắc xem xét ưu đãi đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ giảm phát thải tạo tín chỉ các-bon trong phạm vi TTTC, không ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh, mua bán tín chỉ các-bon thuần túy. - Đối với quy định thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC (Khoản 5 Điều 14 dự thảo Nghị quyết): đề nghị Bộ KHĐT làm rõ đối tượng, phạm vi, tính đặc thù, cơ chế phối hợp giám sát đối với sàn giao dịch chuyên biệt; đồng thời Nghị quyết cần xác định rõ việc tổ chức giao dịch chứng khoán tại TTTC sẽ tách biệt với các Sở Giao dịch chứng khoán đang hoạt động hiện nay và chịu sự quản lý trực tiếp của các cơ quan quản lý TTTC để tránh trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động. - Đối với quy định áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại TTTC: triển khai nhiệm vụ được giao tại Khoản 2 Điều 2 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Luật Kế toán năm 2015¹⁸, Bộ Tài chính đã và	+ tiếp thu theo hướng chỉ quy định các chính sách ưu đãi cho hoạt động mua bán tín chỉ các-bon (là sản phẩm tài chính) mà không quy định đối với dự án đầu tư tạo tín chỉ các-bon (hoạt động đầu tư) để đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết. - Kiến nghị giữ nguyên nội dung tại dự thảo do: (i) nội dung này không chồng chéo với quy định tại Luật
--	---	--

¹⁷ Ứng dụng công nghệ cao, sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải,....

¹⁸ Giao Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán của Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; hướng dẫn đối tượng, phạm vi, thể thức, lộ trình và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán.

		đang triển khai nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn đối tượng, phạm vi, thể thức, lộ trình và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán. Tại Công văn số 14190/BTC-TCNH ngày 24/12/2024, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ KHĐT không đưa nội dung này vào Nghị quyết Quốc hội để tránh bị trùng chéo với quy định của Luật số 56/2024/QH15. Trường hợp Bộ KHĐT tiếp tục đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị Bộ KHĐT rà soát, đánh giá tác động của việc một doanh nghiệp có trụ sở tham gia TTTC áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, các đơn vị khác của doanh nghiệp không tham gia TTTC sẽ áp dụng chuẩn mực kế toán khác; dẫn đến việc không thống nhất trong áp dụng chuẩn mực kế toán của cùng một doanh nghiệp. - Đối với quy định về lĩnh vực bảo hiểm: đề nghị điều chỉnh nội dung Khoản 6 Điều 14 dự thảo Nghị quyết và điểm 2, mục 2.3.4 Phần V dự thảo Tờ trình Chính phủ thành: <i>“Tiếp tục đơn giản hóa quy trình, thủ tục và triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm”</i>, Thời gian thực hiện: <u>Giai đoạn 2 (2030-2035)</u> để phù hợp với Kết luận số 47-TB/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 259/NQ-CP của Chính phủ.	số 56/2024/QH15; (ii) việc có điều khoản riêng về cho phép áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính tại Nghị quyết là phù hợp với thông lệ quốc tế đối với các văn bản quy phạm pháp luật về TTTC nhằm tạo niềm tin và tính minh bạch về môi trường đầu tư kinh doanh đối với các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào TTTC. -Kiến nghị đẩy nhanh tiến độ xây dựng các chính sách và thời hạn thực hiện để phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị tại về việc “Lộ trình khung tại Đề án mang tính chất định hướng; quá trình thực hiện cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhanh nhất có thể, nếu thời cơ thuận lợi, thì có thể làm ngay, nhanh hơn các bước tiếp theo, không chờ theo thứ tự” và chỉnh lý theo hướng “áp dụng từ ngày 01/7/2026.
--	--	---	--

		g) Chính sách thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp - Đối với chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tại Điều 15 dự thảo Nghị quyết + Luật thuế TNCN hiện hành không quy định ưu đãi thuế áp dụng cho các đối tượng cụ thể. Điều 4 Luật thuế TNCN quy định miễn thuế đối với một số loại thu nhập nhằm mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội. Đối với việc giảm thuế TNCN, Điều 5 Luật thuế TNCN quy định giảm thuế TNCN trong trường hợp “<i>Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp</i>”. + Điều 15 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định miễn thuế TNCN đối với cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại TTTC và miễn thuế đến hết năm 2035 đối với các đối tượng không thuộc các trường hợp nêu trên là chưa hợp lý và dằn trải vì không phải tất cả những người lao động làm việc tại TTTC là đối tượng cần thu hút. Quy định này làm giảm đi vai trò của thuế TNCN là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách điều tiết, phân phối lại thu nhập, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội, hướng tới công bằng xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Chính sách ưu đãi thuế (nếu có) cần được áp dụng chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm hướng đến thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế. + Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế. + Điểm b khoản 1 Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: Các chính sách thuế, phí và lệ phí chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa	g) - Kiến nghị vẫn báo cáo cấp có thẩm quyền do : (i) các chính sách thuế đề xuất (bao gồm thuế TNCN và thuế TNDN) tại dự thảo được xây dựng dựa trên kinh nghiệm quốc tế về phát triển TTTC. Trong đó, có cân nhắc việc các chính sách ưu đãi tại TTTC của Việt Nam phải có tính cạnh tranh so với các TTTC trong khu vực; (ii) Đề án của Bộ Chính trị phê duyệt đã có các nội dung liên quan đến ban hành các chính sách ưu đãi vượt trội, trong đó có các chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút các nhà đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao cho TTTC.
--	--	--	--

	đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan. + Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân có liên quan về việc đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TNCN (thay thế). Trong số 07 nhóm chính sách (điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế; sửa đổi, bổ sung về các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ cũng như các khoản giảm trừ đặc thù khác khi xác định thu nhập tính thuế; điều chỉnh các mức thuế suất cũng như khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế của Biểu thuế lũy tiến từng phần; bổ sung các quy định về miễn, giảm thuế nhằm thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước đối với một số lĩnh vực ưu tiên...) trong đó có đề nghị việc giảm thuế TNCN thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào các lĩnh vực cần ưu tiên, dự kiến báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội. Trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cũng như tiến hành rà soát, đánh giá Luật thuế TNCN để báo cáo Chính phủ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung theo Chương trình xây dựng luật của Quốc hội, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, cũng như thông lệ quốc tế. Dự kiến dự án Luật thuế TNCN sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến trong năm 2025. Do đó, để đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như kế hoạch xây dựng pháp luật, đề nghị lược bỏ nội dung đề xuất cơ chế ưu đãi về thuế TNCN tại Điều 15 dự thảo Nghị quyết. <u>Khi Quốc hội thông qua dự án Luật thuế TNCN mới, trong đó có chính sách ưu đãi thuế TNCN đối với nhân lực chất lượng cao đang được đề xuất, người lao động làm việc tại TTTC là đối tượng nhân lực chất lượng cao sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNCN.</u> - Đối với chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Điều 16	
--	---	--

		+ Ngày 08/6/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, bổ sung dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 11/2024) và dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Theo đó, Bộ Tài chính đã xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) để trình Chính phủ, trình Quốc hội¹⁹. + Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy pháp luật thuế rất ít áp dụng các ưu đãi đặc thù đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, không ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư, giao dịch chứng khoán hoặc tài sản khác....Riêng đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản, pháp luật một số quốc gia yêu cầu phải hạch toán riêng và bị loại trừ, không được áp dụng ưu đãi. Ngoài ra, trong thời gian tới đây việc thực hiện Trụ cột 2 về thuế tối thiểu toàn cầu buộc nhiều quốc gia phải hạn chế việc mở rộng chính sách ưu đãi thuế TNDN để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, thay vào đó là chuyển sang áp dụng các biện pháp ưu đãi đầu tư ngoài thuế. Các công ty tài chính quốc tế có quy mô lớn thuộc đối tượng thu hút đầu tư của TTTC thường là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Trụ cột 2. Kể từ năm 2024, theo quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở toàn cầu, trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu có mức thuế suất thực tế thấp hơn mức thuế suất tối thiểu (15%) thì phải nộp tỷ lệ thuế bổ sung để bằng mức thuế suất tối thiểu. + Điều 16 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định: “1. Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ: thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.	
--	--	--	--

¹⁹ Tờ trình số 407/TTr-CP ngày 06/9/2024 và Tờ trình số 770/TTr-CP ngày 11/11/2024 về dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi)

		2. Đối với các dự án đầu tư khác vào TTTC, bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế...” là các mức ưu đãi cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế. Điều này chưa phù hợp với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, không đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm việc trên cùng địa bàn TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng. Do đó, đề nghị Bộ KHĐT cùng UBND TP Hồ Chí Minh và UBND TP Đà Nẵng căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ nghiên cứu đề xuất các ưu đãi đối với TTTC phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, cũng như thông lệ quốc tế. Việc đưa ra các nội dung cơ chế chuyên biệt, vượt trội hơn so với các quy định hiện hành để áp dụng khi chưa có đánh giá tác động cụ thể về tính hiệu quả của chính sách đặc thù và tính khả thi của việc thu hút đầu tư vào TTTC cần hết sức cân nhắc. h) Chính sách về khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho cơ quan quản lý TTTC (Điều 18) - Khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị quyết quy định: “Mức lương cơ sở áp dụng đối với các bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC quốc tế được thực hiện không quá 3 lần so với mức lương cơ sở theo quy định tại thời điểm ban hành”. - Các Nghị quyết của Quốc hội số 98/2023/QH15, số 136/2024/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng đã quy định đặc thù về thu nhập, tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức của 02 thành phố. Theo đó, đề nghị Bộ KHĐT và UBND TP Hồ Chí Minh, UBND TP Đà Nẵng bám sát Nghị quyết số 27-NQ/TW, các Nghị quyết của Quốc hội, yêu cầu thực tiễn để đề xuất chế độ tiền lương phù hợp trong cơ quan quản lý TTTC, tổng hợp ý kiến của Bộ Nội vụ để báo cáo cấp thẩm quyền đảm bảo tương quan tiền lương với các đối tượng khác.	h) Kiến nghị vẫn giữ nội dung này tại dự thảo để cho phép Chính quyền các địa phương thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (bao gồm cả các chuyên gia quốc tế) phục vụ phát triển bộ máy quản lý hành chính của các địa phương đối với TTTC.
--	--	--	---

		i) Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược (Điều 19) - Điểm d Khoản 2 Điều 19 quy định nhà đầu tư chiến lược: “<i>được tham gia lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại TTTC</i>”. Đề có cơ sở cho các Bộ, ngành, cơ quan tham gia ý kiến, đề nghị: (i) làm rõ các loại hình quy hoạch quy hoạch tại quy định nêu trên; (ii) quy định cụ thể cơ chế đặc thù (khác so với quy định hiện hành) về cách thức, trình tự, thủ tục tham gia của nhà đầu tư chiến lược trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch tại TTTC, hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này - Điều 7 Nghị quyết số 98/2023/QH15 và Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 đã có quy định về ngành nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược tại TP Hồ Chí Minh và tại TP Đà Nẵng. Do đó, đề nghị Bộ KHĐT chủ trì, phối hợp với UBND TP Hồ Chí Minh, UBND TP Đà Nẵng rà soát quy định tại Nghị quyết 98/2023/QH15 và Nghị quyết 136/2024/QH15 để đề xuất các nội dung về chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược tại TTTC với nguyên tắc cùng một nội dung thì không quy định ở nhiều văn bản khác nhau, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp quy định của pháp luật và khả thi trong tổ chức thực hiện. k) Về nguồn lực đầu tư xây dựng TTTC và vốn đầu tư từ nguồn NSNN (Điều 22) - Về nguồn vốn đầu tư xây dựng TTTC: Nghị quyết số 259/NQ-CP của Chính phủ đã xác định nguồn lực xây dựng TTTC có nguồn vốn ODA, vốn hỗ trợ và vay ưu đãi. Theo đó, đề nghị rà soát bổ sung quy định nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi và vốn hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết Quốc hội theo chỉ đạo tại Nghị quyết 259/NQ-CP để có cơ sở thực hiện. - Đối với vốn đầu tư từ NSNN (Điều 22 dự thảo Nghị quyết Quốc hội) + Đề nghị điều chỉnh nội dung tại Khoản 1 Điều 22 như sau: “<i>Việc huy động vốn đầu tư phát triển hệ thống giao thông kết nối khu vực và quốc</i>	i) Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, sau đó giao Chính phủ quy định cụ thể. -Việc ban hành chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược tại TTTC là cần thiết để thu hút được các nhà đầu tư có ảnh hưởng tham gia phát triển các TTTC của ta thông qua đóng góp cả nguồn lực và tham vấn về chính sách. Theo đó, kiến nghị vẫn phải có các chính sách mang tính nguyên tắc đối với nhà đầu tư chiến lược trong TTTC. k) -Kiến nghị tiếp thu theo hướng không quy định chi tiết nội dung này mà giao Chính phủ, các địa phương triển khai các nội dung cụ thể. Đối với các nội dung liên quan đến đánh giá tác động của chính sách đối với
--	--	---	---

	tế, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường trong TTTC khu vực và quốc tế thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), vốn đầu tư từ quỹ đất, vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này và các phương thức huy động vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.” + Đối với đề xuất tại điểm a Khoản 2: “Cho phép để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn TTTC trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi TTTC quốc tế được thành lập để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình bảo vệ môi trường quan trọng trong TTTC quốc tế”: Điều 35, Điều 37 Luật NSNN đã quy định cụ thể các khoản thu NSTW hưởng 100%, các khoản thu NSDP hưởng 100%, và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa NSTW và NSDP; Điều 30 Luật NSNN quy định việc chi ngân sách của Thành phố do HĐND Thành phố quyết định. Theo đó đề nghị đánh giá cụ thể tình hình thực tế của địa phương để có cơ sở đề xuất chính sách thu, chi trên địa bàn TTTC cho phù hợp. + Đối với đề xuất tại điểm c Khoản 2: “Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng không vượt quá 70% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp”: theo quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH1 và Nghị quyết số 136/2024/QH15, mức dư nợ vay của 02 thành phố đã được nâng lên mức không quá 120% đối với TP Hồ Chí Minh và không quá 80% đối với TP Đà Nẵng. Theo đó, đề nghị Bộ KHĐT cân nhắc bỏ quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị quyết do mức dư nợ vay này vẫn nằm trong hạn mức nợ đã được Quốc hội quyết định theo cơ chế đặc thù, đồng thời, việc cùng quy định về mức dư nợ vay của 02 thành phố ở 02 văn bản sẽ tạo ra sự chồng chéo, vướng mắc khi thực hiện. - Đối với quy định tại Khoản 3 và Khoản 4: Pháp luật hiện hành về đầu tư, đầu tư công không có quy định nhà đầu tư ứng trước vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác, chỉ có quy định: nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ	NSNN, Bộ KHĐT đã phối hợp với các địa phương đánh giá tác động sơ bộ tại các tài liệu trình kèm theo.
--	---	--

		trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp hoặc tính vào chi phí đầu tư của dự án (Điều 94 Luật Đất đai). Do đó, đề nghị đề xuất quy định cụ thể cơ chế đặc thù (khác so với quy định hiện hành) về phương thức, trình tự, thủ tục,...đối với vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư và phương thức hoàn trả số vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết nội dung này. Đồng thời, đề nghị sửa lại khoản 3 như sau: “Nhà đầu tư được phép ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan ngoài hàng rào dự án đầu tư <u>thuộc phạm vi ranh giới của TTTC khu vực và quốc tế</u>”. 3. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách Đối với việc đánh giá tác động chính sách trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, kế toán, giao dịch tín chỉ các-bon, Bộ Tài chính đã cung cấp thông tin tại Công văn số 7705/BTC-TCNH ngày 24/07/2024, Công văn số 9577/BTC-TCNH ngày 10/9/2024, Công văn số 14190/BTC-TCNH ngày 24/12/2024, đề nghị Bộ KHĐT tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính tại các văn bản này để báo cáo cấp có thẩm quyền. Bộ Tài chính cung cấp bổ sung thông tin và các đánh giá tác động đối với một số chính sách được phân công nghiên cứu tại Phụ lục đính kèm.	
14	UBND Thành phố Đà Nẵng (476/UBND-SKHĐT ngày 22/1/2025)	1. Tại Điều 4. Nguyên tắc, chính sách xây dựng TTTC quốc tế, kính đề nghị bổ sung 02 nguyên tắc như sau: - Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo các cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành; - Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do HĐND cấp tỉnh các địa phương có TTTC quyết định.	1. Đã tiếp thu.

	<i>Lý do: Tại khoản 1 Điều 31. Điều khoản thi hành có nêu “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành trong thời gian 10 năm”.</i> 2. Tại Điều 7. Về các cơ quan quản lý TTTC Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội đã xác định các cơ quan quản lý TTTC gồm: Ủy ban quản lý, điều hành; Ủy ban giám sát tài chính và Trung tâm trọng tài quốc tế; đồng thời quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu các phòng, ban trực thuộc của các cơ quan này nhưng chưa quy định cụ thể về cơ cấu thành viên (chẳng hạn: các thành viên bắt buộc, thành viên là cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước (kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm) và các thành viên là chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học làm việc theo hình thức tuyển dụng...) và mối quan hệ của các cơ quan này với chính quyền địa phương (HĐND, UBND các thành phố) và chính quyền Trung ương (Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể nội dung này tại Điều 7, 8, 9 của dự thảo Nghị quyết hoặc giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể khi quyết định thành lập TTTC quy mô khu vực và quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng. 3. Tại Điều 11. Thành viên TTTC: Đối tượng đăng ký trở thành thành viên TTTC, đề nghị bổ sung thêm đối tượng là các công ty công nghệ. Đây là đối tượng quan trọng để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ tài chính (fintech). 4. Tại Điều 12. Chính sách tiền tệ, ngân hàng và quản lý ngoại hối: - Tại khoản 3, Điều 12, bổ sung nội dung cho phép các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài có uy tín đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vốn Basel III (do cơ quan quản lý TTTC ban hành tiêu chí lựa chọn) khi thành lập Công ty con tại TTTC để cung cấp dịch vụ ngoại hối cho người không cư trú được miễn, giảm áp dụng các điều kiện cấp phép áp dụng cho việc	2. Đã tiếp thu tại dự thảo theo hướng chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc; việc quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ hoặc việc bổ sung các Cơ quan quản lý chuyên ngành phù hợp với điều kiện thực tế và thực tiễn phát triển của các TTTC tại các địa phương sẽ phân cấp nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình triển khai. 3. Kiến nghị tiếp thu theo hướng quy định “các công ty công nghệ tài chính” để đảm bảo phù hợp với đối tượng ưu tiên chính sách của TTTC như tại Đề án trình Bộ Chính trị. 4. -Đã tiếp thu.
--	--	--

		thành lập tổ chức tín dụng và miễn, giảm tuân thủ các quy định về an toàn vốn áp dụng cho các tổ chức tín dụng. - Tại khoản 6, Điều 12, đề nghị cân nhắc không đưa lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) triển khai tại TTTC vì đây không phải là cơ chế ưu đãi, mà sẽ trở thành điều kiện gia nhập thành viên. Hiện nay, UBND thành phố Đà Nẵng đang xây dựng Đề án thành lập Khu Thương mại tự do Đà Nẵng, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Dubai áp dụng chính sách tự do ngoại hối toàn diện bao gồm cho phép chuyển lợi nhuận về nước tại các trung tâm kinh tế như: Dubai International Financial Centre (DIFC) và các khu tự do JAFZ, DAFZ, nơi giao dịch ngoại tệ được tự do và không hạn chế. Tuy nhiên, điều này chỉ khả thi trong điều kiện các quốc gia có hệ thống kiểm soát tài chính chặt chẽ, dự trữ ngoại hối lớn và năng lực giám sát tốt như UAE. Do đó, kính đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung đối với nội dung chính sách quản lý ngoại hối, Cho phép nhà đầu tư nước ngoài tại Khu TMTD được chuyển lợi nhuận về nước thông qua TTTC mà không phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến quy định về quản lý ngoại hối. 5. Tại Điều 13. Chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech): Chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đề nghị cân nhắc điều chỉnh thành “chính sách thử nghiệm có kiểm soát đối với ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính” vì các sandbox cho fintech không chỉ bao gồm các mô hình kinh doanh cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng mà còn có đối tượng là các giải pháp, nền tảng công nghệ do các công ty công nghệ thử nghiệm để cung cấp cho các định chế, công ty tài chính.	-Kiến nghị không tiếp thu do đây là chính sách nhằm phát triển các hoạt động ngân hàng, phù hợp với phạm vi của Điều này. Đối với đề xuất cho phép nhà đầu tư tại Khu TMTD được chuyển lợi nhuận về nước thông qua TTTC mà không phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến quy định về quản lý ngoại hối, kiến nghị không tiếp thu do chưa phù hợp với quy định về giao dịch giữa thành viên TTTC với chủ thể tại nước ngoài tại dự thảo. 5. -Về tên, kiến nghị không tiếp thu để đảm bảo tương thích với nội hàm chính sách nhằm khuyến khích phát triển các hoạt động kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính, trong đó được hiểu là bao gồm cả các đối
--	--	--	---

		- Tại Điều 13, chính sách sandbox cho fintech, đề nghị bổ sung quy định về miễn trừ trách nhiệm. Trong đó, có thể xem xét: (i) tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát và người hướng dẫn, kiểm soát được miễn trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm kỷ luật; (ii) được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện thử nghiệm có kiểm soát do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về thử nghiệm. Trong trường hợp gây ra thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật và được HĐND cấp tỉnh của địa phương đặt TTTC xem xét, hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường từ ngân sách thành phố trên cơ sở tính chất, mức độ thiệt hại, khả năng cân đối ngân sách của địa phương. - Xem xét, bổ sung các chính sách: (i) Các Tổ chức kinh tế khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực Fintech hoạt động tại TTTC được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi áp dụng đối với tổ chức hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc các ưu đãi cao hơn đối với hoạt động đổi mới sáng tạo theo quy định của Chính phủ; (ii) Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn ngân sách địa phương chi phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực Fintech gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; (iii) Cho phép Ủy ban quản lý, điều hành TTTC được thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp trước thời hạn. Dựa trên báo cáo tự đánh giá, tổng kết của tổ chức thử nghiệm cùng quá trình theo dõi, giám sát và đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định, Ủy ban quản lý, điều	tượng là doanh nghiệp kinh doanh giải pháp, nền tảng công nghệ cho các định chế tài chính. -Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu.
--	--	--	---

	hành TTTC gửi báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia thử nghiệm, là căn cứ để các tổ chức triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật. 6. Tại Điều 14. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn. Đề nghị xem xét thành viên trong TTTC được quyền: (i) có thể thành lập doanh nghiệp cho mục đích đặc thù trong TTTC để huy động vốn cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tổ chức trong nước đó hoặc các công ty con của Tổ chức trong nước đó; (ii) không phải tuân thủ các quy định về khoản vay nước ngoài, đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp theo quy định về quản lý ngoại hối hoặc phân cấp thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh/khu vực đặt TTTC. Đây là chính sách tạo thuận lợi về thủ tục hành chính để các doanh nghiệp trong nước tiếp cận nguồn vốn quốc tế. Nguồn vốn được huy động phải là nguồn vốn tài trợ trung hạn hoặc dài hạn bao gồm tài trợ vốn dưới hình thức nợ hoặc vốn chủ sở hữu hoặc các công cụ đầu tư khác được phép tại TTTC. 7. Tại Điều 15. Chính sách thuế thu nhập cá nhân - Vợ, chồng là người nước ngoài của các cá nhân làm việc cho các doanh nghiệp hoạt động trong TTTC được hưởng thuế suất thuế thu nhập cá nhân bằng với chồng, hoặc vợ của mình. Cá nhân người nước ngoài làm việc tại TTTC không bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và không phải nộp phí công đoàn. Miễn thuế thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư và giao dịch chứng khoán hay tài sản (không phải là bất động sản) tại TTTC. 8. Tại Điều 17. Chính sách về xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại và tạm trú - Cho phép miễn thị thực nhập cảnh với thời hạn tối đa [ba] tháng đối với các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán hoạt động tại TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam [với số dư trung bình tối thiểu [30.000] USD] hoặc số dư khác cao hơn do Ủy ban quản lý quyết định. Cá nhân nước ngoài là nhân viên của các tổ chức hoạt động tại TTTC khu	6. Đã tiếp thu. 7. Kiến nghị không tiếp tục nội dung này do người thân của chuyên gia, cá nhân làm việc cho các Thành viên TTTC không phải là đối tượng ưu đãi đầu tư. 8. Kiến nghị không tiếp thu để phù hợp với ý kiến của Bộ Công an về nguyên tắc áp dụng các chính sách về miễn thị thực đối với công dân nước ngoài chung của Việt Nam.
--	---	--

vực và quốc tế tại Việt Nam được miễn cấp giấy phép lao động, và miễn xác nhận nhu cầu lao động nước ngoài. Cá nhân nước ngoài là nhân viên của các tổ chức hoạt động tại TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam, vợ, chồng và con chưa thành niên của các cá nhân này được cấp thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú dài hạn. Quy định này không áp dụng với cá nhân nước ngoài thực hiện các công việc lao động giản đơn do các Ủy ban quản lý trong TTTC quy định vào từng thời điểm.

- Cá nhân nước ngoài sở hữu bất động sản hoặc các tài sản (bao gồm cả chứng khoán, tiền gửi) có giá trị ít nhất là [250.000] USD hoặc có giá trị cao hơn do Thủ tướng quy định tại TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam (trực tiếp hoặc thông qua công ty do mình kiểm soát) được cấp thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú dài hạn.

9. Tại Điều 18. Chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Đề nghị bổ sung các chính sách:

(i) Ủy ban quản lý, điều hành được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài nhằm thu hút tài năng trong lĩnh vực tài chính về làm việc. Cho phép Ủy ban quản lý, điều hành TTTC tự xác định nhu cầu, tiêu chí và điều kiện của đối tượng người lao động cần thu hút. Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ phát triển và thu hút nguồn nhân lực, chuyên gia, cán bộ quản lý, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo theo từng giai đoạn.

(ii) Đối với các trường hợp người lao động nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép lao động: tạo điều kiện cấp hoặc miễn giấy phép lao động cho lao động nước ngoài có chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính vào làm việc tại TTTC, trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Thời hạn của Giấy phép lao động sẽ có thời hạn dài hơn thời hạn tối đa là 02 năm theo quy định hiện hành đối với các trường hợp thuộc diện phải có Giấy phép lao động.

(iii) Áp dụng cơ chế lương thỏa thuận với mức lương tương xứng với công việc được giao và khả năng cân đối ngân sách của từng thành phố. Trong đó, mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC

9. Đã tiếp thu theo hướng quy định một số nội dung mang tính nguyên tắc về việc cho phép các Cơ quan quản lý TTTC tự chủ trong quá trình xác định nhu cầu, tiêu chí, quản lý biên chế, và chi trả lương đối với nguồn nhân lực phục vụ duy trì hoạt động của các Cơ quan này. Đối với các nội dung cụ thể, kiến nghị phân cấp cho các địa phương.

quốc tế được thực hiện không quá 03 lần so với mức lương cơ sở theo quy định tại thời điểm ban hành Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

10. Tại Điều 18 (dự thảo viết nhằm Điều 18): Chính sách về lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội trong TTTC quốc tế

Đề xuất cơ chế để Ủy ban quản lý, điều hành TTTC được quy định thời gian làm việc sớm hơn hoặc muộn hơn so với giờ làm việc bình thường ngoài TTTC để thống nhất với thời gian mở cửa đóng cửa của các TTTC khu vực trên thế giới, tận dụng lợi thế về chênh lệch múi giờ với các TTTC khác phù hợp với chiến lược phát triển theo từng thời kỳ.

- Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội giao Ủy ban quản lý, điều hành TTTC quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề (khoản 2 Điều 18a); quyết định tiêu chí và chính sách hỗ trợ thu hút đối với cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại TTTC (khoản 3 Điều 18a); quyết định sử dụng vốn đầu tư phát triển của nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động (khoản 5 Điều 18b).

Các thẩm quyền nêu trên theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công thuộc thẩm quyền quy định hoặc quyết định của HĐND thành phố.

Trường hợp cơ quan soạn thảo xác định một số nội dung tại Nghị quyết này được quy định khác với quy định hiện hành, nhất là về thẩm quyền quy định mức chi, quyết định phân bổ dự toán để tạo thuận lợi cho việc vận hành của TTTC thì đề nghị bổ sung điều khoản áp dụng pháp luật tại Chương V theo hướng: “Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định” để có cơ sở triển khai thực hiện.

10. Kiến nghị không tiếp thu mà phân cấp cho các TTTC quy định chi tiết các nội dung này, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của các TTTC. Đối với nội dung về việc xác định văn bản ưu tiên áp dụng, khoản 5, Điều 5 dự thảo đã quy định: “Các quy định tại của Nghị quyết này khác với các quy định hiện hành của Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội thì thực hiện theo quy định tại của Nghị quyết này, trừ trường hợp Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực quy định thuận lợi hơn cho đối tượng bị tác động thì thực hiện theo quy định thuận lợi hơn đó. Các quy định không nêu tại của Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan”.

		11. Tại Điều 19. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược <i>1. Về điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược:</i> - Là Một nhà đầu tư hay một liên doanh các nhà đầu tư có lợi thế về vốn, đa dạng hoạt động và có khả năng thu hút các nhà đầu tư các định chế tài chính lớn đến TTTC Việt Nam; Có kinh nghiệm phát triển và hoạt động tại các TTTC hàng đầu thế giới đặc biệt là nhà đầu tư Anh, Mỹ, Dubai... - <i>Đảm bảo có Quy mô đầu tư phát triển TTTC Việt Nam:</i> Tại Hồ Chí Minh: tối thiểu [xx] tỷ USD. Tại Đà Nẵng Tối thiểu: 4-5 tỷ USD. <i>Nhà đầu tư chiến lược có quyền:</i> Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng bổ sung chính sách áp dụng phát triển và mở rộng TTTC tại Việt Nam. <i>3. Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ sau đây:</i> 3.1. Tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chủ trương đầu tư; 3.2. Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chủ trương đầu tư; 3.3. Quảng bá TTTC và thu hút đầu tư đối với các định chế tài chính hoạt động đa quốc gia, các tổ chức cung ứng dịch vụ liên quan có uy tín toàn cầu và năng lực đến thiết lập hiện diện thương mại tại TTTC với mục tiêu thu hút các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới theo danh sách của Fortune Global 500 thành lập Tổ chức Kinh tế TTTC tại TTTC. Phạm vi cam kết chính xác của Nhà đầu tư chiến lược theo điểm này bao gồm số lượng mục tiêu các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới sẽ được đề cập trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cấp cho Nhà đầu tư chiến lược; 3.4. Cung cấp các dịch vụ theo cam kết; 3.5. Đầu tư vào các ngành, lĩnh vực được ưu tiên phát triển của Việt Nam; 3.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô lớn để phát triển TTTC tại TP. HCM và Đà Nẵng, bao gồm các khu phức hợp và hệ sinh thái để thu hút các định chế tài chính, các công ty đa quốc gia, chuyên gia, người lao động, doanh nhân quốc tế đến sinh sống và làm việc tại các TTTC khu vực và	11. Kiến nghị không quy định chi tiết như tại Dự thảo hoặc theo kiến nghị mà chỉ nêu các nội dung về nguyên tắc áp dụng và giao các TTTC chủ động xác định tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo thẩm quyền.
--	--	---	---

	quốc tế tại Việt Nam. TTTC sẽ là khu phức hợp hiện đại có đủ tiện ích để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, hoạt động, giải trí, nhu cầu sinh hoạt của các nhà đầu tư đăng ký thành lập và hoạt động tại TTTC, của người làm việc và khách ra vào TTTC. 3.7. Trong thời hạn 10 năm, nhà đầu tư chiến lược không được phép chuyển nhượng toàn bộ Dự án phát triển hạ tầng TTTC dưới bất kỳ hình thức nào trực tiếp hoặc gián tiếp trừ khi Nhà đầu tư chiến lược hoàn thành đầy đủ các cam kết quy định tại Điều này. 12. Tại Điều 20. Chính sách về đất đai trong TTTC Cho phép các nhà đầu tư được thuê đất tối đa 70 năm, được gia hạn làm nhiều lần nhưng không quá 70 năm cho mỗi lần gia hạn đối với dự án có quy mô lớn và thời gian thu hồi vốn chậm trong TTTC. 13. Tại Điều 22. Chính sách phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội TTTC. - Đối với việc để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn TTTC trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi TTTC được thành lập để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình bảo vệ môi trường quan trọng trong TTTC, thành phố thống nhất với nội dung này. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực, nhất là khi việc hình thành TTTC bên cạnh yêu cầu về hạ tầng trong TTTC còn đòi hỏi các điều kiện khác về hạ tầng của thành phố nơi đặt TTTC để đảm bảo sự liên thông, đồng bộ về hạ tầng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh theo hướng: “Cho phép để lại toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn TTTC trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi TTTC quốc tế được thành lập để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng trong TTTC quốc tế và các công trình hạ tầng tại địa khác tại địa phương có vai trò quan trọng trong việc phát triển TTTC quốc tế đó”. - Liên quan đến mức dư nợ vay của ngân sách thành phố để đầu tư hạ tầng trong TTTC, dự thảo có nêu: “mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng không vượt quá 70% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp” (điểm c khoản 2).	12. Đã tiếp thu. 13. Đã tiếp thu. Đối với các nội dung liên quan đến mức dư nợ vay của ngân sách địa phương, kiến nghị không quy định tại Nghị quyết.
--	---	---

	Hiện nay mức dư nợ vay tối đa của ngân sách thành phố Đà Nẵng là 80% thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15. Do đó, để làm rõ nội dung này, đề nghị điều chỉnh theo hướng: “Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng của TTTC không vượt quá 70% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp”. - Tất cả các khoản thu thuế phát sinh từ việc vận hành và các hoạt động của TTTC (sau khi khấu trừ chi phí hoạt động và tiền lương của các Ủy ban quản lý và nhân viên của các Ủy ban quản lý hoạt động trong TTTC) sẽ được để lại TP. HCM và Đà Nẵng và được sử dụng nguồn thu này để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. 14. Tại Điều 23. Chính sách xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ trong TTTC. Đề nghị xem xét giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu để hình thành tài sản cố định của các dự án trong TTTC. II. Một số chính sách cần nghiên cứu bổ sung: Kính đề nghị xem xét bổ sung các chính sách tại Chương III của dự thảo Nghị quyết như sau: 1. Nghiên cứu bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ quy định ngành nghề kinh doanh tại TTTC gồm: ngành nghề tài chính và ngành nghề phi tài chính để hỗ trợ phát triển TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. 2. Nghiên cứu bổ sung chính sách bảo vệ, an toàn tài chính và tăng cường quan hệ quốc tế. Tạo ra các Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư: Thành lập các quỹ bảo vệ nhà đầu tư quốc tế và trong nước nhằm đảm bảo an toàn tài chính, đồng thời nâng cao niềm tin của các nhà đầu tư. Kiểm soát rủi ro, thiết lập các cơ chế kiểm soát rủi ro hiệu quả nhằm giảm thiểu sự biến động của thị trường tài chính, bảo vệ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tăng cường giám sát và bảo mật: Đưa ra các chính sách bảo mật và giám	14. Đã tiếp thu 1. Đã bổ sung 2. Đối với các chính sách còn lại, đã nghiên cứu bổ sung phù hợp với dự thảo Nghị quyết. Bộ KHĐT kiến
--	---	--

	sát chặt chẽ các hoạt động tài chính để đảm bảo hệ thống tài chính quốc gia và các TTTC quốc tế không bị đe dọa bởi các hoạt động gian lận hay rủi ro từ thị trường quốc tế. Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, tăng cường bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài và đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong các giao dịch tài chính. Thúc đẩy quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế: Tăng cường hợp tác với các tổ chức như IMF, WB, ADB để hỗ trợ và cung cấp kiến thức chuyên môn cho sự phát triển của TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. Quảng bá và giới thiệu Việt Nam như một TTTC quốc tế: Xây dựng chiến lược quảng bá và marketing để thu hút sự chú ý của các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà đầu tư. 3. Nghiên cứu bổ sung chính sách về thị trường chứng khoán cho hoạt động TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. 4. Nghiên cứu về chính sách huy động vốn đối với doanh nghiệp nội địa, Doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. 5. Nghiên cứu bổ sung quy định và chính sách về sở hữu trí tuệ cho các thành viên TTCC trên lĩnh vực công nghệ. 6. Nghiên cứu về chính sách bất động sản đối với chuyên gia, nhà đầu tư người nước ngoài được sở hữu tài sản, bất động sản, công trình thuộc khu TTTC hoặc các bất động sản khác ngoài khu TTTC (theo tỷ lệ giới hạn) để thúc đẩy việc ổn định sinh sống và làm việc tại Việt Nam. 7. Nghiên cứu bổ sung chính sách cho chính quyền thành phố vay vốn ưu đãi để phát triển hạ tầng từ nguồn vốn tại TTCC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. 8. Nghiên cứu bổ sung quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. 9. Nghiên cứu chính sách quản lý dữ liệu và hỗ trợ phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ TTTC. 10. Nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách phát triển hệ sinh thái hỗ trợ TTTC. III. Đối với nội dung dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng Nghị quyết Về cơ bản thống nhất với dự thảo Tờ trình, sự cần thiết xây dựng Nghị quyết, mục đích, quan điểm xây dựng, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, thời	ngợi tiếp cận quá trình xây dựng Nghị quyết nhằm ban hành chính sách khung để phát triển TTTC, việc lựa chọn các sản phẩm đặc thù, phù hợp với lợi thế của từng địa phương trong quá trình phát triển TTTC sẽ là mấu chốt trong quá trình triển khai để đảm bảo các TTTC phát triển thành công.
--	--	--

		gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết và đề nghị bổ sung các chính sách trên cơ sở tiếp thu các nội dung dự thảo Nghị quyết.	
15	Tòa án Nhân dân Tối cao (40/TANDTC-PC ngày 11 tháng 2 năm 2025)	1. Về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam Tòa án nhân dân tối cao nhất trí với chủ trương đề nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam và thống nhất với dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết; dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách về xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. 2. Về Đề cương dự thảo Nghị quyết Khoản 6 Điều 28 Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định “Tòa án nhân dân tối cao chủ trì hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc TTTC”, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau: Theo quy định tại khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 28 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Trọng tài; Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; Bộ Tư pháp công bố danh sách Trọng tài viên trên cơ sở Trung tâm trọng tài gửi danh sách Trọng tài viên và những thay đổi về danh sách Trọng tài viên (<i>Điều 15. Quản lý nhà nước về Trọng tài; Điều 24. Điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài; Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm trọng tài</i>). Vì vậy, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, dự thảo Nghị quyết quy định Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan “chủ trì hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trọng tài quốc tế tại TTTC” là chưa thật phù hợp với quy định của Luật Trọng tài thương mại. Tại Công văn số 251A/TANDTC-PC ngày 30/12/2024 gửi Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao đã “<i>đề nghị Chính phủ chuyển nhiệm vụ chủ trì xây dựng Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC về Bộ Tư pháp</i>”.	1. 2. Đã tiếp thu.

16	Bộ Tư pháp (680/BTP-PLDSKT ngày 14 tháng 2 năm 2025 và ý kiến tại cuộc họp ngày 18/02/2025)	1. Về sự cần thiết ban hành văn bản Ngày 15/11/2024, Ban Chấp hành Trung ương đã có Thông báo số 47-TB/TW thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về việc xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam; trong đó, Bộ Chính trị đã có ý kiến: “<i>Giao Ban cán sự Đảng Chính phủ... phối hợp Đảng đoàn Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật (trước mắt là Nghị quyết của Quốc hội) về TTTC quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, khung chính sách và giao Chính phủ ban hành văn bản phù hợp hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể, phát sinh</i>”. Ngày 31/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 259/NQ-CP ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo số 47-TB/TW; trong đó có nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về TTTC: “<i>Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC</i>”. Với các lý do nêu tại Mục I dự thảo Tờ trình, việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam là cần thiết và phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị tiếp tục rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết theo hướng các nhóm chính sách, nội dung chính sách chỉ quy định những nội dung nguyên tắc, tính chất chung, xây dựng khung chính sách và giao Chính phủ ban hành văn bản phù hợp hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể, phát sinh, đảm bảo phù hợp, bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW. 2. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị xây dựng Nghị quyết Điều b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “<i>Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: c) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>”. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị	1. Đã tiếp thu
----	--	--	----------------

định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024) quy định các trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: “*Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật*”.

Từ các quy định nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam thuộc trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024) yêu cầu Bộ, cơ quan ngang bộ lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi kèm Văn bản số 88/BKHĐT-ĐTNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cơ bản đã đầy đủ các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Tuy nhiên, để có đầy đủ cơ sở thông tin thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện chất lượng của hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội, nhất là Tờ trình và xây dựng Báo cáo đánh giá tác động, đánh giá kỹ, đầy đủ, toàn diện các tác động của chính sách đến an ninh, chính trị, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ theo đúng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024).

3. Về nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết

3.1. Về nội dung dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để đảm bảo thống nhất nội dung đã báo cáo Bộ Chính trị và

	Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024 thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về việc xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam. Tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các nội dung nhận diện cơ chế, chính sách có tính chất đột phá tại hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết theo hướng: Giải pháp nào là giải pháp mới, giải pháp đặc thù, giải pháp vượt trội so với quy định pháp luật hiện hành, làm cơ sở cho việc đánh giá tác động. 3.2. Về nội dung các chính sách Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các đề xuất, nội dung chính sách đã báo cáo Bộ Chính trị tại Tờ trình số 532-TTr/BCSD ngày 04/11/2024 của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về: (i) Phạm vi phát triển TTTC; (ii) Đối tượng áp dụng chính sách trong TTTC; (iii) Số lượng và mô hình, cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC; (iv) Các chính sách áp dụng (Xây dựng hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp/dăng ký thành viên; Ưu tiên sử dụng ngôn ngữ giao dịch là tiếng Anh; Khuyến khích, đơn giản hoá quy trình, thủ tục đối với các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC; Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn; Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC; Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính; Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC; Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC) để đề xuất cụ thể các chính sách được quy định tại Nghị quyết của Quốc hội (liệt kê từng vấn đề cần giải quyết: xác định vấn đề, mục tiêu giải quyết vấn đề, các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Trong đó, đề nghị cân nhắc một số vấn đề sau: a) Tại Mục V dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đang xây dựng theo nhóm chính sách. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xác định cụ thể từng chính sách đề xuất với định hướng, giải pháp để giải	3. 3.1. Đã tiếp thu. 3.2. Đã tiếp thu theo hướng phân thành các nhóm chính sách lớn, từ đó dự thảo Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, sau đó phân cấp triển khai.
--	--	---

quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu của chính sách để tạo thuận lợi cho việc thể chế hóa chính sách, cụ thể hóa trong quá trình xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

b) Về nhóm chính sách 1, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định tên gọi của chính sách; rà soát mục tiêu chính sách và nội dung của chính sách đang có sự trùng lặp, chưa thống nhất.

- Tại mục V.1.3.2 (trang 6) dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất quy định thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC khu vực và quốc tế: *“Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập TTTC khu vực và quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng”*. Mục tiêu xây dựng chính sách nhằm xác định và áp dụng các chính sách đặc thù, ưu đãi vượt trội trong khu vực TTTC. Do đó, đề khẳng định sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng và Nhà nước của việc thành lập TTTC quốc tế và khu vực, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định việc thành lập các TTTC ngay tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, đảm bảo tính tập trung, thống nhất, hiệu quả, phù hợp về thẩm quyền.

- Bên cạnh đó, tại mục V.1.3.2 (trang 6) dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất quy định thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC khu vực và quốc tế: *“Ban Chỉ đạo về TTTC khu vực và quốc tế thành lập hội đồng thẩm định, do cơ quan thường trực Ban chỉ đạo làm đầu mối để thẩm định đề án thành lập TTTC, báo cáo Thủ tướng Chính phủ”*. Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành, Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ, quyền hạn giúp Thủ tướng Chính phủ: *“1. Nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành; 2. Chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức liên quan trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành”*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định Ban Chỉ đạo (là tổ chức phối hợp liên ngành) có chức năng tư vấn, tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ được thành lập hội đồng thẩm định, đảm bảo phù hợp về thẩm quyền.

- Về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC, đề nghị cơ quan chủ trì

		soạn thảo rà soát, bổ sung nội dung về tính chất đặc thù, vượt trội trong tổ chức và hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế (về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp, khả năng thực thi phán quyết trọng tài) tại dự thảo Tờ trình, bám sát nội dung Đề án thành lập TTTC quốc tế và khu vực đã báo cáo Bộ Chính trị. - Hiện nay, thực hiện ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về <i>“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”</i>, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước trong TTTC tại Nghị quyết. b) Về nhóm chính sách 2, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tách các chính sách áp dụng đối với TTTC thành các chính sách cụ thể; trên cơ sở đó, đề xuất mục tiêu, giải pháp thực hiện đối với từng chính sách, đảm bảo tính hiệu quả, khả thi. - Về nội dung chính sách liên quan đến Hệ thống đăng ký thành viên TTTC, đối tượng đăng ký trở thành thành viên TTTC là các tổ chức tín dụng, công ty tài chính... được phép thành lập và hoạt động tại TTTC. Như vậy, các tổ chức muốn đăng ký trở thành thành viên TTTC cần được	-Kiến nghị chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc tại Nghị quyết, trong đó có các quy định về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh nói chung bao gồm việc cho phép nhà đầu tư lựa chọn luật áp dụng và cơ chế tranh chấp, ngôn ngữ tranh chấp...; các nội dung chi tiết kiến nghị phân cấp cho Cơ quan phù hợp quy định.
--	--	--	--

	cấp phép thành lập và hoạt động tại TTTC. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ về điều kiện, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động đối với các tổ chức này tại TTTC và cân nhắc phương án xử lý đồng thời việc đăng ký trở thành thành viên của TTTC và đăng ký thành lập và hoạt động của tổ chức, đảm bảo tiết giảm thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục nhanh chóng, hiệu quả. Bên cạnh đó, tại Mục III.3.3 (trang 10) Tờ trình số 532-TTr/BCSD về đối tượng áp dụng chính sách trong TTTC, các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cách ứng xử đối với các tổ chức đã thành lập và có nhu cầu đăng ký trở thành thành viên và đặt hiện diện thương mại tại TTTC. - Về chính sách tiền tệ, ngân hàng, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất quy định: <i>“Thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong TTTC”</i>. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát nội dung Đề án thành lập TTTC và khu vực tại Việt Nam đã báo cáo Bộ Chính trị về việc chỉ thành lập hiện diện thương mại của các doanh nghiệp/thành viên hoạt động trong TTTC. - Về chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xác định phạm vi, nội dung của chính sách, nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết thuộc về thẩm quyền, chưa thể hiện được nội dung của chính sách này. - Về chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất liên quan đến việc thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC, phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm cho TTTC được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính được đơn giản hóa. Tuy nhiên, nội dung của chính sách chưa thể hiện được quy mô, mức độ của việc đơn giản hóa thủ tục hành chính để có cơ sở lượng hóa, thể chế hóa trong quá trình xây dựng, dự thảo Nghị quyết sau khi đề nghị xây dựng Nghị quyết được cơ quan có thẩm quyền xem xét, thông qua. - Về các chính sách khác như: chính sách về lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội, chính sách về đất đai, chính sách về thủ tục xây	-Đã tiếp thu, làm rõ tại dự thảo. -Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu tại dự thảo, đồng thời giao Chính phủ quy định một số nội dung chi tiết. -Nội dung chính sách được phân công cho Bộ Tài chính chủ trì triển khai (theo phân công tại Nghị quyết số 259/NQ-CP). Bộ KHĐT sẽ
--	---	--

	phủ và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội. Phần IV Mục 4. Nguyên tắc xây dựng chính sách tại Nghị quyết Đề xuất xem xét bổ sung nội dung: “Đảm bảo sự công bằng và tách biệt rõ ràng phạm vi hoạt động của các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế Việt Nam”. Phần V Mục 1. Nhóm chính sách 1: Quy định về số lượng, vị trí, cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ TTTC - Khoản 1.3.3. Các cơ quan quản lý TTTC: Đề nghị cần xác định mô hình hoạt động của các cơ quan quản lý TTTC để có thể áp dụng các cơ chế, chính sách tương ứng trong quá trình quản lý, hoạt động.	- Đã tiếp thu. - Bộ KHĐT đã báo cáo Bộ Chính trị về các nội dung nguyên tắc liên quan đến mô hình phát triển và quản lý TTTC. Theo đó, kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định chung về nguyên tắc 03 nhóm Cơ quan thiết yếu theo thông lệ quốc tế: (i) ủy ban quản lý, điều hành; (ii) ủy ban giám sát tài chính; (iii) Trung tâm trọng tài quốc tế; đồng thời, phân cấp cho các địa phương trong quá trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập các TTTC chủ động đề xuất mô hình hoạt động phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương mình.
--	---	---

	Phần V Mục 2. Nhóm chính sách 2: Các chính sách áp dụng đối với TTTC - Đề xuất xem xét bổ sung nội dung sau (in đậm): “Khoản 2.3.6. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp: - Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ: thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. - Đối với các dự án đầu tư khác vào TTTC, bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản: mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ... - Thu nhập từ dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC và của các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc danh sách 500 doanh nghiệp, tập đoàn lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Forbes của năm trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, quỹ đầu tư 100% vốn nước ngoài được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ngoài ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này.” Cơ sở đề xuất: Hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản là hoạt động thường xuyên của các tổ chức tài chính, đặc biệt là các quỹ đầu tư..., là hoạt động cần khuyến khích để tăng khối lượng giao dịch, tính thanh khoản của TTTC bên cạnh ưu đãi cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Làm rõ ưu đãi đầu tư đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu tiên phát triển của TTTC và ưu đãi đầu tư đối với chủ thể thực hiện dự án thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư. -Đề nghị xem xét thuyết minh làm rõ khái niệm “nhà đầu tư thứ cấp” tại nội dung:	-Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu. - Đã tiếp thu.
--	---	--

	“Khoản 2.3.6. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược: ... Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ:...(iii) Thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ cần thiết cho các nhà đầu tư thứ cấp theo cam kết”. Cơ sở đề nghị: Dự thảo chưa có nội dung đề cập liên quan khái niệm nhà đầu tư “sơ cấp” hay “thứ cấp” nên chưa rõ đối tượng của chính sách. Nội dung khác Cần cụ thể vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của TP.HCM và Đà Nẵng đối với TTTC để địa phương chủ động trong việc ban hành các chính sách, bố trí nguồn lực hoạt động. B. Tổng hợp góp ý về dự thảo đề cương Nghị quyết Quốc hội về việc xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam Điều 4. Nguyên tắc, chính sách xây dựng TTTC Đề nghị xem xét bổ sung nguyên tắc sau: “Đảm bảo sự công bằng và tách biệt rõ ràng phạm vi hoạt động của các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế Việt Nam”. Cơ sở đề xuất: để nhất quán với nội dung Dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết Quốc hội Điều 5. Các TTTC tại Việt Nam Bổ sung nội dung Khoản 1 như sau (in đậm): “1. TTTC quốc tế toàn diện tại Thành phố Hồ Chí Minh: a) Vị trí: TTTC của Thành phố Hồ Chí Minh được phát triển dựa trên khu phố tài chính ở trung tâm hiện hữu thuộc Quận 1 và hình thành khu phố tài chính ở Thủ Thiêm.	-Đã tiếp thu, bổ sung vai trò của các địa phương trong thành lập và phát triển các TTTC theo nguyên tắc Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung. -Đã tiếp thu. -Kiến nghị không phân biệt khái niệm về TTTC (khu vực hay quốc tế; khu vực hay toàn diện) tại dự thảo
--	---	---

		b) Ranh giới: Khu phố tài chính trong khu đô thị mới Thủ Thiêm tại 02 lô đất ký hiệu số 1-7 và số 1-11 với diện tích là 14.461m². 2. TTTC quy mô khu vực tại Thành phố Đà Nẵng...” -UBND TP. Hồ Chí Minh đang tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa quy hoạch vị trí địa lý cho khu vực TTTC tại khu vực Quận 1 và khu Thủ Thiêm như nội dung tại dự thảo Đề án của Thành phố. Điều 6. Thẩm quyền, trình tự và thủ tục quyết định thành lập TTTC Đề nghị xem xét bổ sung tại “Khoản 4. Quyết định thành lập TTTC gồm các nội dung sau: a) Tên, mục tiêu và định hướng phát triển TTTC; b)Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC; ...Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư Cơ sở đề xuất: để nhất quán với nội dung quy định tại Điều 16 “dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ”; và nhất quán với nội dung tại Điều 14 “áp dụng ưu đãi như đối với lĩnh vực thuộc Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư”.	để đảm bảo sự thống nhất về quản lý nhà nước đối với các TTTC nói chung tại Việt Nam. - Đã tiếp thu các nội dung mang tính chất khung liên quan đến ranh giới kiến nghị phát triển TTTC Tp. Hồ Chí Minh; đối với các nội dung liên quan đến ranh giới cụ thể của TTTC Tp. Hồ Chí Minh, kiến nghị giao UBND Tp. Hồ Chí Minh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong quá trình hoàn thiện Quyết định thành lập TTTC. -Đã tiếp thu. Đối với việc quy định “danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư”, Bộ KHĐT kiến nghị chỉ quy định “danh các ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC”; từ đó, có căn cứ quy định các hình thức ưu đãi đối với nhà đầu tư trong các ngành, lĩnh vực này.
--	--	--	--

	Điều 7. Các cơ quan quản lý TTTC Đề nghị bổ sung tên Điều 7 (nội dung bổ sung in đậm): “Điều 7. Các cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTC” - Cơ sở đề xuất: Trung tâm trọng tài quốc tế không phải cơ quan quản lý TTTC và phù hợp với nội dung Khoản 3 Điều 7.	- Kiến nghị không tiếp thu do qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về mô hình quản lý TTTC, cần phải có Cơ quan giải quyết tranh chấp để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Tại Đề án được Bộ Chính trị phê duyệt cũng có nội dung nêu sự cần thiết của Cơ quan này.
	Điều 8, 9, 10. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ủy ban quản lý, điều hành; của Ủy ban giám sát tài chính; của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC Đề nghị xem xét lược bỏ nội dung quy định chi tiết cơ cấu phòng, ban trực thuộc của các cơ quan quản lý, điều hành TTTC tại các Điều này. ☐ Cơ sở đề nghị: Cần cân nhắc xem xét việc quy định chi tiết cơ cấu và nhiệm vụ của từng phòng, ban trực thuộc cơ quan quản lý, điều hành TTTC tại Nghị quyết Quốc hội, vì chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban sẽ phụ thuộc tình hình thực tế quá trình quản lý, vận hành của các cơ quan quản lý, điều hành TTTC. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết có đề cập việc xây dựng đề án thành lập TTTC cụ thể như sau: “2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh... xây dựng đề án thành lập TTTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ, gồm các nội dung sau: ... c) Phương án thành lập TTTC d) Định hướng, giải pháp, mục tiêu và các lĩnh vực chủ yếu tập trung phát triển; phương án tổ chức và quản lý; phương án bố trí cán bộ, công	- Đã tiếp thu nhằm đảm bảo Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, sau đó giao các địa phương tiếp tục triển khai.

	chức;....” Theo đó, nội dung chi tiết về cơ cấu phòng, ban trực thuộc các Cơ quan quản lý, điều hành TTTC sẽ được xác định cụ thể tại nội dung phương án tổ chức và quản lý, phương án bố trí cán bộ... khi xây dựng Đề án thành lập TTTC nhằm giúp các Cơ quan thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết. Điều 8, 9 Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ủy ban quản lý, điều hành; của Ủy ban giám sát TC Đề nghị xem xét lại nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 8 và điểm đ khoản 1 Điều 9: “Ban quản lý tài chính: xây dựng ngân sách hàng năm và tài khoản tài chính để hội đồng phê duyệt, đề xuất, giám sát...” và “Ban quản trị và nhân sự: giám sát hoạt động bổ nhiệm thành viên hội đồng...”. Lý do: chưa có quy định “hội đồng” trong dự thảo Nghị quyết. Điều 11. Thành viên TTTC - Đề nghị xem xét bổ sung và điều chỉnh Khoản 1. Đối tượng đăng ký trở thành thành viên TTTC như sau (in đậm): “Các tổ chức có tư cách pháp nhân, tham gia đầu tư và hoạt động tại TTTC trong các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo danh mục quy định tín dụng, công ty tài chính, sàn giao dịch chứng khoán, vàng, ngoại tệ, quỹ đầu tư tài chính, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm... được cấp phép thành lập và hoạt động tại TTTC. Chính phủ quy định cụ thể danh mục lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh tại TTTC.” - Đề nghị xem xét điều chỉnh Khoản 2. Điều kiện đăng ký trở thành thành viên TTTC như sau (nội dung in đậm): “a) Đối với các công ty thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng (danh mục gồm: ngân hàng, các công ty tài chính, công ty quản lý tài sản, công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư, công ty quản lý quỹ, các quỹ mạo hiểm...) b) Đối với các công ty thuộc lĩnh vực phi tài chính (danh mục gồm các tổ chức cung cấp dịch vụ: pháp lý, luật; tư vấn; tư vấn thuế; kế toán, kiểm	- Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung và nêu một số điều kiện đăng ký thành viên. Sau đó, giao Chính phủ quy định chi tiết.
--	--	--

	toán; xếp hạng; dịch vụ tuyển dụng, giáo dục, đào tạo; dịch vụ biên dịch và tài liệu pháp lý...) c) Các công ty Fintech và đổi mới (danh mục gồm: các công ty công nghệ tài chính, các công ty được cấp phép thương mại để thực hiện mô hình ươm tạo các ý tưởng kinh doanh, khai thác công nghệ, đổi mới công nghệ...) d) Đối với các công ty bán lẻ, dịch vụ, giải trí... Cơ sở đề xuất: Để tránh trường hợp quy định thiếu các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh tại TTTC. Điều 12. Chính sách tiền tệ, ngân hàng và quản lý ngoại hối - Đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung tại điểm 5 Điều này: “Các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại TTTC không bị áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài... đối với việc cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới, trừ cung cấp dịch vụ cho phần còn lại tại Việt Nam”. Cơ sở đề xuất: Nếu không có điểm loại trừ này thì quy định “hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài” hiện nay sẽ không còn ý nghĩa và không tạo sự công bằng giữa ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại TTTC và có trụ sở ở ngoài TTTC nhưng đang hoạt động tại Việt Nam. - Đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung quy định về quản lý và hoạt động của sàn giao dịch ngoại hối tại Điều này như sau: “Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và hoạt động của sàn giao dịch ngoại hối (FOREX).” Cơ sở đề xuất: Tránh các trường hợp một số đối tượng lừa đảo mở trái phép rồi mời gọi nhà đầu tư tham gia nhiều, nếu cấp phép thí điểm cho mô hình này đối với tổ chức tư nhân hoặc doanh nghiệp lập, điều hành sẽ rất rủi ro trong quá trình hoạt động.	- Đã tiếp thu. -Kiến nghị không quy định nội dung này do Nghị quyết đã quy định việc cho phép thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC. Các cầu phần, tính năng và sàn giao dịch thứ cấp của sàn giao dịch này sẽ được phân cấp cho Cơ
--	---	--

	Điều 12. Chính sách tiền tệ, ngân hàng và quản lý ngoại hối - Đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung: “Các thành viên của TTTC được đảm bảo quyền sở hữu và tự do trong giao dịch về tài chính, tài sản là tiền tệ, kim loại quý hiếm, các loại giấy tờ có giá trị trong giao dịch quốc tế, tài sản số, dữ liệu số phát sinh từ hoạt động thông qua TTTC quốc tế. Ủy ban quản lý, điều hành TTTC được quyền giải quyết việc nhà đầu tư chuyển vốn, tài chính, tài sản... đầu tư vào và chuyển ra các khoản tài chính, đầu tư, lợi nhuận theo nguyên tắc hợp pháp, nhanh chóng, minh bạch.” Điều 13. Chính sách thử nghiệm của kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech) - Đề nghị xem xét bổ sung nội dung sau (in đậm): “1. Ủy ban quản lý, điều hành TTTC có thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá tác động rủi ro và giám sát hoạt động thử nghiệm công nghệ tài chính (fintech), bao gồm cả giao dịch tài sản mã hóa. Điều 13. Chính sách thử nghiệm của kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech) - Đề nghị xem xét bổ sung nội dung sau: “Chính sách thử nghiệm có chấp nhận rủi ro đối với các giải pháp mới, mô hình mới, sản phẩm mới về fintech do các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức thành viên của TTTC nghiên cứu, đầu tư, phát triển để triển khai tại TTTC”. Điều 14. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn - Đề nghị xem xét bổ sung nội dung sau: “- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng được quyền phê duyệt áp dụng các cơ chế mới phát sinh từ thực tế của TTTC trong quá trình quản lý, giám sát và vận hành TTTC để phát triển thị	quan phù hợp quy định. - Kiến nghị không quy định chi tiết mà chỉ nêu các nội dung mang tính nguyên tắc liên quan đến tài sản. -Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu. -Đã tiếp thu.
--	--	---

	trường tài chính, thị trường vốn do Ủy ban quản lý, điều hành và ủy ban giám sát đề xuất trình. - Chính sách khuyến khích thành lập các Quỹ đầu tư mạo hiểm theo hình thức đối tác công - tư, tư nhân để hỗ trợ, tài trợ tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo triển khai phát triển, hoàn thiện các giải pháp mới, mô hình mới, sản phẩm mới về tài chính, tài sản số trong giao dịch, thanh toán, quản lý, giám sát tại TTTC quốc tế.” Điều 14. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn Đề nghị xem xét bổ sung các nội dung sau: - Đề xuất thành lập sàn để niêm yết và cho phép giao dịch các sản phẩm tài chính phi truyền thống như tiền số (BTC, ETH,...), các sản phẩm mã hóa điện tử NFT (non-Fungible Token) - Đề xuất thành lập sàn để niêm yết và cho phép giao dịch các sản phẩm phổ biến như dầu (USOIL), vàng (XAU), sản phẩm phái sinh, hợp đồng tương lai, quyền chọn... các cặp tỷ giá phổ biến (XAU/USD, BTC/USD, USD/JPY, USD/EUR,...). Trường hợp không đủ năng lực và nhân lực không đủ trình độ để lập và quản lý sàn thì xem xét hướng mời gọi và cấp phép để các sàn lớn có uy tín hiện nay trên thế giới hoạt động và đặt server ở TP.HCM đồng thời cũng góp phần ngăn chặn rửa tiền, tránh thất thu thuế và tội phạm lừa đảo. Sàn được phép niêm yết giá và giao dịch tiền trên tài khoản bằng ngoại tệ. Điều 15. Chính sách thuế thu nhập cá nhân - Tại Khoản 1 đề nghị làm rõ cụm từ “...có trình độ chuyên môn cao...” để xác định cụ thể đối tượng. - Tại Khoản 2 đề nghị làm rõ nội dung “...giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo”. Lý do: sẽ được hiểu là không giới hạn thời gian giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân. Điều 16. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	-Đã tiếp thu. -Tiếp thu theo hướng quy định việc thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC trên cơ sở ứng dụng fintech; các câu phân chi tiết do cơ quan được phân cấp quy định. -Kiến nghị chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc. -Đã tiếp thu.
--	--	--

	- Đề nghị xem xét bổ sung nội dung sau (in đậm): “1. Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ: thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. ... 3. Thu nhập từ dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC và của các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc danh sách 500 doanh nghiệp, tập đoàn lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Forbes của năm trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, quỹ đầu tư 100% vốn nước ngoài được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ngoài ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này”. =Cơ sở đề xuất: Chưa có quy định về ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC; đồng thời để làm rõ ưu đãi đầu tư đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu tiên phát triển của TTTC và ưu đãi đầu tư đối với chủ thể thực hiện dự án thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư. - Đề nghị làm rõ hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản có được ưu đãi thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều này; hoặc đề nghị bổ sung nội dung thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản cũng được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập như hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Cụ thể như sau (nội dung bổ sung in đậm): “2. Đối với các dự án đầu tư khác vào TTTC, bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản: mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế”. =Cơ sở đề xuất: Hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản là hoạt động thường xuyên của các tổ chức tài chính, đặc biệt là các quỹ đầu tư..., là hoạt động cần khuyến khích để tăng khối lượng giao dịch, tính thanh	-Kiến nghị không tiếp thu do khái niệm ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC đã được nêu tại dự thảo. -Đã tiếp thu, làm rõ.
--	--	---

	khoản bên cạnh ưu đãi cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong TTTC. - Đề nghị xem xét bổ sung nội dung ưu đãi (nếu có) đối với dự án trong lĩnh vực thuộc Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư đề cập tại Điều 14. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn. Cơ sở đề xuất: Điều 14 dự thảo Nghị quyết đề cập lĩnh vực thuộc Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư, tuy nhiên dự thảo Nghị quyết chưa có nội dung quy định cụ thể về ưu đãi đầu tư đối với dự án thuộc danh mục này. Điều 18. Về chính sách lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội trong TTTC quốc tế - Khoản 2 và 3 Điều này đề cập: “các cơ quan quản lý TTTC thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính” và “mức lương cơ sở áp dụng ... không quá 3 (ba) lần so với mức lương cơ sở theo quy định tại thời điểm ban hành”. Cơ sở đề xuất: Cần quy định rõ mô hình tổ chức của các cơ quan quản lý TTTC để việc đề xuất chính sách quản lý được chặt chẽ. - Khoản 4 đề nghị làm rõ cụm từ “...có trình độ chuyên môn cao...” để xác định cụ thể đối tượng. - Đề phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị bỏ khoản 5 Điều 18: “5. Ủy ban quản lý, điều hành TTTC quyết định sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động.” Điều 19. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược - Đề xuất nội dung Khoản 1. Điều kiện trở thành nhà đầu tư chiến lược tại TTTC như sau: “a) Là tập đoàn tài chính đã được niêm yết trên sàn chứng khoán quốc tế; b) Tổng vốn đầu tư tối thiểu 05 tỷ USD; cam kết đảm bảo tiến độ hoàn thành dự án trong vòng 05 năm kể từ thời điểm được chấp thuận chủ trương đầu tư;	-Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc và giao các Cơ quan có thẩm quyền triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện của các TTTC.
--	--	--

	c) Có năng lực quảng bá TTTC quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và thu hút đầu tư đối với các định chế tài chính hoạt động đa quốc gia, các tổ chức cung ứng dịch vụ liên quan có uy tín toàn cầu và năng lực đến thiết lập hiện diện thương mại tại TTTC quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu thu hút các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới theo danh sách của Fortune Global 500 thành lập Tổ chức kinh tế tại Thành phố; d) Cam kết dành cơ sở vật chất và nguồn lực phụ trợ để thu hút các nhà đầu tư Fintech đăng ký hoạt động và thành lập trụ sở tại TTTC quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; d) Nhà đầu tư chiến lược không được phép chuyển nhượng dự án đầu tư TTTC quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh dưới bất kỳ hình thức nào trực tiếp hoặc gián tiếp trước khi hoàn thành các cam kết đã ước định.” Cơ sở đề xuất: Tham khảo các quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất thêm tiêu chí về vốn điều lệ/ hoặc tổng tài sản của nhà đầu tư chiến lược khi đăng ký thực hiện dự án. Điều 19. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược - Đề xuất bổ sung thêm các mục tại khoản 1 Điều 19 như sau: “a) Năng lực tài chính mạnh b) Kinh nghiệm quốc tế c) Cam kết dài hạn d) Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế e) Đóng góp vào phát triển hạ tầng f) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực g) Hỗ trợ việc xây dựng chính sách” - Riêng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài xem xét thêm một số một số tiêu chí như: - Về thời gian hoạt động;	-Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, trong đó bỏ các điều kiện về tổng vốn đầu tư tối thiểu đối với nhà đầu tư chiến lược (đã được quy định tại các Nghị quyết hiện hành nhưng chưa được thực thi trong thực tiễn).
--	---	---

	- Mức độ đóng góp cho nền kinh tế Việt Nam; - Quy mô về: Vốn, nhân sự; Thị phần; - Mức độ ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế; - Mức độ xếp hạng tín nhiệm; - Yêu cầu, điều kiện về trình độ công nghệ; Số hóa; - Yêu cầu về quản trị, điều hành; Quản trị rủi ro; - Yêu cầu và đáp ứng về tính tuân thủ. Cơ sở đề xuất: Vì kinh doanh tiền tệ và hoạt động ngân hàng là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện, việc giới hạn thành viên TTTCQT phải là các tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được cấp phép và đang hoạt động bình thường tại Việt Nam theo quy định của Luật Các TCTD sẽ được xem như cách kiểm soát từ vòng đầu tiên về năng lực của các định chế tài chính trong lĩnh vực ngân hàng khi muốn đăng ký là thành viên của TTTCQT. Điều này sẽ giúp giảm các rủi ro về năng lực, uy tín, thương hiệu và cũng đảm bảo sự bình đẳng của các tổ chức muốn tiến hành hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Đồng thời cũng tạo điều kiện, động lực để các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nâng cấp, đổi mới và cạnh tranh lành mạnh khi đáp ứng các điều kiện để trở thành thành viên của TTTCQT. Điều 22. Chính sách phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội TTTC - Đề xuất bổ sung nội dung sau: “- Chính sách về hạ tầng thông tin, công nghệ: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng được tự chủ trong quyết định sử dụng ngân sách đầu tư tập trung hệ thống hạ tầng kỹ thuật về thông tin hiện đại (internet cáp quang, vệ tinh, trung tâm dữ liệu...) đảm bảo kết nối tốc độ cao phục vụ quản lý, vận hành, lưu trữ dữ liệu giao dịch, hoạt động của Ủy ban quản lý điều hành và các tổ chức thành viên trong TTTC. Được quyết định chọn lựa đầu tư mua sắm công nghệ, kỹ thuật phục vụ việc vận hành và quản lý, giám sát hoạt động của TTTC; quyết định đầu tư, mua sắm ban đầu để đảm bảo đưa TTTC vào hoạt động. Được quyết	-Kiến nghị chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung (không quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của các địa phương đã được phân cấp tại dự thảo Nghị quyết).
--	--	---

	định đầu tư và sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật; giải pháp quản lý, giám sát; dịch vụ hỗ trợ phân tích đánh giá và dự báo do các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học công nghệ trong nước nghiên cứu, sáng tạo, phát triển để phục vụ hoạt động quản lý, giám sát, vận hành các lĩnh vực hoạt động của TTTC. - Chính sách miễn thuế nhập khẩu và thực hiện thủ tục thông quan nhanh chóng đối với các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của TTTC”. Điều 24. Chính sách về phí, lệ phí - Đề xuất ghi rõ nội dung chính sách như sau: “Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng phí, lệ phí đối với TTTC trên địa bàn: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%”. Cơ sở đề xuất: Do dự thảo đang quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các thành phố có thẩm quyền về phí, lệ phí như Nghị quyết số 98/2023/QH15 và Nghị quyết số 136/2024/QH15; tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết đang dự kiến thời hạn hiệu lực là 10 năm, trong khi đó, Nghị quyết số 98/2023/QH15 sẽ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028. Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước đối với TTTC Đề xuất xem xét bổ sung nội dung tại Khoản 2 như sau (in đậm): “...2. Tổ chức và thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân trong TTTC. Từng bước cải thiện đưa Robot hóa vào việc hỗ trợ, tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính.”	-Đã tiếp thu. -Kiến nghị Nghị quyết chỉ quy định các nội dung mang tính chất khung.
--	---	---

	Cơ sở đề xuất: Việc đưa Robot hóa vào việc hỗ trợ, tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính như một số nước Vùng Vịnh hiện đang thực hiện, thủ tục hành chính có thể thực hiện trực tuyến toàn bộ hoặc tối thiểu 80% số hóa thủ tục hành chính. Điều 29. Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của CQĐP đối với TTTC - Hiện dự thảo Nghị quyết chỉ phân công cho Thành phố xây dựng đề án thành lập TTTC, về các nhiệm vụ chi về hạ tầng, về thực hiện chính sách an sinh, tiền lương... nhưng chưa quy định rõ về quyền hạn của Thành phố đối với TTTC làm hạn chế tính chủ động của Thành phố trong việc bố trí kinh phí, quản lý, điều hành TTTC. - Đề nghị bổ sung cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để khi Nghị quyết ban hành có thể triển khai thực hiện nhanh chóng. NỘI DUNG KHÁC - Xây dựng hệ thống thanh toán trực tuyến 100% để các giao dịch thông suốt 24/7 tạo cơ sở cho 01 TTTC vững mạnh. - Để phát triển TTTC, Việt Nam cần thu hút lực lượng nguồn nhân lực trẻ, có điều kiện tiếp xúc với đất nước có nền kỹ thuật tiên tiến, chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng (trả lương theo năng lực tương xứng với tài năng, người giỏi luôn có doanh nghiệp săn đón, không phải người tìm việc để “xin” nên nếu không có chính sách thu hút các vị trí việc làm thì bỏ lỡ khối lượng lớn nguồn nhân lực chất lượng cao này). Hiện nay việc du học sinh đi du học nước ngoài và không trở về phục vụ đất nước là rất lớn do mức lương thấp so với chi phí khi đi du học và chưa được đãi ngộ và tạo điều kiện khuyến khích phát triển chất xám nên có chế độ ưu đãi về thu nhập, do đó việc xây dựng cơ chế để thu hút các chuyên gia và người tài giỏi để xây dựng và vận hành TTTC, ưu tiên du học sinh sau khi tốt nghiệp về nước, mang theo công nghệ, kiến thức về hỗ trợ cùng xây dựng TTTC theo chuẩn quốc tế. - Rà soát cách gọi “TTTC quốc tế”, hoặc “TTTC khu vực và quốc tế”,	-Đã tiếp thu.. -Các nội dung nêu tại mục này chủ yếu là các nội dung mang tính chi tiết, không thuộc phạm vi điều chỉnh dự kiến của Nghị quyết; riêng đối với nội dung liên quan đến khái niệm TTTC, Bộ KHĐT đã tiếp thu theo hướng chỉ quy định TTTC mà không quy định chi tiết các loại hình TTTC.
--	---	--

		hoặc “TTTC” để quy định tại các Điều, Khoản của Nghị quyết Quốc hội được nhất quán. - Đề nghị bổ sung thêm quy định về “Chính sách cho các hoạt động nghiên cứu phát triển và khởi nghiệp”, cụ thể như sau: “Chính sách cho các hoạt động nghiên cứu phát triển và khởi nghiệp: + Xây dựng các vườn ươm khởi nghiệp với đầy đủ tiện nghi như phòng họp, không gian hội thảo và các thiết bị công nghệ. + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 10 năm đầu đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp. + Cung cấp không gian làm việc chung, tư vấn khởi nghiệp và kết nối với các nhà đầu tư. + Hỗ trợ đến 70% chi phí nghiên cứu và phát triển cho các doanh nghiệp khởi nghiệp tại TTTC. + Cung cấp gói vay ưu đãi lãi suất thấp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát triển sản phẩm. - Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm quy định về “Chính sách quản lý, kiểm soát và lưu trữ thông tin, dữ liệu phát sinh từ hoạt động tại TTTC”, cụ thể như sau: + Các thông tin, dữ liệu phát sinh từ các hoạt động của các tổ chức thành viên của TTTC được quản lý, kiểm soát và lưu trữ minh bạch, an toàn, thông suốt. + Ủy ban quản lý, điều hành TTTC bảo đảm xử lý và lưu trữ các thông tin dữ liệu của doanh nghiệp được xác thực và lưu trữ bảo mật theo các tiêu chuẩn an toàn thông tin; đảm bảo các thành viên tham gia vào TTTC được khai thác, sử dụng các dữ liệu chung, các hạ tầng chung một cách công khai, minh bạch, thuận lợi, bình đẳng.”	
18	UBND TP HCM (552/UBND-KT ngày 23/02/2025)	A. Tổng hợp góp ý về dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội Phần I Mục 1.2. Cơ sở thực tiễn	Mục 1.2: Tiếp thu

	Đề xuất xem xét bổ sung nội dung: <i>“Xuất phát từ nhu cầu thực tế của Việt Nam trong tiến trình Hội nhập kinh tế thế giới, hướng đến phát triển đột phá trong “kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.</i> Phần II Mục 2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết Đề xuất xem xét bổ sung nội dung: <i>“Tạo lập khung pháp lý làm cơ sở để vận hành TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam đáp ứng mục tiêu đề ra. Trong quá trình này, ngoài việc xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư còn cần tạo sự “đột phá” theo hướng tạo ra sản phẩm cạnh tranh, khác biệt so với các TTTC khác trên thế giới, từ đó thu hút các nhà đầu tư, định chế tài chính tham gia”.</i> Phần IV Mục 2. Về phạm vi điều chỉnh Đề xuất xem xét bổ sung nội dung sau (in đậm): <i>“Nghị quyết này quy định về xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam và các chính sách áp dụng tại TTTC”.</i> ☐ Cơ sở đề nghị: để đảm bảo sự thống nhất giữa dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội. Phần IV Mục 4. Nguyên tắc xây dựng chính sách tại Nghị quyết Đề xuất xem xét bổ sung nội dung: <i>“Đảm bảo sự công bằng và tách biệt rõ ràng phạm vi hoạt động của các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế Việt Nam”.</i> Phần V Mục 1. Nhóm chính sách 1: Quy định về số lượng, vị trí, cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ TTTC	Mục 2: Tiếp thu Mục 2: Tiếp thu Mục 4: Kiến nghị không bổ sung nội dung này vì TTTC là một phần của nền kinh tế Việt Nam, không tách biệt khỏi tổng thể. Các đối tượng hoạt động trong TTTC cũng đóng góp vào sự phát triển kinh tế, do đó cần cách tiếp cận phù hợp
--	--	--

		- <i>Khoản 1.3.3. Các cơ quan quản lý TTTC:</i> Đề nghị cần xác định mô hình hoạt động của các cơ quan quản lý TTTC để có thể áp dụng các cơ chế, chính sách tương ứng trong quá trình quản lý, hoạt động. Phần V Mục 2. <i>Nhóm chính sách 2: Các chính sách áp dụng đối với TTTC</i> - Đề xuất xem xét bổ sung nội dung sau (in đậm): <i>“Khoản 2.3.6. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp:</i> <i>- Đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ: thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.</i> <i>- Đối với các dự án đầu tư khác vào TTTC, bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản: mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ...</i> <i>- Thu nhập từ dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của TTTC và của các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc danh sách 500 doanh nghiệp, tập đoàn lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Forbes của năm trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, quỹ đầu tư 100% vốn nước ngoài được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ngoài ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này.”</i> ☐ Cơ sở đề xuất: Hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản là hoạt động	để vừa đảm bảo công bằng, vừa phát huy vai trò của TTTC. Khoản 1.3.3: Kiến nghị không quy định chi tiết nội dung này mà giao Chính phủ, các địa phương triển khai các nội dung cụ thể. Phần V: Tiếp thu
--	--	--	--

		thường xuyên của các tổ chức tài chính, đặc biệt là các quỹ đầu tư..., là hoạt động cần khuyến khích để tăng khối lượng giao dịch, tính thanh khoản của TTTC bên cạnh ưu đãi cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Làm rõ ưu đãi đầu tư <u>đối với dự án</u> thuộc danh mục lĩnh vực ưu tiên phát triển của TTTC và ưu đãi đầu tư <u>đối với chủ thể thực hiện dự án</u> thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư. - Đề nghị xem xét thuyết minh làm rõ khái niệm “nhà đầu tư thứ cấp” tại nội dung: <i>“Khoản 2.3.6. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược:</i> ... <i>Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ: ... (iii) Thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ cần thiết cho các <u>nhà đầu tư thứ cấp</u> theo cam kết”.</i> □ Cơ sở đề nghị: Do dự thảo chưa có nội dung đề cập liên quan khái niệm nhà đầu tư “sơ cấp” hay “thứ cấp” nên chưa rõ đối tượng của chính sách. Nội dung khác Cần cụ thể vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của TP.HCM và Đà Nẵng đối với TTTC để địa phương chủ động trong việc ban hành các chính sách, bố trí nguồn lực hoạt động.	
19	Công ty Luật AO Sherman (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	- Đề nghị làm rõ công ty TTTC coi như người không cư trú trong quản lý ngoại hối là chỉ cho mục đích quản lý ngoại hối hay cho các mục đích khác. - Đề xuất ưu tiên một số lĩnh vực để thu hút vào VN thông qua TTTC, như vay vốn nước ngoài mà không cần thông báo với CQQLNN	- Đã tiếp thu, làm rõ tại dự thảo cập nhật. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị chỉ quy định khung tại Nghị quyết. Các nội dung liên quan đến hoạt động huy động vốn từ nước

		- Về vấn đề luật điều chỉnh, cần cho phép các bên chọn luật điều chỉnh.	ngoài đã được lồng ghép tại các điều khoản về hoạt động ngân hàng, liên quan đến thị trường chứng khoán, đất đai.... -Dự thảo đã có nội dung cho phép các bên tham gia tranh chấp tự do lựa chọn luật áp dụng.
20	SolarTech (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	- Đề nghị rà soát khái niệm liên quan tài sản số/mã hóa, đảm bảo tương thích với Luật CNCNS (bao gồm cả NFT) - Tại Điều 9 dự thảo Nghị quyết: làm rõ tiền mã hóa có thuộc đối tượng áp dụng không? Có công nhận tài sản mã hóa không?	- Đã thực hiện, đảm bảo tương thích với quy định tại dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội. -Đã nêu tại dự thảo.
21	FinGroup (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	- Về việc phát triển kênh huy động vốn cho doanh nghiệp: bổ sung sản phẩm tài chính mới (ví dụ: các nhà đầu tư nước ngoài muốn được ưu đãi bảo lãnh phát hành trái phiếu tại Việt Nam, tuy nhiên thủ tục để được cấp phép hiện nay rất phức tạp và cơ bản phải đáp ứng được điều kiện như một ngân hàng) - Cần nhắc các ưu đãi huy động vốn cho doanh nghiệp mới thành lập (như startup...) (ví dụ: điều kiện về vốn, khả năng sinh lời trong các năm liên kế)	- Đã tiếp thu tại dự thảo, trong đó có các điều khoản có thể vận dụng để phát triển các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp trong nước từ nhà đầu tư nước ngoài (như quy định về đất đai, quy định cho phép các doanh nghiệp trong nước thành lập doanh nghiệp trong TTTC phục vụ huy động vốn cho hoạt động của doanh nghiệp đó...)

22	VIAC (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	-Điều 24: đề nghị không thành lập Trung tâm trọng tài chuyên biệt cho TTTC mà phát huy vai trò của các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện hành.	- Kiến nghị không tiếp thu do “Cơ quan giải quyết tranh chấp” được các chuyên gia quốc tế xác định là 01/03 trụ cột chính của các Cơ quan thiết yếu để đảm bảo sự vận hành của TTTC. Bộ KHĐT cũng đã tổng hợp kinh nghiệm quốc tế liên quan đến lĩnh vực này báo cáo Bộ Chính trị phê duyệt tại Thông báo số 47/TB-TW.
23	BCG (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	- Đề nghị cần có cơ chế ưu đãi cao hơn so với các TTTC khác để đảm bảo tính cạnh tranh của các TTTC Việt Nam - Đề nghị có các chính sách tạo sự liên kết với khu vực và giữa các TTTC với nhau. - Đề nghị bảo tương thích giữa 2 TTTC, tránh trùng lặp quá lớn giữa các trung tâm	- Về ưu đãi: Bộ KHĐT đã tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong quá trình xây dựng các ưu đãi (về thuế, chính sách ưu đãi...) đảm bảo cạnh tranh với các TTTC trong khu vực, đồng thời hài hòa với điều kiện thực tế của Việt Nam. -Kiến nghị sẽ tiếp thu ý kiến và tiếp tục hoàn thiện trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật sau.
24	TBI (tại cuộc họp ngày 18/2/2025)	- Đề nghị cân nhắc cơ chế onestop shop: cấp phép và giám sát (dùng công nghệ để tự động hóa quá trình thực hiện các thủ tục công	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị chỉ quy định

		- Đề nghị có các chính sách thúc đẩy phát triển thị trường đầu tư mạo hiểm (VC), điều chỉnh quy định về khởi nghiệp và quỹ đầu tư mạo hiểm (NĐ 38) - Đề nghị cho phép các doanh nghiệp bảo hiểm và quỹ hữu trí - Đề nghị thí điểm sàn giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho startup (KONEX, Starup)	khung trong Nghị quyết.= liên quan đến phát triển hoạt động của mô hình các công ty quản lý quỹ, tài sản. Các quy định, chính sách chi tiết kiến nghị phân cấp cho Chính phủ quy định.
	Các đơn vị trong Bộ Tài chính (cuộc họp ngày 26/3/2025)	I. Cục Quản lý, giám sát Chính sách thuế, phí và lệ phí 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 về Chính sách thuế thu nhập cá nhân: “1. Cán bộ quản lý, Nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại TTTC có phát sinh thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ tiền lương, tiền công tại TTTC được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công này đến hết năm 2030. 2. Đối với các đối tượng không thuộc khoản 1 Điều này có phát sinh thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ tiền lương, tiền công tại các cơ quan quản lý TTTC, tại các thành viên tại TTTC được miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công này đến hết năm 2030.” - Cơ sở đề xuất: + Chính sách ưu đãi thuế cần đảm bảo sự chọn lọc, có trọng tâm, phù hợp với thông lệ trên thế giới. - Thực tế không phải tất cả người lao động làm việc tại TTTC là đối tượng cần thu hút, nếu miễn giảm thuế như dự thảo => không đạt được mục tiêu thu hút nhân lực trình độ cao. + Việc quy định không giới hạn thời hạn được miễn thuế TNCN tại Điều 12 dự thảo chưa hợp lý vì thực chất những giải pháp đưa vào Nghị quyết chỉ nên là những giải pháp thí điểm, thực hiện trong một thời gian nhất định, sau quá trình thực hiện sẽ tổng kết đánh giá về hiệu quả chính	I.1. Đã tiếp thu

	sách. Việc không giới hạn thời gian có thể dẫn đến những vấn đề hệ lụy liên quan đến đảm bảo đầu tư sau này. + Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, rất ít quốc gia có ưu đãi đối với cá nhân làm việc tại TTTC, các quốc gia có ưu đãi cho cá nhân làm việc tại TTTC đều áp dụng chính sách giảm số thuế TNCN phải nộp theo tỷ lệ nhất định hoặc chỉ miễn thuế trong vài năm đầu làm việc và giảm thuế cho các năm sau. + Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với nhiều quốc gia bao gồm thuế TNCN. Nếu miễn thuế TNCN ở nước ta thì có thể dẫn đến trường hợp cá nhân là người nước ngoài không cư trú được miễn thuế TNCN ở nước ta nhưng phải nộp thuế TNCN ở nước họ => không có lợi ích miễn giảm thuế, thất thu ngân sách. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp <i>“1. Đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện các dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn TTTC thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của vào TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Cơ quan có thẩm quyền: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa không quá 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.</i> <i>2. Đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện các dự án khác đầu tư mới phát sinh tại địa bàn TTTC không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào TTTC quy định tại Quyết định thành lập của Cơ quan có thẩm quyền, khu vực, bao gồm cả thu nhập từ chuyên nhượng bất động sản: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% 15% trong thời hạn gian 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 04 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa không quá 09 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.</i> <i>3. Thu nhập từ dự án đầu tư của các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc danh sách 500 doanh nghiệp, tập đoàn lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Forbes của năm trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, quỹ đầu tư 100%</i>	I.2. Đã tiếp thu
--	---	------------------

~~vốn nước ngoài được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế ngoài ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này.~~

43. Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng nhiều điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất. **Trường hợp doanh nghiệp trong TTTC thực hiện dự án đầu tư mở rộng thì áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.**

Việc xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”.

- Cơ sở đề xuất:

+ Các mức ưu đãi tại Điều 13 dự thảo Nghị quyết rất cao, tiềm ẩn nguy cơ Việt Nam có thể trở thành thiên đường thuế, trong khi chưa xác định được quy mô, phạm vi của TTTC dự kiến thành lập, tạo ra sự phân biệt đối xử khác biệt rất lớn giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm việc trên cùng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

+ Hoạt động chuyển nhượng bất động sản, pháp luật về thuế TNDN của nước ta cũng như một số quốc gia đều không cho phép ưu đãi thuế, ngoài ra còn yêu cầu phải hạch toán riêng => ưu đãi thuế theo dự thảo là không phù hợp, gây bất bình đẳng với các lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư khác.

+ Việc thực hiện Trụ cột 2 về thuế tối thiểu toàn cầu thời gian tới sẽ buộc nhiều quốc gia phải hạn chế việc mở rộng chính sách ưu đãi thuế TNDN để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, thay vào đó là chuyển sang áp dụng các biện pháp ưu đãi đầu tư ngoài thuế.

+ Việc áp dụng thời gian ưu đãi thuế của cả 2 loại hình doanh nghiệp đầu tư vào TTTC tạo ra sự thiếu phân hóa đối với các đối tượng cần được khuyến khích đầu tư => giảm thu hút đầu tư, phân bổ nguồn vốn đầu tư

1.3. Đã tiếp thu

		vào TTTC không hiệu quả, mất tiềm năng phát triển bền vững của TTTC. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 20 về Chính sách miễn thuế xuất khẩu đối với phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong TTTC <i>“Miễn thuế nhập khẩu và thực hiện thủ tục thông quan nhanh đối với các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của TTTC theo Danh mục do Ủy ban quản lý, điều hành TTTC cấp; hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong TTTC”.</i> - “thủ tục thông quan nhanh” nêu tại dự thảo khoản 5 đề nghị tách riêng thành một nội dung độc lập, không nên lồng ghép vào nội dung về chính sách thuế. - Cơ sở đề xuất: Các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm rất đa dạng, nhiều chủng loại khác nhau cần quy định miễn thuế theo Dự án và theo Danh mục do Ủy ban quản lý, điều hành TTTC cấp để cơ quan hải quan có cơ sở làm thủ tục, theo dõi trừ lùi Danh mục miễn thuế nhập khẩu, đảm bảo đúng chủng loại, số lượng và mục đích nhập khẩu của TTTC. 4. Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 22 về chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với tài sản văn hóa, nghệ thuật trong TTTC thành 1 khoản <i>“Hàng hóa văn hóa tạm nhập, tái xuất để lưu trữ, giao dịch trong TTTC và đã đăng ký với Ủy ban quản lý, điều hành TTTC được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế giá trị gia tăng. Thời hạn tái xuất tối đa theo hợp đồng lưu trữ hàng hóa văn hóa trong TTTC và có thể gia hạn, kéo dài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất các hàng hóa này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</i> <i>Hàng hóa văn hóa bán ra ngoài TTTC vào thị trường trong nước áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu tương tự hàng hóa nhập khẩu cùng chủng loại nhập khẩu từ nước ngoài theo quy định pháp luật hiện</i>	I.4. Đã tiếp thu
--	--	--	------------------

	<i>hành”.</i> - Cơ sở đề xuất: Luật pháp về thuế GTGT của VN cũng như các nước không có quy định miễn thuế GTGT, chỉ có quy định về hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT. Về nguyên tắc, hàng hóa nhập khẩu lưu trữ trong TTTC phải quản lý theo chế độ tạm nhập tái xuất để cơ quan hải quan có cơ sở quản lý và đảm bảo ưu đãi đúng đối tượng. II. Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm 1. Đơn giản hóa điều kiện, thủ tục cấp phép đối với các chủ đầu tư thành lập Công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm (về năng lực tài chính, kinh nghiệm hoạt động, nhân sự,...); Rút ngắn thời gian cấp phép (hiện nay là 60 ngày). 2. Đơn giản hóa, nới lỏng điều kiện triển khai một số sản phẩm bảo hiểm: - Các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (DNBH, DNTBH) thuộc TTTC được phép tự do triển khai các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống - Nới lỏng một số điều kiện triển khai sản phẩm mới: không yêu cầu phải được cơ quan quản lý phê duyệt sản phẩm mới trước khi triển khai - Xây dựng cơ chế cho phép các DNBH thử nghiệm sản phẩm mới mà không phải tuân thủ ngay lập tức tất cả các quy định pháp luật hiện hành. Các DNBH, DNTBH thuộc TTTC được hỗ trợ nghiên cứu phát triển các sản phẩm bảo hiểm xanh, bảo hiểm áp dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối (block chain) và dữ liệu lớn (big data),... thông qua việc sử dụng miễn phí/ưu đãi các dịch vụ chuyên gia tư vấn. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: - Làm rõ khái niệm “Dịch vụ tài chính” tại Khoản 11 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết Quốc hội như sau: “<i>Dịch vụ tài chính là các hoạt động....; cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;...</i>”	II.1. Đã tiếp thu II.2. Đã tiếp thu
--	---	---

	- Bổ sung 01 điểm tại Khoản 4 Điều 8 Dự thảo Nghị quyết Quốc hội về quyền của thành viên trong TTTC như sau: “<i>Thành viên trong TTTC được quyền sử dụng miễn phí/ưu đãi các dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm xanh, bảo hiểm áp dụng công nghệ.</i>” - Sửa đổi khoản 6 Điều 11 dự thảo Nghị quyết Quốc hội như sau: “a) <i>Đơn giản hóa điều kiện cấp phép đối với các chủ đầu tư thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong TTTC.</i> b) <i>Các DNBH, DNTBH thuộc TTTC được phép triển khai các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và không cần phải được chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm trước khi triển khai.</i>” - Bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 8 như sau: “<i>Thành viên TTTC được quyền ...TTTC đó. Riêng hoạt động liên quan đến tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm được thực hiện theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư nước ngoài ...</i>”. III. Vụ Đầu tư - Bổ sung quy định Nhà nước sẽ giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư và chịu trách nhiệm đầu tư các hạ tầng kết nối (điện, nước, tuyến đường kết nối đến dự án, ...) phục vụ dự án PPP trong phạm vi TTTC. - Tăng quy định về mức trần tối đa phần vốn Nhà nước tham gia dự án PPP trong phạm vi TTTC không quá 70% tổng mức đầu tư Dự án. - Cho phép áp dụng cơ chế Nhà nước chia sẻ phần doanh thu giảm cho doanh nghiệp dự án đầu tư PPP trong phạm vi TTTC theo phương thức BOT, BTO, BOO mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh thời gian, giá, phí dịch vụ như quy định tại khoản Điều 82 Luật PPP. - Cho phép doanh nghiệp dự án PPP trong TTTC được phép đầu tư, kinh doanh các hoạt động khác; song nhà đầu tư phải có trách nhiệm quản lý và hạch toán độc lập các khoản thu, chi phát sinh từ dự án. - Bổ sung quy định các dự án PPP trong phạm vi TTTC (không phân biệt hạn mức vốn và lĩnh vực) được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và	III. Đã tiếp thu
--	--	-------------------------

	lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Phân cấp cho địa phương quyết định việc chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Cơ sở đề xuất: - Giải quyết được quan ngại của nhà đầu tư về rủi ro liên quan đến chậm giao mặt bằng để thực hiện dự án PPP và tạo điều kiện sẵn sàng về các hạ tầng cần thiết cho nhà đầu tư có thể triển khai dự án. - Mở rộng đối tượng được áp dụng mức vốn Nhà nước 70% tổng mức đầu tư sẽ giảm áp lực huy động nguồn vốn để đầu tư, tăng tính khả thi phương án tài chính dự án. - Việc phải điều chỉnh mức giá, phí dịch vụ thay đổi so với hợp đồng đã ký kết => phá vỡ các cam kết tại hợp đồng dự án PPP, hợp đồng vay của dự án, thay đổi cấu trúc của phương án tài chính ban đầu khi đấu thầu=> việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư sẽ không còn có ý nghĩa do các bên đã thay đổi cam kết ban đầu, khó thu hút nhà đầu tư và bên cho vay tham gia dự án do gia tăng mức độ rủi ro khi kéo dài thời hạn hợp đồng hoặc gia tăng giá dịch vụ. - Quy định hiện hành nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hạch toán dòng tiền của dự án PPP; song điều này cũng có thể hạn chế mở rộng các cơ hội đầu tư, mở rộng đối tượng cung cấp dịch vụ công nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết. - Tạo điều kiện khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân huy động vốn để phát triển TTTC IV. Vụ Pháp chế Tổ chức giao dịch tín chỉ các-bon qua sở giao dịch hàng hóa tại TTTC. Tín chỉ các-bon giao dịch qua sở giao dịch hàng hóa tại TTTC thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon giao dịch qua sở giao dịch hàng hóa tại TTTC. Thí điểm giao dịch phái sinh tín chỉ các-bon từ 2030. V. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân Bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 20 về Chính sách phát triển hệ thống hạ	IV. Đã tiếp thu V. Đã tiếp thu
--	--	--

tăng kỹ thuật, hạ tầng xã hội TTTC:

“7. Lập Quỹ phát triển hạ tầng TTTC

a) Quỹ phát triển hạ tầng TTTC (sau đây gọi là Quỹ) được thành lập với mục đích huy động các nguồn lực tài chính đa dạng để đầu tư, phát triển, bảo trì và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc phạm vi ranh giới TTTC. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và được quản lý theo quy định của Chính phủ.

b) Nguồn vốn của Quỹ bao gồm:

Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn thu ngân sách được để lại theo quy định tại khoản 2 Điều này;

Vốn huy động trên thị trường trong nước và quốc tế dưới hình thức phát hành trái phiếu, vay vốn, nhận ủy thác đầu tư;

Nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hợp pháp khác;

Vốn ứng trước của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này;

Các khoản thu hồi từ hoạt động cho vay, đầu tư hạ tầng, phí sử dụng hạ tầng và các hoạt động hợp pháp khác của Quỹ.

c) Quỹ được áp dụng thủ tục đầu tư đặc thù khi triển khai dự án hạ tầng, bảo đảm tính linh hoạt, rút gọn, minh bạch và phù hợp quy hoạch TTTC, không phải thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục đầu tư công như đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Việc tổ chức, quản lý và hoạt động của Quỹ, cơ chế rút gọn thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án và các quy định khác về quản lý vốn Quỹ do Chính phủ quy định chi tiết.

8. Thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng thuộc TTTC sử dụng trực tiếp nguồn ngân sách nhà nước (không qua Quỹ)

a) Các dự án hạ tầng phục vụ TTTC được sử dụng trực tiếp nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng cơ chế đầu tư công rút gọn, bao gồm:

b) Cho phép gộp hoặc lồng ghép nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi với báo cáo nghiên cứu khả thi;

		c) Cho phép hợp nhất quy trình thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình, rút ngắn thời gian tổ chức đấu thầu hoặc cho phép đấu thầu cạnh tranh hạn chế trong trường hợp cấp bách; d) Cơ quan được giao chủ trì quản lý dự án có quyền chủ động trong việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch vốn, điều chuyển vốn nội bộ theo tiến độ thực hiện, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. đ) Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt, rút ngắn thời gian thực hiện đối với dự án sử dụng trực tiếp ngân sách nhà nước tại TTTC; đồng thời quy định cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ để phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.” Cơ sở đề xuất: - Quá trình đầu tư hạ tầng bằng nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) theo thủ tục thông thường tốn nhiều thời gian, qua nhiều khâu thẩm định, phê duyệt, làm chậm tiến độ thu hút đầu tư. - TTTC có thể khai thác các nguồn vốn khác như vốn vay quốc tế, trái phiếu, đóng góp từ nhà đầu tư, nguồn thu tại chỗ... Việc thành lập một quỹ chuyên biệt sẽ giúp kết nối, tập trung và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn này, không bị trộn lẫn với các mục tiêu chi tiêu khác của địa phương.	
25	Tòa án nhân dân tối cao (gửi bản mềm file góp ý ngày 18/03/2025)	1. Về khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết Khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định “Giao chính phủ quy định chi tiết cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan quy định tại điều này”, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “việc thành lập” vào sau cụm từ “quy định chi tiết” vì ngoài việc quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ thì phải quy định việc thành lập các cơ quan, tổ chức này. 2. Về Điều 25 dự thảo Nghị quyết - Khoản 2 Điều 25 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại TTTC” vào trước cụm từ “giữa các nhà đầu tư” trong đoạn “Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các nhà đầu tư...” để chỉ rõ việc áp dụng cơ chế giải quyết quy định tại Điều 25	1. Tại khoản 3, Điều 10, Dự thảo 19. Kiến nghị tiếp thu 2. Kiến nghị không cần thiết vì Điều 25 Dự thảo 15 (điều 32 trong Dự thảo 19) đã nêu rõ :”Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh”.

	dự thảo Nghị quyết chỉ áp dụng đối với các tranh chấp hoạt động đầu tư kinh doanh tại TTTC. - Điểm b khoản 2 Điều 25 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ "pháp luật quốc tế" là các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên vì quy định như trên có thể dẫn đến cách hiểu bao gồm cả án lệ quốc tế. - Khoản 3, 4 Điều 25 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc không quy định vì đã có quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . - Khoản 5 Điều 25 dự thảo Nghị quyết: - Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa quy định "Quyết định công nhận kết quả hòa giải thànhlà chung thẩm, có hiệu lực thi hành như bản án có hiệu lực của Tòa án Việt Nam" theo hướng "Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm" để phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 . - Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định "Tòa án có thẩm quyền xem xét việc hủy phán quyết của Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc TTTC khi một bên có đơn yêu cầu" . - Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bỏ quy định tại điểm rơi khoản 5 vì: dự thảo Nghị quyết quy định các bên được thỏa thuận về việc loại trừ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận kết quả hòa giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật và các bên tranh chấp mất quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài là không phù hợp với Bộ luật Tố tụng dân sự , Luật Trọng tài thương mại và Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bổ sung quy định "Tòa án có thẩm quyền xem xét việc hủy phán quyết của Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc TTTC khi một bên có đơn yêu cầu". Tuy nhiên, để bảo đảm xây dựng một cơ chế đặc thù, vượt trội liên quan đến giải quyết tranh chấp và cho thi hành phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp thuộc TTTC thì có thể quy định rút ngắn thời gian, thủ tục Tòa án xem xét công nhận và cho thi hành phán quyết của cơ	- Điểm b khoản 2 Điều 32 trong Dự thảo 19: Kiến nghị không tiếp thu, việc áp dụng pháp luật quốc tế có bao gồm cả án lệ quốc tế, không chỉ giới hạn ở điều ước quốc tế. - Khoản 3,4 Điều 32 trong Dự thảo 19: Kiến nghị tiếp thu. - Nội dung Dự thảo 19 đã tương đồng - Kiến nghị không tiếp thu nội dung quy định Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy phán quyết của Trung tâm trọng tài và nội dung về điểm rơi khoản 5, Điều 32 Dự thảo 19 vì đây là quy định mang tính trọng điểm, nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư đối với các
--	--	--

		quan giải quyết tranh chấp thuộc TTTC so với quy định pháp luật hiện hành, đồng thời quy định rút ngắn thời gian thi hành án đối với các phán quyết nêu trên để bảo đảm thi hành án nhanh, hiệu quả. 3. Về công tác phối hợp của Tòa án nhân dân tối cao (khoản 6 Điều 28 dự thảo Nghị quyết) Đề nghị chỉnh sửa lại khoản 6 Điều 28 dự thảo Nghị quyết thành “Bộ Tư pháp chủ trì hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC” để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết “Giao chính phù quy định chi tiết cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan quy định tại điều này” và trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Trọng tài theo quy định của Luật Trọng tài thương mại.	quyết định, phán xét của Trung tâm trọng tài trong TTTC. 3. Đã tiếp thu (Điều 34, Dự thảo 19)
26	UBND TP HCM (văn bản số 1453/UBND-KT ngày 06/3/2025)	Tại Khoản 2 Điều 3: “2. Các thành viên hoạt động trong TTTC là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đăng ký thành viên và có hiện diện thương mại trong TTTC, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc lĩnh vực tài chính và phi tài chính.”. Tại khoản 1 Điều 8: “Thành viên TTTC 1. Thành viên TTTC là các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động trong TTTC theo các quy định của Nghị quyết này và các luật khác có liên quan, bao gồm doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.” Như vậy, theo khoản 2 Điều 3 thì thành viên hoạt động trong TTTC bao gồm doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác; tuy nhiên theo khoản 1 Điều 8 thì thành viên TTTC là các tổ chức kinh tế. Do đó, kiến nghị rà soát, điều chỉnh thống nhất - Đề xuất xem xét rà soát để thống nhất, tại dự thảo hiện chưa có nội dung chính sách liên quan Công ty Holding tại Dự thảo Nghị quyết; Đồng thời rà soát với thông lệ thế giới về khái niệm Công ty Holding, là Công ty nắm quyền chi phối, kiểm soát đối với các công ty khác trong hệ thống (như là công ty mẹ -con); còn Công ty quản lý vốn thì chủ yếu đầu tư vốn (không nhất thiết phải chi phối); còn huy động vốn và quản lý đầu tư thì	Khoản 2 Điều 3: Đã tiếp thu Nội dung tại Điều 14, Dự thảo 19 đã tương đồng

	giống như Công ty quản lý quỹ. □ Cơ sở đề xuất: Tham khảo quy định của DIFC: Công ty Holding là Công ty được thành lập với mục đích cụ thể là nắm giữ quyền kiểm soát đối với chứng khoán của các công ty và doanh nghiệp khác. Công ty mẹ cung cấp một cấu trúc sở hữu chi phối và hiệu quả đối với chứng khoán hoặc các quyền sở hữu vốn chủ sở hữu khác. “A holding company is formed for the specific purpose of holding a controlling interest in the securities of other companies and enterprises. It provides a robust and efficient ownership structure for securities or other equity interests”. Tại Khoản 4 Điều 3: - Đề xuất xem xét bổ sung các lĩnh vực như sau: “4. Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính trong TTTC là các tổ chức tín dụng, ngân hàng đầu tư; tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm; kinh doanh chứng khoán; công ty tài chính; công ty công nghệ tài chính; công ty quản lý quỹ, quản lý tài sản; và các quỹ theo quy định của pháp luật”. □ Cơ sở đề xuất: Tham khảo quy định của DIFC: Lĩnh vực tài chính gồm 3 nhóm: + Ngân hàng và thị trường vốn: Ngân hàng doanh nghiệp; Ngân hàng tư nhân; Ngân hàng đầu tư; Môi giới; Thị trường vốn; Các tổ chức tài chính khác + Quản lý tài sản và tài chính: Quản lý tài sản cá nhân; Quản lý tài sản; Quản lý quỹ; Quỹ đầu tư tư nhân; Quỹ phòng hộ; Các công ty đầu tư mạo hiểm + Bảo hiểm, tái bảo hiểm và công ty bảo hiểm tự bảo lãnh - Đề nghị làm rõ “theo quy định của pháp luật” là pháp luật Việt Nam? Khoản 8 Điều 3, đề nghị rà soát, điều chỉnh như sau: “Công ty công nghệ tài chính (sau đây gọi tắt là công ty Fintech) là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam theo	Dự thảo 19 đã bỏ nội dung về “Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính” Dự thảo 19 đã bỏ nội dung này.
--	--	---

	độc lập nhằm cung ứng giải pháp công nghệ tài chính hoặc thông qua hợp tác với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính để cung ứng giải pháp công nghệ tài chính ra thị trường”. ☐ Rà soát ý “hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ VN” để nhất quán với định nghĩa thành viên hoạt động trong TTTC tại Khoản 2 Điều 3. Khoản 5 Điều 4 Về giao Chính phủ quy định các nội dung khác với Luật “Trong quá trình tổ chức, thành lập, vận hành TTTC, thành lập, tổ chức và hoạt động của thành viên TTTC, Chính phủ ban hành quy định để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại phiên họp gần nhất”. Về vấn đề nêu trên, Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Điều 14. Nghị định, nghị quyết của Chính phủ 1. Chính phủ ban hành nghị định để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; b) Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp; các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ 02 Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; c) Vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ	Đã tiếp thu tại Dự thảo 19
--	--	-----------------------------------

		Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 2. Chính phủ ban hành nghị quyết để quy định: a) Giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và đề áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; b) Tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần nghị định của Chính phủ đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; c) Thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoặc khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ.” Như vậy các trường hợp ban hành Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ không bao gồm việc được quy định khác với Luật hiện hành. Vì vậy, đối với nội dung trên, kiến nghị tổng hợp ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp để xem xét, quy định phù hợp. Xem xét điều chỉnh thẩm quyền thành lập TTTC Việt Nam tại Điều 5 thành tiêu đề “thẩm quyền thành lập và điều chỉnh các nội dung trong TTTC Việt Nam”. Vì trong quá trình thực hiện có thể sẽ phát sinh các nhu cầu điều chỉnh thì Thủ tướng Chính phủ được điều chỉnh trong phạm vi nghị quyết cho phép. Ví dụ: nội dung về vị trí, địa giới hành chính, điều chỉnh tổ chức tài chính có thể sau này sẽ cần thay đổi, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp thực tế phát triển. Khi đó, Thủ tướng Chính phủ được chủ động quyết định. Ngoài ra, việc điều chỉnh này (nếu có) ảnh hưởng đến lợi thế của các đối tượng đang có lợi theo quyết định ban đầu thì có được xem là vấn đề tranh chấp giải quyết vì quyết định ban hành sau có ảnh hưởng đến đối tượng đang hưởng lợi. Khoản 6 Điều 9 Đề nghị làm rõ cụm “...hoặc dịch vụ xuyên biên giới”: vậy ngân hàng	
--	--	--	--

	trong TTTC có được cung cấp dịch vụ cho người Việt Nam không? Xem xét thêm cho phép với các đối tượng người Việt Nam có nguồn thu ngoại tệ hợp pháp, vì nếu không các ngân hàng sẽ có rất ít khách, không đủ sức hấp dẫn để tham gia vào TTTC. Khoản 7 Điều 9: quy định lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về Ngân hàng (Basel III) cho các nhà đầu tư nước ngoài thay bằng “lộ trình áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế về Ngân hàng (Basel III) cho các ngân hàng trong và ngoài nước là thành viên của TTTC...” sẽ đầy đủ luôn hay không, thay vì chỉ cho phép áp dụng cho các TCTD nước ngoài. Trong đó, đề nghị xem xét làm rõ về lộ trình và phạm vi áp dụng Basel III tại TTTC là bắt buộc hay khuyến khích và chỉ áp dụng với các thành viên là TCTD hay áp dụng đối với tất cả thành viên là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính. Bên cạnh đó, hiện chưa rõ mô hình ngân hàng số là mô hình như thế nào. Khoản 8 Điều 9 quy định: “Việc hình thành mô hình ngân hàng số từ các ngân hàng thương mại sẽ được bắt đầu triển khai từ ngày 01 tháng 01 năm 2026”. Quy định trên chưa rõ ràng ở phạm vi áp dụng: là áp dụng cho các ngân hàng thương mại là thành viên TTTC, hay cho các ngân hàng thương mại có trụ sở tại TTTC, hay là tất cả các ngân hàng thương mại nói chung. Vì vậy, đề nghị xem xét chỉnh sửa lại khoản 8 Điều 9 như sau: “Việc hình thành mô hình ngân hàng số từ các ngân hàng thương mại có trụ sở tại TTTC sẽ được bắt đầu triển khai từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.” - Giải thích sửa đổi: thêm cụm từ “là thành viên của TTTC” hoặc “có trụ sở tại TTTC”, sẽ làm rõ đối tượng áp dụng của quy định liên quan TTTC tại Việt Nam, đồng thời giúp đảm bảo rằng quy định được thực hiện một cách thống nhất và công bằng cũng như xác định rõ đối tượng áp dụng giúp tránh gây hiểu nhầm và đảm bảo tính hiệu quả của quy định. Ngoài ra liên quan đến việc thực hiện quy định trên, trong quá trình tổ chức triển khai cần cần nhắc liên quan đến việc làm rõ các tiêu chí và điều kiện để các ngân hàng thương mại được phép triển khai mô hình	Quy định tại điều 18, khoản 3 Dự thảo 19. Kiến nghị hướng dẫn tại Nghị định Nội dung Dự thảo 19 đã tương đồng
--	--	---

	ngân hàng số; các loại hình dịch vụ ngân hàng số được phép cung cấp; lộ trình chi tiết về việc triển khai mô hình ngân hàng số, bao gồm các giai đoạn, mục tiêu, và nguồn lực cần thiết. - Tại Khoản 1 Điều 10: Đề xuất xem xét bổ sung nội dung như sau “1. Thời hạn thực hiện thử nghiệm có kiểm soát tối đa là 03 năm, sau thời gian thử nghiệm 03 năm nếu hoạt động ổn định thì sẽ chuyển sang trạng thái hoạt động bình thường, đưa ra khỏi diện Sandbox; trong trường hợp sau 03 năm đầu tiên thử nghiệm vẫn chưa đủ điều kiện để hoạt động bình thường thì có thể được gia hạn 01 lần không quá 03 năm; Ủy ban quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát, sau khi được sự thống nhất của UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính quy định KHUNG về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát đối với các hoạt động fintech trong lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực tài chính. Trên cơ sở đó, Ủy ban quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát, sau khi được sự thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng”. □ Cơ sở đề xuất: Các quốc gia thường đưa ra các chính sách tương ứng với từng nhóm hoạt động Fintech có tính chất đặc thù: (1) Xây dựng quy định điều chỉnh trực tiếp đối với các dịch vụ tài chính đổi mới sáng tạo (như hoạt động cho vay ngang hàng/ P2P Lending, chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở/ Open API...) (2) Điều chỉnh quy định cho phép việc ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính (3) Thực hiện các hoạt động thúc đẩy các sáng kiến đổi mới sáng tạo (ứng dụng liên quan blockchain, AI...).	Đã tiếp thu
--	---	-------------

	Trong đó, đối với các hoạt động Fintech ở nhóm (1) và nhóm (2) phải được điều chỉnh, quản lý, có thể cần được nhìn nhận như một ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc cần có quy định hướng dẫn nghiệp vụ bởi Cơ quan tài chính chuyên môn ở quốc gia; vì sau khi đủ điều kiện thì các đơn vị thử nghiệm sẽ được cấp phép để hoạt động bình thường và tham gia vào thị trường trong nước đối với lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Đối với các hoạt động Fintech ở nhóm (3) thì có thể thúc đẩy, tiếp cận thông qua ban hành Cơ chế thử nghiệm và một số hoạt động hỗ trợ khác. Theo đó, các hoạt động về hoàn thiện cơ sở pháp lý, hướng dẫn nghiệp vụ, vận hành Cơ chế thử nghiệm đối với các hoạt động Fintech thuộc nhóm (1) và (2) đề xuất giao Ngân hàng nhà nước/ Bộ Tài chính quy định chính sách. - Tại Khoản 3 Điều 10: ”3.... Cho phép Ủy ban quản lý, điều hành TTTC được thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp trước thời hạn. Dựa trên báo cáo tự đánh giá, tổng kết của tổ chức thử nghiệm cùng quá trình theo dõi, giám sát và đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định, Ủy ban quản lý, điều hành TTTC gửi báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia thử nghiệm, là căn cứ để các tổ chức triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nội dung quy định tại Điều này”. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm là cơ quan nào? Tại khoản 1 Điều 10 đã quy định: ”Ủy ban quản lý, điều hành TTTC có thẩm quyền cấp phép, quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro đối với thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong hoạt động fintech bao gồm cả sản giao dịch đối với tài sản mã hoá”. - Tại Khoản 2 Điều 10: ”Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát và người hướng dẫn, kiểm soát được miễn trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm kỷ luật; được miễn trách nhiệm dân sự và được miễn trách nhiệm hình sự với Nhà nước trong trường hợp gây	Đã tiếp thu Khoản 2 Điều 10: Kiến nghị tiếp thu tại Khoản 2, Điều 25 tại Dự thảo 19, bổ sung “trách nhiệm hình sự”
--	---	--

	ra thiệt hại cho Nhà nước...” □ Đề xuất bổ sung “được miễn trách nhiệm hình sự” trong trường hợp gây thiệt hại cho nhà nước trong quá trình thực nghiệm. - Tại Khoản 4 Điều 10: Đề xuất xem xét điều chỉnh như sau ”4. Cho phép các doanh nghiệp nước ngoài Thành viên hoạt động trong TTTC được nghiên cứu xây dựng sản giao dịch riêng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp để thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo và hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong TTTC...” □ Cơ sở đề xuất Thành viên hoạt động trong TTTC đã bao gồm đối tượng doanh nghiệp nước ngoài nếu có đăng ký là thành viên TTTC. - Khoản 1 Điều 12: Đề nghị xem xét làm rõ cụm “...có trình độ chuyên môn cao...” để xác định cụ thể đối tượng; hoặc xem xét bỏ cụm từ này. - Khoản 2 Điều 12: Đề nghị làm rõ “...trong các năm tiếp theo” là trong bao nhiêu năm nữa? - Khoản 2 Điều 16: “...2.Các cơ quan quản lý TTTC thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao....” Nhận thấy khoản 1 Điều 7 quy định về “Các cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTC”. Tuy nhiên Điều 12, Điều 16 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định về thuế thu nhập cá nhân, chính sách lao động, việc làm, tiền lương và an sinh xã hội của các cơ quan quản lý; do đó, kiến nghị bổ sung quy định đối với tổ chức thuộc TTTC. - Khoản 7 Điều 16 quy định chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng được sử dụng nguồn thu để lại, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều này (việc chi trả lương cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC, cán bộ quản lý, ...). Tuy nhiên, Điều 28 dự thảo lại quy định Bộ Nội vụ là cơ quan tuyển dụng, sử dụng, quản lý đối với công chức, viên chức, lao động	Khoản 4, Điều 10: Đã tiếp thu tại Dự thảo 19 - Khoản 1 Điều 12: Nội dung này sẽ được quy định rõ tại Nghị định hướng dẫn. - Khoản 2 Điều 12: Nội dung tại Dự thảo 19 đã tương đồng Khoản 2, Điều 16: Dự thảo 19 đã bỏ nội dung này Khoản 7 Điều 16: Dự thảo 19 đã bỏ quy định về việc Bộ Nội vụ là cơ quan tuyển dụng, sử dụng, quản lý đối với công chức, viên chức, lao động làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC.
--	--	--

	làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC. Do đội ngũ cán bộ công chức làm việc trong các cơ quan quản lý TTTC là thuộc Bộ Nội vụ quản lý, tuyển dụng; vì vậy, đề xuất việc chi trả lương cho đội ngũ này do ngân sách Trung ương đảm bảo. - Khoản 1 Điều 17 - Điểm b: đề nghị làm rõ cụm “bằng cách thức khác” là cách thức nào? - Điểm đ: đề nghị cân nhắc đề xuất nội dung này, do theo quy định cơ quan quản lý nhà nước mới được thực hiện việc lập, điều chỉnh quy hoạch,...; hoặc xem xét bổ sung, điều chỉnh nội dung như sau: “đ) Được tham gia góp ý về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại TTTC”. - Khoản 2 Điều 18: mặc dù quy định cho phép các tổ chức kinh tế được thế chấp quyền sử dụng đất mà ko phụ thuộc vào hình thức thuê đất nhưng nội dung này lại không thống nhất với Luật đất đai và khi tổ chức tín dụng nhận tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuê hằng năm sẽ không xử lý được nếu không có thêm điều khoản quy định cụ thể về việc xử lý tài sản bảo đảm thông qua hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê hằng năm trong trường hợp này để có cơ sở triển khai trên thực tế. - Điều 20. Chính sách phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội TTTC “1. Việc huy động vốn đầu tư phát triển hệ thống giao thông kết nối khu vực và quốc tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường trong TTTC thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), vốn đầu tư từ quỹ đất, vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này và các phương thức huy động vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật...” ☐ Khái niệm Hạ tầng kỹ thuật tại điều này có liên quan hạ tầng công nghệ, lưu trữ thông tin dữ liệu...? Với định hướng xây dựng, phát triển TTTC tầm quốc tế thì việc lưu trữ thông tin, dữ liệu lớn đòi hỏi phải có	Khoản 1 Điều 17: - Điểm b: dự kiến sẽ làm rõ ở Nghị định hướng dẫn. - Điểm đ: kiến nghị không tiếp thu do đây là quy định đặc thù, vượt trội trong TTTC, không căn cứ quy định hiện hành. Khoản 2, Điều 18: dự kiến sẽ quy định ở Nghị định hướng dẫn
--	--	---

hạ tầng kỹ thuật đảm bảo khả năng xử lý tốt, đáp ứng nhanh, kịp thời, an toàn, bảo mật. Thu hút nước ngoài đầu tư có thể giúp đẩy nhanh việc triển khai, tuy nhiên, nên có quy định đặc thù có phía nhà nước tham gia hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ là trong nước làm để an toàn hơn về hạ tầng dữ liệu trong tương lai.

- Khoản 2 Điều 25:

“Trọng tài viên là người nước ngoài hoặc người Việt Nam được các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC. Phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế có giá trị thi hành ngay lập tức, không cần phải công nhận bởi Tòa án Việt Nam và có hiệu lực thi hành án. Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì áp dụng nguyên tắc tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này. Luật áp dụng để giải quyết tranh chấp do các bên lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho rằng là phù hợp nhất. Hội đồng trọng tài được áp dụng lệnh khẩn cấp, bao gồm phong tỏa tài sản và cấm giao dịch ngay trong quá trình tố tụng”.

Quy định trong dự thảo là chưa phù hợp và đầy đủ so với thực tiễn hiện nay, bởi những lý do sau đây:

Một là, quy định “Trọng tài viên là người nước ngoài hoặc người Việt Nam”. Như vậy, với quy định này các bên tranh chấp sẽ lựa chọn Trọng tài viên từ danh sách trọng tài viên nào, nguồn gốc tạo ra danh sách trọng tài viên này vẫn chưa có quy định cụ thể.

Hai là, quy định “Giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC”. Như vậy, với quy định này thì cần bổ sung thêm quy định về việc thành lập, hoạt động của Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC để giải quyết tranh chấp phát sinh.

Ba là, quy định “Phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế có giá trị thi hành ngay lập tức, không cần phải công nhận bởi Tòa án Việt Nam và có hiệu lực thi hành án”. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì Tòa án Việt Nam chỉ tiến hành thủ tục công nhận và cho thi hành

Khoản 2 Điều 25: dự kiến quy định tại Nghị định hướng dẫn

tại Việt nam đối với phán quyết của trọng tài nước ngoài (Bộ luật Tố tụng dân sự). Đối với phán quyết của trọng tài Việt Nam thì Tòa án chỉ tiến hành thủ tục giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (Luật Trọng tài thương mại). Trong khi đó, theo tinh thần của Dự thảo nghị quyết thì Trọng tài Quốc tế tại TTTC là tổ chức trọng tài Việt Nam. Vì vậy, đương nhiên sẽ không có thủ tục Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC tại Việt Nam (Bởi vì Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC là tổ chức trọng tài trong nước). Bốn là, nếu quy định phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại TTTC tại Việt Nam có hiệu lực thi hành án thì không thể áp dụng Luật Trọng tài thương mại năm 2010 mà phải ban hành quy định riêng về việc thành lập, hoạt động, trình tự, thủ tục tố tụng đối với trung tâm trọng tài này.

Năm là, quy định “Hội đồng trọng tài được áp dụng lệnh khẩn cấp, bao gồm phong tỏa tài sản và cấm giao dịch ngay trong quá trình tố tụng”: Cần được sửa đổi theo hướng: Hội đồng trọng tài được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bao gồm phong tỏa tài sản và cấm giao dịch ngay trong quá trình tố tụng (Có thể bổ sung thêm một số biện pháp khác cho phù hợp, ví dụ: Phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản...). Ngoài ra, quy định này là chưa có quy định về căn cứ để Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tự mình khi thấy cần thiết hay theo yêu cầu của đương sự và các căn cứ để áp dụng; Đồng thời, cũng cần bổ sung các quy định về quyền yêu cầu của đương sự, căn cứ áp dụng, trách nhiệm do áp dụng hoặc không áp dụng không đúng gây thiệt hại cho bên bị áp dụng.

Cần phải bổ sung quy định liên quan về thi hành án đối với quyết định, bản án của Tòa án, phán quyết của trọng tài về việc giải quyết các tranh chấp phát sinh.

Điều 25 Dự thảo tuy có quy định về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại TTTC nhưng còn rất chung chung, chưa cụ thể, chi tiết nên sẽ rất khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp. Vì vậy, cần bổ sung quy định này theo một trong ba phương án sau:

Phương án 1: Do TTTC Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam và nếu xem đây là hoạt động kinh doanh thông thường thì nếu có tranh chấp trong các hoạt động đầu tư tại Trung tâm thì phải áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết (Bộ luật tổ tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và các luật nội dung khác) để đảm bảo tính công bằng và thống nhất.

Phương án 2: Giao thẩm quyền cho cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn, quy định chi tiết về Điều 25.

Phương án 3: Xây dựng quy định về giải quyết tranh chấp, quy định về thi hành án thành những chương riêng biệt trong Nghị quyết.

Ngoài ra, những nội dung theo dự thảo liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, để đảm bảo tính hiệu lực cho việc vận hành và hoạt động của Trung tâm, do đó, việc xây dựng và hoạt động của TTTC tại Việt Nam cần phải luật hóa nhằm đảm bảo hành lang pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của trung tâm. Do đó, đề nghị cần sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc xem xét xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác phối hợp và tính khả thi của quy định, đề nghị Ban soạn thảo nên lấy ý kiến của các cơ quan liên quan khác để đảm bảo tính khả thi của đề án như hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm Trọng tài thương mại, Trung tâm hòa giải...

Về thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC

Theo dự thảo hiện nay, Trung tâm trọng tài quốc tế là một trong ba cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTC, kiến nghị xem xét, cân nhắc việc quy định thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC vì:

- **Khoản 1 Điều 25** dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Ngoài việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật đầu tư Việt Nam, tranh chấp giữa các nhà đầu tư, các thành viên TTTC được giải quyết thông qua việc áp dụng pháp luật và tòa án do các bên thỏa thuận lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết này, bao gồm:

	a) Pháp luật nước ngoài và tòa án nước ngoài; b) Pháp luật quốc tế và cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế. c) Thực hiện tại và theo quy định của Trung tâm trọng tài quốc tế tại TTTC. Như vậy, trường hợp phát sinh tranh chấp, các nhà đầu tư, các thành viên TTTC được thỏa thuận lựa chọn giải quyết thông qua cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế (bao gồm các Trung tâm trọng tài Quốc tế trên thế giới) hoặc hiện tại và theo quy định của Trung tâm trọng tài quốc tế tại TTTC. Tuy nhiên, với Trung tâm trọng tài vừa mới thành lập thì chưa có cơ sở để đảm bảo Trung tâm này sẽ thu hút sự lựa chọn của các bên (uy tín, kinh nghiệm, năng lực, danh tiếng của Trọng tài viên ...) Mặt khác, trường hợp Nghị quyết về thành lập và hoạt động của TTTC quốc tế tại Việt Nam được ban hành thì có thể thu hút các Trung tâm trọng tài Quốc tế danh tiếng trên thế giới đến Thành phố Hồ Chí Minh để đăng ký thành lập Trung tâm trọng tài hoặc đăng ký đặt chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (Luật Trọng tài thương mại năm 2010). Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có 27 Trung tâm trọng tài thương mại Việt Nam, đối với Trung tâm trọng tài quốc tế, hiệu lực phán quyết của Trung tâm trọng tài này sẽ bị ràng buộc bởi phán quyết của Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền trong việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam – Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Do đó, nhận thấy cần xem xét, đánh giá kỹ về nội dung cần thiết, khả thi khi thành lập và duy trì một Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế tại TTTC với vị trí là “Cơ quan quản lý, tổ chức thuộc TTTC” Điều 31. Điều khoản thi hành Đề nghị xem xét điều chỉnh hiệu lực thi hành nghị quyết trong thời gian 15 năm (tại Điểm a Khoản 1 Điều 30 “.....tại kỳ họp cuối năm 2030”)	Khoản 1 Điều 25: dự kiến quy định tại Nghị định hướng dẫn Dự thảo 19 nội dung đã tương đồng
	Sửa Điều 21 như sau: <i>Điều 21. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia và nhà đầu tư:</i>	Điều 21: Đã tiếp thu

Bộ Công an	Tại tài liệu góp ý (nhận tại cuộc họp Phó Thủ tướng Thường trực chủ trì ngày 01/4/2025)	1. Thị thực và cư trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư: a. Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, đầu tư, kinh doanh tại TTTC và thân nhân (vợ/chồng, con dưới 18 tuổi) được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú so với quy định chung; được rút gọn và ưu tiên giải quyết trong cấp mới và gia hạn thị thực; được cấp thị thực nhiều lần với thời hạn dài đến 5 năm hoặc thẻ tạm trú với thời hạn đến 10 năm trong trường hợp là nhà đầu tư, chuyên gia quan trọng; b. Người nước ngoài đầu tư với số vốn lớn hoặc có đóng góp quan trọng tại TTTC hoặc chuyên gia, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại TTTC được xem xét cấp thẻ thường trú dài hạn tại Việt Nam theo đề nghị của Cơ quan, quản lý, điều hành TTTC để cư trú lâu dài tại Việt Nam. Tiêu chí cụ thể về mức vốn đầu tư, lĩnh vực đầu tư ưu tiên, thời gian cam kết hoạt động do Chính phủ quy định. Khoản 3 Điều 21, chưa nêu rõ miễn hoặc được cấp giấy phép lao động	Khoản 3 Điều 21: Nội dung tại Dự thảo 19 đã tương đồng
Bộ Nội vụ	Tại tài liệu góp ý (nhận tại cuộc họp Phó Thủ tướng Thường trực chủ trì ngày 01/4/2025)	1. Bổ sung thêm Điều 8, Chương II, Dự thảo 19: - Thêm “Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTC quốc tế” 2. Đề nghị bỏ Điều 34, Chương III, Dự thảo 19: - NQ chỉ quy định khung, nguyên tắc, giao trách nhiệm cho các Bộ ngành. - Đề nghị giao Chính phủ quy định trách nhiệm.	Dự thảo 19: Đã tiếp thu Dự thảo 19: Đã tiếp thu